

GHI ƠN TIỀN BỐI 50 NĂM (1920-1970) CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM



HT THIÊN HOA Soạn

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 06-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

DIỄN VĂN

GHI ƠN TIỀN BỐI

BA ĐIỀU SƠ XUẤT

PHẬT GIÁO DU NHẬP VIỆT NAM LẦN ĐẦU TIÊN

PHẬT GIÁO TRẢI QUA CÁC TRIỀU ĐẠI

THỜI KỲ PHẬT GIÁO SUY ĐỒI

PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM (1920)

THỜI KỲ VẬN ĐỘNG (1920)

MIỀN NAM

A - HỘI LỤC HÒA VÀ TẠP CHÍ PHÁP ÂM

B - HỘI NAM KỲ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

C - LIÊN ĐOÀN HỌC XÃ RA ĐỜI

D - HỘI LƯỠNG XUYÊN PHẬT HỌC

THỜI KỲ VẬN ĐỘNG (1920)

MIỀN TRUNG

A - HỘI AN NAM PHẬT HỌC

B - PHẬT HỌC ĐƯỜNG BÁO QUỐC VÀ KIM SƠN

C - PHẬT HỌC ĐƯỜNG TRÚC LÂM VÀ TÂY THIÊN
D - PHẬT GIÁO TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ ĐÀ NẴNG
THỜI KỲ VẬN ĐỘNG (1920)
MIỀN BẮC
BẮC KỲ PHẬT GIÁO TỔNG HỘI
NHỮNG VỊ ĐÃ GÓP CÔNG XÂY DỰNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM.
PHẬT GIÁO NAM TÔN VIỆT NAM
PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ NĂM 1945-1963.

MIỀN NAM
PHẬT HỌC ĐƯỜNG PHẬT QUANG
CHÙA ÁN QUANG & PHẬT HỌC ĐƯỜNG NAM VIỆT
PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ NĂM 1945-1963

MIỀN TRUNG
PHẬT HỌC VIỆN NHA TRANG VÀ TU VIỆN NGUYỄN THIỀU
GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC
TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
SÁU TẬP ĐOÀN PHẬT GIÁO
PHẬT GIÁO GẶP ĐẠI NAN. (1963)

DANH SÁCH CHƯ THÁNH TỬ ĐẠO
I. LIỆT QUÝ VỊ TỰ THIÊU
QUÝ LIỆT VỊ BỊ THẨM SÁT QUA CÁC CUỘC KHỦNG BÓ VÀ
ĐÀN ÁP

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT RA ĐỜI
TỔNG KẾT PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUÁ KHỨ
ĐẠI HỘI THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHẬT GIÁO VIỆT NAM CẬN ĐẠI
PHẬT GIÁO VIỆT NAM NGÀY NAY
THỐNG BẠCH CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM GỬI TOÀN
THỂ PHẬT GIÁO ĐỒ TRONG NƯỚC

TIỂU SỬ BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC
I - THỜI KỲ THIẾU NIÊN
II - THỜI KỲ TRUNG NIÊN
III - THỜI KỲ LÃO THÀNH
IV - THỜI KỲ SẮP VIÊN TỊCH
TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH NGUYỄN HƯƠNG
TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH THANH TUỆ
TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ DIỆU QUANG
TIỂU SỬ THƯỢNG TỌA THÍCH TIÊU DIÊU
TIỂU SỬ PHẬT TỬ HỒNG THỂ THƯƠNG PHÉ BÌNH
TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH QUẢNG HƯƠNG

TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH THIÊN MỸ
TIỂU SỬ NỮ SINH PHẬT TỬ NGUYỄN THỊ VÂN
TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH THIỆN HUỆ
TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ DIỆU TRI
TIỂU SỬ NI SƯ THÍCH NỮ THANH QUANG
TIỂU SỬ PHẬT TỬ ĐÀO THỊ YẾN PHI
TIỂU SỬ PHẬT TỬ NGUYỄN THỊ HUỆ
TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ TRÍ TÚC
TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ TRÍ CHƠN
TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ HUỆ LẠC
TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH HẠNH ĐỨC
TIỂU SỬ THÍCH NỮ THÔNG HUỆ
TIỂU SỬ PHẬT TỬ NHỨT CHI MAI
LỜI TRẦN TRỜI CỦA NGƯỜI YÊU VIỆT NAM
BỨC THƯ NGỎ GỎI HAI CHÍNH PHỦ NAM BẮC VIỆT NAM
TÔI KHÔNG BIẾT CÁCH NÀO GỬI NHÂN DÂN VIỆT NAM
TÔI TỰ NGUYỆN THIÊU THÂN
BỨC TÂM THƯ CỦA NHẤT CHI MAI
THÍCH NỮ NHẤT CHI MAI
THƠ NHẤT CHI MAI GỎI LẠI CHA MẸ
LỜI TỰ THUẬT SAU CÙNG CỦA NHẤT CHI MAI
THƠ CUỐI CÙNG CỦA NHẤT CHI MAI
TIỂU SỬ THƯỢNG TỌA THÍCH THIỆN LAI
DIỄN VĂN CỦA THƯỢNG TỌA VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÒA ĐẠO
VĂN TẾ THƯỢNG TỌA THIỆN LAI
VĂN TẾ CHIẾN SỸ VÀ ĐỒNG BÀO CHIẾN NẠN
ĐIỀU VĂN
TIỂU SỬ NI CÔ KHÁT SĨ LIÊN TẬP
ĐÁM TANG NI CÔ LÊ THỊ GÁI TỰ THIÊU
TIỂU SỬ PHẬT TỬ QUÁCH THỊ TRANG
THỂ HỆ QUÁCH THỊ TRANG
TIỂU SỬ Phật tử PHAN VĂN HOÀ và NGUYỄN VĂN PHÁT
ĐIỀU VĂN CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO
TIỂU SỬ PHẬT TỬ HUỲNH VĂN THIỆN
TIỂU SỬ CỔ ĐẠI ĐỨC THÍCH THIỆN ÂN
BÀI ĐIỀU VĂN CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH PHÁP LAN
ĐIỀU VĂN CỦA BAN HDTƯ GĐPT VIỆT NAM
TIỂU SỬ CỔ HUỲNH TRƯỞNG PHAN DUY TRINH
TIỂU SỬ CỔ HUỲNH TRƯỞNG NGUYỄN ĐẠI THỨC
TIỂU SỬ PHẬT TỬ NGUYỄN THỊ VÂN

TIÊU SỬ PHẬT TỬ ĐÀO THỊ TUYẾT
TIÊU SỬ ĐẠO HỮU LÊ VĂN MỸ

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

“Uống nước nhớ nguồn”, đó là lẽ thường tình của con người, huống hồ là Phật tử.

Hôm nay hàng Phật-tử chúng ta đang sống trong hào quang tươi sáng của Phật, trong một tổ chức có quy-mô, trong một đường lối giáo dục có phương pháp và trong một tinh-thần thống nhất ý chí-hành động. Đó là nhờ sự gắng công thường xuyên, ý chí bất khuất của các bậc Tiên-Bối trong Phong trào Chân Hưng Phật-giáo Việt-Nam, 50 năm về trước, của 3 miền Nam, Trung, Bắc.

Gần 100 năm về trước, quê hương Tổ quốc của chúng ta bị người Pháp đô hộ, Dân tộc ta và những gì mang nặng dân-tộc tính, có tinh thần quốc gia đều bị thực dân Pháp bóp chết. Phật-giáo Việt-Nam nằm trong tình trạng ấy.

Nhưng không hèn mà nên, 50 năm về trước, các vị Tiên Bối cùng nằm trong một thời kỳ, cùng trong một hạnh nguyện, đã khởi xướng và đẩy mạnh Phong trào Chân Hưng Phật-giáo Việt-Nam.

Kết quả của nửa thế-kỷ hoạt-động trong chông gai, trong sự khùng bó chèn ép nặng nề, là cơ sở Phật-giáo đã lan đến hạ tầng thôn xóm; giáo lý nhà Phật không còn quanh-quẩn trong các Tu Viện mà đã quảng bá sâu rộng vào các tầng lớp dân chúng; phạm vi giáo dục Phật-giáo không còn đóng khung ở Bạc lão-thành mà đã đi sâu vào Thanh thiếu nhi Phật tử; nào Trường Bồ-đề, nào các Phật-học viện, rồi đến Đại-học Vạn-Hạnh...

Song song với công cuộc phát huy đời sống tâm linh, lãnh vực hoạt-động từ thiện xã hội như: Cô nhi-viện, Ký-nhi-viện, v.v... đã gây nhiều ảnh hưởng lớn lao trên toàn quốc.

Với những thành quả lớn-lao như thế, chúng ta không thể không nghĩ đến công đức của các vị Tiên-bối. Do đó, Hội Đồng Viện Hóa-Đạo đã quyết định tổ chức hàng năm, lễ kỷ-niệm “GHI ÂN NHỮNG BẬC TIỀN-BỐI HỮU CÔNG TRONG PHONG-TRÀO CHÂN-HƯNG PHẬT-GIÁO VIỆT-

NAM” vào ngày Phật Thành-Đạo (Mùng 8 tháng Chạp) và bắt đầu từ Phật Lịch 2513 năm Kỷ Dậu (1970) tại trụ sở Tam Viện Hóa-Đạo chùa Ân Quang Sài Gòn.

Bài “GHI ÂN TIỀN BỒI” này, bắt nguồn từ lòng tri ân không bờ bến, đối với các bậc Tiên Bồi và đã đọc lên trong buổi đại-lễ nói trên; rồi được sửa lại, thêm vào những đoạn cần-thiết và đổi đầu đề là “50 Năm Chấn hưng Phật-giáo Việt-Nam” Tập I. Sau tập này, chúng tôi sẽ viết tiếp quyển “Phật-giáo Việt-Nam ngày nay”, tức là quyển “50 Năm Chấn-hưng Phật-giáo Việt-Nam” tập II.

Quyển sách này viết ra nhằm các lợi ích sau đây:

1. Đề Tăng Ni và Phật tử thấy Phật-giáo Việt-Nam đã viết thành 1 trang lịch-sử vàng son oai-hùng và oanh-liệt, gần 2000 năm cứu quốc và kiến-quốc, luôn luôn chống ngoại xâm, trung-thành với quốc gia dân-tộc, cùng dân-tộc đồng an đồng nguy, mua chuộc không được, áp lực không sợ, không dựa quyền thế và không làm tay sai cho ngoại bang (xem đoạn tổng kết của quyển sách này, từ trang 128 đến trang 138). Là Phật-tử phải có bổn-phận giữ-gìn trang lịch-sử quý báu này.
2. Đề Tăng Ni và Phật tử đều thâm cảm hồng-ân sâu dày của Tiên-bồi. Quý Ngài đã đóng góp rất nhiều công-lao gian khổ và sự-nghiệp Chấn-hưng Phật-giáo trong nửa thế-kỷ vừa qua.
3. Đề Tăng Ni và Phật Tử tin tưởng phấn khởi trước sự trỗi dậy, tiến triển của Phật-giáo Việt-Nam trong 50 năm vừa qua, từ khi suy đồi thậm tệ, đến lúc thực sự phục-hưng.
4. Đề Tăng Ni và Phật tử sẽ ý thức trách-nhiệm hay bổn phận của mình, hăng hái tiếp nối, và duy trì sự-nghiệp của Tiên bồi.

Tập sách này, chỉ là tài-liệu sơ-khởi, đương nhiên còn phiến-diện, vì công trình vồn vện chỉ có một mình tôi! Lại còn phải đảm-đang rất nhiều công việc. Tôi ước mong tập tài liệu này có thể giúp ích về sau, để soi sáng cho những công-trình hoàn bị hơn, thuộc loại giáo-sử này. Kính xin Quý liệt vị Thiện Tri Thức vì lợi ích chung, hoan hỷ bỏ-túc cho những điểm thiếu sót, để khi tái bản được hoàn-bị.

Chùa Ân Quang

Ngày rằm tháng chạp năm Kỷ Dậu (1970)

Sa-môn Thích Thiện Hoa.

---o0o---

DIỄN VĂN

Của Thượng-Tọa Thích Thiện-Hoa, viện Trưởng Viện Hóa-Đạo G.H.P.G.V.N.T.N, đọc trong lễ kỷ-niệm lần đầu tiên (8/12 Kỷ dậu, Phật Lịch 2513) Ghi ân các bậc tiền-bồi hữu- công trong phong-trào chấn-hưng Phật-giáo Việt-Nam, hậu bán thế-kỷ 25, Phật lịch.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

Thưa Quý Liệt vị,

Như mọi người đã biết, cách đây hơn thế-kỷ, Dân tộc Việt-Nam mất chủ quyền độc lập từ ngày thực dân Pháp mang quân sang xâm chiếm nước ta. Cũng từ ngày đó, Phật-giáo Việt-nam, một tôn giáo dân-tộc, có mặt trên đất nước này gần 2000 năm lịch- sử, đã đau đớn bước vào con đường suy-vong chung với dân-tộc!.

Tuy nhiên, hoàn cảnh tủi nhục chung ấy đã thúc đẩy lòng yêu nước mến đạo của dân-tộc, nên đã có những Anh Hùng cách mạng đứng lên chống lại ách thực dân, giành độc lập cho xứ sở. Cũng trong tinh-thần ấy, Phật-giáo Việt-Nam cũng có những Bậc Tăng-sĩ, Cư-sĩ nhiệt tâm với tiền-đồ Đạo-pháp, đã tìm mọi cách khôi-phục lại truyền-thống tín ngưỡng của dân-tộc bằng mọi cách, để duy trì truyền-bá chánh-pháp, giữ lại những đạo-lý luân-thường, phong-tục tập quán Văn-minh cổ-truyền của đất nước, đã chịu nhiều ảnh-hưởng Phật-giáo, hầu đóng góp công nghiệp tranh thủ chủ-quyền và sinh tồn cho Tổ-quốc và Đạo-pháp, chống lại những gì phi Dân tộc do ngoại bang mang đến.

Thưa Quý Liệt Vị,

Hôm nay, đã đến lúc chúng ta những người thừa kế có nhiệm vụ kiểm-điểm lại sự nghiệp của tiền nhân, đồng thời kính cẩn ghi vào “Lịch sử Phật-giáo Việt-Nam cận đại” những thành-tích riêng biệt của những bậc Tiền Bồi, hữu công trong Phong-trào Chấn-hưng Phật-giáo, để chúng ta noi theo đó mà tiếp tục giữ gìn, và để cho những hậu-côn, tương lai của chúng ta noi gương học hỏi.

Bởi các lễ trên, trong đại-hội Cư-sĩ toàn quốc kỳ I vừa rồi, Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất đã chính thức công-bố một Tuyên-cáo liên quan nhiều vấn-đề quá-khứ, hiện-tại và vị-lai, cả đối nội cũng như đối ngoại của Giáo-hội, trong đó điểm đầu tiên nhất: Giáo-hội long trọng ghi nhận công-đức lớn lao của các bậc Tăng-sĩ, Cư-sĩ tiền-bối hữu công trong sự nghiệp Chân hưng Phật-giáo, từ gần nửa thế-kỷ qua tại-Việt-nam. Và tiếp theo đó một quyết-định của Giáo-hội đã được ban-hành ngày 16/12/1969, thiết-lập ngày kỷ-niệm hàng năm, đối với các Thánh Tăng đại-sĩ, các vị Cư-sĩ Bồ-Tát tại-gia, thuộc các miền Nam Trung Bắc và Nam Bắc Tôn hữu công, trong quá-khứ hoặc hiện-tại, vào dịp lễ kỷ-niệm Đức Phật Thành Đạo, mừng 8 Tháng 12 âm-lịch.

Hôm nay, để cuộc lễ đầu tiên vừa mới thiết lập đầy đủ ý nghĩa, Giáo hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất và toàn thể Phật-giáo đồ thành tâm tưởng niệm:

- *Quý vị sáng-lập các Hội, các Đoàn, và các cơ-sở Văn-hóa Xã-hội có mục đích khuyến khích nghiên-cứu, giáo-dục, học tập chánh-pháp và thực hành theo chánh pháp;*
- *Quý vị sáng-lập và Chủ-trì các cơ quan đào tạo Tăng-tài, các vị Pháp sư, Giảng-sư, Giáo-sư hữu công, hữu danh, v ..v ...*
- *Quý vị phiên-dịch kinh-điển, trước tác và ấn hành các Văn phẩm, họa phẩm, điêu khắc, ca nhạc, kiến trúc v.v ... có giá trị liên quan trực- tiếp, gián-tiếp trong việc phổ biến giáo-lý hình ảnh màu sắc Đạo-Phật;*
- *Quý vị sáng-lập và chủ-trì các cơ-quan ngôn luận, truyền bá và Việt-hóa giáo pháp.*
- *Quý vị đã hy sinh tánh mạng vì hộ-trì chánh pháp, quý vị kiến-tạo và duy-trì các Tông-lâm, các danh-lam thắng tích Phật-giáo, quý vị Phụng thủ Tam-Tạng Thánh-Giáo;*
- *Quý vị hăng Tâm hăng Sấn, hữu danh, vô danh, Quý vị hộ trì Tam-Bảo đã đóng góp xứng đáng, quý giá cho các Phật-sự trong quá-khứ.v.v...*

Đại-khái, chúng ta ghi nhớ công-đức quý vị đã có công duy-trì, truyền-bá xây dựng Phật-giáo Việt-nam, trong thời kỳ đen tối của Lịch- sử Dân- tộc và Đạo-pháp, dưới sự phong tỏa, kỳ thị, kiểm soát của thực dân và các thế lực tay sai từ 1920 đến nay. Pháp hiệu, phương danh và tiểu sử của các vị

ấy sẽ được thiết lập sau, vì phải hết sức thận trọng, cân nhắc để xác định đúng mức công nghiệp có tính-cách và giá-trị lịch-sử của các Ngài, hầu tránh những lỗi lầm thiếu sót trước khi đưa Quý Ngài vào lịch sử. Nhất là tìm hiểu sâu xa sự liên hệ giữa sự Chấn-hưng Phật-giáo với sự quật-cường của Dân-tộc đã nhịp nhàng như thế nào, để chứng minh rằng: Dân tộc và Đạo pháp có sự gắn liền và bất khả phân, đồng an đồng nguy, trong quá trình lịch sử; để chúng ta thêm tin tưởng và dấn thân phục vụ cho tương lai, bất cứ trong lãnh vực nào mà dân-tộc cần đến.

Thưa quý Liệt vị,

Tục ngữ có câu: “Cây có gốc, nước có nguồn”. Quả vậy, Giáo hội PGVNTN chúng ta được thiết-lập đến nay tuy mới 6 năm tròn, nhưng nó đã được thai nghén trưởng dưỡng từ gần nửa thế-kỷ trước. Chúng ta là những người thừa hưởng sự nghiệp vẻ vang của tiền nhân để lại. Do đó chúng ta, những người hiện tại, có nhiệm vụ làm thế nào trang sử Phật-giáo Việt-Nam của thời vàng son Đinh-Lê-Lý-Trần, và thời Chấn-hưng cận-đại, được nối liền và sáng chói tới tương lai!

Có như thế, mới mong được đền đáp phần nào công ơn xây dựng của tiền-hội, chúng ta cần phải cố gắng và hy -sinh nhiều hơn nữa trong tương lai, mới mong giữ vững được những công-trình sự-nghiệp cao cả của tiền nhân để lại.

Trước khi dứt lời, chúng ta hãy giành một phút mặc-niệm và cầu nguyện cũng như hồi hướng công đức giữ Đạo, dựng Đạo của các vị Tiên-Bối cho Hòa Bình đất nước và sự trường tồn của Giáo-hội.

Trân trọng kính chào Quý Liệt Vị.

Nam-Mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

---o0o---

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

VIỆN HÓA ĐẠO

243, Sư Vạn Hạnh

Số: 0176-VHĐ/VP/QĐ

VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO

- Chiếu Giáo-chỉ ngày mồng 8 tháng 12 Phật lịch 2509 (14-12-65) của Đức Tăng Thống Ban Hành Hiền chương G.H.P.G.V.N.T.N. được tu chỉnh bởi đại hội khoáng đại kỳ II,
- Chiếu Biên bản đại hội G.H.P.G.V.N.T.N. kỳ III, ngày 20-08-68, lưu nhiệm chức vụ Viện-trưởng Viện Hóa-Đạo G.H.P.G.V.N.T.N
- Chiếu giáo chỉ số 08 ngày 20-08-68 phê chuẩn và tấn phong Ban-Chỉ Đạo Viện Hóa-Đạo của Đức Tăng Thống.
- Chiếu Tuyên-cáo ngày 01-12-1969 của Viện Hóa-Đạo Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất.
- Chiếu Biên-bản phiên họp Hội đồng Viện Hóa-Đạo ngày 12-12-69.

QUYẾT ĐỊNH.

Điều 1: - Nay trân trọng thiết lập ngày kỷ-niệm pháp-định các vị Tăng-sĩ, Cư-sĩ Tiên-bồi thuộc Nam Bắc Tôn tại Nam Trung Bắc, hữu công trong Phong trào Chân- hưng Phật-giáo Việt-Nam, trong hậu bán thế-kỷ 20, Phật Lịch (1920-1963 Dương lịch).

Điều 2: - Ngày kỷ niệm trên được ấn-định vào ngày mồng 8 tháng Chạp âm-lịch, nhằm ngày Thành-đạo của Đức Bôn-Sư.

Điều 3: - Các giáo phái Phật-Giáo Nam Bắc Tông trong Giáo hội, các Ban Đại diện Giáo-hội và các cấp nhiệm-vụ lập danh sách và tiểu sử các vị Tiên-bồi hữu công, trình lên Giáo-hội Trung-Ương, để ghi vào sử Phật-giáo Việt-Nam cận đại.

Điều 4: - Quý vị Phó Viện-Trưởng, Tổng Thư-Ký, Tổng vụ trưởng, Tổng-vụ Tăng sự, Tổng-vụ Cư-sĩ, Tổng-vụ Thanh niên chiếu nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Phật lịch 2513–Sài gòn, ngày 16 tháng 12 năm 1969.

(ấn, ký)

Thượng Tọa Thích Thiện Hoa.

Nơi nhận:

- Các Tổng vụ, Vụ.
- Các cơ quan trực thuộc Viện Hóa-Đạo.

- Các B. Đ. D. Giáo hội các cấp trong ngoài nước “để chiếu hành”.

---o0o---

GHI ÂN TIỀN BỐI

Bài của Thượng tọa Thích Thiện-Hoa, Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo đọc tại chùa Ấn Quang, trụ sở tạm của Giáo Hội P. G. V. N. T. N. vào ngày “đại lễ tri ân những vị hữu công trong Phong trào Chấn hưng Phật-giáo Việt-Nam” gần nửa thế-kỷ (1920-1963), nhân ngày Phật Thành Đạo, mừng 8 Tháng Chạp năm Kỷ Dậu (15.01.1970).

Kính bạch: Đức Tăng-Thống,

Kính bạch chư Tôn Trưởng-lão Hòa-thượng,

Thượng-tọa, Đạ-đức Tăng, Ni,

Kính thưa: Đại diện Quý Giáo phái,

Kính thưa: Quý quan khách, đồng bào Phật-tử,

Kính thưa: Quý Liệt Vị,

Hôm nay, là ngày “Đại lễ Phật Thành-Đạo”, cũng là ngày Đại lễ tri ân đầu tiên kể còn người mất, hữu công trong sự nghiệp Chấn-hưng Phật-giáo Việt-Nam” gần nửa thế-kỷ nay. (1920-1963)

Thừa lệnh Đức Tăng Thống và Hội đồng lưỡng viện, nhân danh Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo, Tôi xin thành kính tuyên dương thành tích hoạt động và phương danh những bậc hữu-công trong Phong trào Chấn-hưng Phật-giáo Việt-Nam, gần 50 năm trở lại đây.

---o0o---

BA ĐIỀU SƠ XUẤT

Trong bài này, chúng tôi xin cáo lỗi trước, có 3 điều sơ-xuất mà chúng tôi không sao tránh khỏi được; xin quý liệt vị từ bi hoan hỷ:

1.- Phong trào Chấn-hưng Phật-giáo, gần nửa thế-kỷ nay, Quý vị hữu công với Đạo rất nhiều và thành tích, công đức của Quý vị vô biên, với thời gian ngắn ngủi này, chúng tôi không thể nào nhớ hết và tuyên dương hết được;

2.- Còn rất nhiều vị Tiên-bối danh-đức, nhất là ở miền Trung và miền Bắc, mà chúng tôi chưa được hân-hạnh biết tới, nên cũng không biết làm sao sưu tầm được đầy đủ;

3.- Ngày giờ năm tháng, xứ sở, thành tích hoạt động của Quý liệt vị, chúng tôi ghi được phần nào, còn bao nhiêu, không biết làm sao ghi được đầy đủ.

Biệt chú:

Trước khi in thành sách, chúng tôi đã gửi 300 bản-thảo bài này đi khắp nơi, để yêu cầu quý liệt vị giúp ý kiến và bổ túc cho những điều sai lầm hoặc làm sót. Thời-gian gửi đi trên 7 tháng, nhưng sự đáp ứng tối thiểu, làm cho tập sách này không được đầy đủ như sự mong muốn của soạn- giả, cũng như đọc giả. Những điều sơ suất này ngoài ý muốn của soạn- giả, xin quý liệt vị hoan hỷ. Sau khi xem tập sách này, một lần nữa, chúng tôi mong quý vị bổ túc cho những điều thiếu sót, để khi tái-bản được đầy đủ hơn.

---o0o---

PHẬT GIÁO DU NHẬP VIỆT NAM LẦN ĐẦU TIÊN

Thưa Quý liệt vị,

Chúng ta hãy nghiêm chỉnh và thành kính, từ từ lật lại từng trang lịch sử Phật-giáo Việt-Nam. Chúng ta thấy Phật-giáo bắt đầu có mặt trên Quê hương Tổ quốc Việt Nam vào cuối Thế-kỷ thứ II, tức là năm 189 sau Tây Lịch, đến nay—1970—là 1781 năm, gần 20 thế-kỷ, do bốn vị cao tăng truyền giáo:

1. Ngài Mâu-Bác (người Trung-hoa)
2. Ngài Khuru-Tăng-Hội (người Ấn-Độ)
3. Ngài Ma-Ha Kỳ-Vút (người Ấn-Độ)
4. Ngài Chi-Cương-Lương (người Ấn-Độ).

---o0o---

PHẬT GIÁO TRẢI QUA CÁC TRIỀU ĐẠI¹

Phật-giáo trải qua bao nhiêu triều đại, cho đến Đinh, Lê, Lý, Trần có rất nhiều vị Thiên-sư và Phật-tử đã thực sự giữ vai trò cứu nước giúp dân, đem lại Hòa Bình an vui cho Dân tộc và xứ sở. Những triều đại này, thành

những triều đại huy hoàng nhất trong lịch sử Dân tộc Việt-Nam, đồng thời cũng đã viết thành những trang sử vàng son nhất cho Phật-giáo Việt-Nam, như quý Ngài:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Khuông-Việt Thái- Sur | - Vạn-Hạnh Thiên-Sur |
| - Cảm-Thành Thiên-sur | - Trúc-Lâm Tam Tổ |
| - Viên-Chiếu Thiên-Sur | - Đổ-Thuận Thiên-Sur. |
| - Huệ-Sinh Thiên-Sur | - Đa-Bảo Thiên-Sur |
| - Thiên-Lão Thiên-Sur | - Lý Thái-Tổ (Lý Công Uẩn) |
| - Lý Thái-Tôn | - Tuệ Trung Thượng Sĩ |
- (tức Trần Quốc Toản) v.v...

Quý vị danh Tăng trên đây đã được lịch sử Phật-giáo Việt-Nam cũng như lịch sử Dân tộc Việt-nam ghi đậm công đức, thành tích uy danh rồi. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ thành kính tri ân và ghi lại thành tích “Chấn-hung Phật-giáo Việt-Nam” và uy danh của Quý liệt vị, trong vòng gần 50 năm trở lại đây, để cho đoàn hậu côn kính mộ và noi gương mà thôi.

---o0o---

THỜI KỲ PHẬT GIÁO SUY ĐÒI

Thưa Quý liệt vị,

Từ khi quê hương Tổ quốc của chúng ta bị người Pháp đô hộ, họ đã cố tình thay hết tất cả những gì quý báu của Dân tộc Việt-Nam ta, bằng cách thế vào đó những cái gì của họ: từ Tôn giáo, Văn hóa, giáo dục, phong tục, tập quán, ...

Như muốn loại trừ ảnh hưởng của Phật-giáo và Nho giáo, thì họ bỏ hết chữ Nho và thay bằng chữ Pháp. Nhưng chỉ dạy người dân đủ biết để làm nô lệ cho họ. Vì chén cơm manh áo, nên chúng ta mỗi ngày mỗi nhiều bỏ hết chữ Hán, học theo chữ Pháp. Do bỏ chữ Hán nên dân chúng không đọc được kinh Phật; Vì lúc bấy giờ kinh sách Phật toàn chữ Hán.

Không đọc được Kinh sách Phật, nên tín đồ không hiểu giáo lý của Phật là gì. Bắt đầu từ đó họ xa dần Đạo Phật. Đạo Phật bắt đầu suy đồi. Cho đến tín đồ không biết Đạo Phật là gì, ai là người khai sáng Đạo Phật, giáo lý Đạo Phật ra sao. Đến nỗi toàn quốc không có một ngôi trường học Phật! Đạo Phật là một Đạo của Dân tộc Việt-Nam rất lâu đời, -1781 năm (đến năm 1970) gần 20 thế-kỷ-gần 90% dân chúng theo Đạo Phật (theo bản điều tra

của Phó Thủ Tướng về dân số Đô Thành, thì năm 1962 (Trang 117, 118, 119) Phật-giáo đồ chiếm 85,40% dân số; đến năm 1967 (trang 13, 14) thì Phật-giáo đồ chiếm 87,24% dân số. Nếu kiểm tra miền Tây, miền Đông Nam phần thì có lẽ bằng hoặc trên số này. Và nếu kiểm tra ở miền Trung thì có lẽ trên 90% dân chúng theo Đạo Phật. Nhưng Đạo Phật bị kỳ thị ghép vào Dự số 10, như một hiệp hội không hơn không kém. Mặt tiền các đại lộ của Đô thành không có một ngôi Chùa nào được chường mặt, trái lại phải rút hình vào những đường hẻm hay trong xóm! Mỗi khi Đại lễ hay rằm lớn, làm chay, làm phước, thuyết pháp, giảng đạo, ... đều phải xin phép chính quyền. Chư Tăng thường bị chính quyền bắt đi lính, làm xâu hoặc canh gác. Phật-giáo thời bấy giờ bị kỳ thị và suy đồi tột độ! Chỉ còn hình thức cúng bái, mê tín dị đoan. Chư tăng hầu hết chỉ lo đi cúng đám, làm nghề sinh nhai. Đến nỗi ông Tăng không khác gì người tục! Đạo Phật bấy giờ bị người chê là yếm thế, tiêu cực hay nhu nhược. Ông Tăng không còn giá trị gì cả!.

Lúc bấy giờ toàn quốc chỉ còn một ít ngôi chùa Tổ duy trì đạo mạch, thỉnh thoảng có mở một vài trường hương, trường kỳ!

Miền Nam có Chùa Tổ: Giác Viên, Giác Lâm (Sài gòn) Giác Hải, (Tổ Từ Phong ở chùa Giác Hải ChoLon có công dịch kinh và khắc bản, như bộ Quy Nguyên Trục Chi, ...Tổ có óc cải tiến), Phi Lai, Tây An (Châu Đốc), Thiên Thai (Bà Rịa), Tuyên Linh (Bến Tre) Long Triều (Sài Gòn), Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), Tam Bảo (Hòa Thượng Nguyễn Văn Đồng trụ trì chùa Tam Bảo Rạch Giá và sư Thiện Chiếu vì tội “ái Quốc chống Pháp” mà Hòa Thượng bị tù ở Côn Đảo cho đến ngày bỏ xương; còn sư Thiện Chiếu thì bị đánh đập tù đầy đến Bại xuội thành Phế nhơn)...

Miền Trung có chùa Tổ: Thiên Tôn, Tây Thiên, Trúc Lâm, Từ Hiếu, Từ Đàm, Quốc Ân, Báo quốc Tra Am (Huế); Thập Tháp, Long Khánh, Linh Phong (Bình Định); Thiên Ân, Quang Lộc (Quảng Ngãi); Từ Quang (Tổ Từ Quang Phú Yên giải kinh dịch sách rất nhiều), Bát Nhã, Báo Tịnh (Phú Yên), ...

Miền Bắc có chùa Tổ: Vĩnh Nghiêm, tế Các, Bằng Sở, Mật Ứng, Hương Tích, Trung Hậu, Phú Ninh, Phúc Thịnh, Đồng Đắc, Hưng Ký, ...

PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM (1920)

Vì thấy sự suy đồi xuống dốc tột mức của Phật-giáo Việt-Nam mà đau lòng, đồng thời nhờ ảnh hưởng Phong trào Chấn Hưng Phật-giáo ở Trung Hoa, do báo Hải Triều Âm cổ xúy, nên bắt đầu từ năm 1920, chư Tôn Hòa Thượng Trưởng Lão, Thượng Tọa, Đại Đức hợp lực với một số Phật tử Cư sĩ có nhiệt tâm với Đạo, bắt đầu lo việc Chấn Hưng Phật-giáo, mở các trường gia giáo để đào tạo Tăng tài và thỉnh thoảng có thuyết pháp cho tín đồ nghe.

CÁC TRƯỜNG GIA GIÁO Ở MIỀN NAM:

Chùa Tuyên Linh của Tổ Khánh Hòa ở Bến Tre,

Chùa Phi Lai của Tổ Chí Thiện ở Chợ Voi, Châu Đốc.

Chùa Giác Hoa ở Bạc Liêu dạy 100 Ni (Bà Hai Ngó đệ tử Tổ Phi Lai. Bà phát tâm xuất gia, cất chùa Giác Hoa, mở trường gia giáo, tứ sự cúng dường cho 100 học Ni, tu học trong 1 năm—1927—tại Bạc Liêu).

Chùa Kim Huê, Vạn An, Phước Long ở Sa Đéc.

Chùa Long An của Tổ Khánh Anh ở Trà Ôn (1931), ...

Chùa Tổ Đình của Thiên thai Thiên Giáo Tông, là chùa Long Hòa (Phước Tuy) do Tổ Huệ Đăng khai gia giáo năm 1936.

CÁC TRƯỜNG GIA GIÁO Ở MIỀN TRUNG:

Chùa Thập Tháp ở Bình định,

Chùa Từ Quang, Bát Nhã ở Phú Yên.

Chùa Thiên Ân, Quang Lộc ở Quảng Ngãi, ...

CÁC TRƯỜNG GIA GIÁO Ở MIỀN BẮC:

Chùa Sở, Chùa Bát Tháp, Chùa Bồ Đề,

BAN HỘI VIÊN SÁNG LẬP HỘI NAM KỲ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC CHƯ HÒA THƯỢNG:

1 - H. T. Khánh Hòa.
Phong.

2 - H. T. Trí Thiên.

3 - H. T. Từ

4 - H. T. Huệ Quang.
Dư.

5 - H. T. Chánh Quả.

6 - H. T. Thiện

CÁC CƯ SĨ:

7 – Ông Trần Nguyên Chân.
Huỳnh Văn Quyền.

8 – Ông Nguyễn Văn Cần.

9 – Ông

10 – Ông Trần Văn Khuê.

11 – Ông Phạm Ngọc Vinh

12 – Ông

Nguyễn Văn Nhơn. 13 – Ông Lê Văn Phổ.

---o0o---

THỜI KỲ VẬN ĐỘNG (1920)

MIỀN NAM

A - HỘI LỤC HÒA VÀ TẠP CHÍ PHÁP ÂM

Đến năm 1920, tại miền Nam, quý Sư Cụ họp nhau lập “Hội Lục Hòa” (Không phải giáo hội Lục Hòa Tăng bây giờ), mục đích để đoàn kết và vận động Phong trào Chân Hưng Phật-giáo.

Đến tháng Giêng, năm Kỷ Ty, Tổ Khánh Hòa đích thân đi vận động hầu hết các Chùa lớn ở miền Nam, và Tổ còn cử một phái đoàn do Sư Thiện Chiếu hướng dẫn, ra Trung và Bắc để vận động Phong trào Chân Hưng Phật-giáo, được một số hưởng ứng. Tổ là người đầu tiên và có công lớn nhất trong “Phong trào Chân Hưng Phật-giáo” ở miền Nam nói riêng và Việt Nam nói chung. Mặc dù thân gầy nhiều bệnh, nhưng Tổ không lúc nào xao lãng Phật sự.

Tổ còn cho ra tạp chí Pháp Âm để cổ động cho Phong trào Chân Hưng Phật-giáo. Phục lực với Thầy, Sư Thiện Chiếu cho xuất bản tờ Phật Hóa Tân Thanh Niên, để cổ động trong giới Thanh niên Tăng, Ni và Phật tử. Đây là hai tờ báo Phật-giáo đầu tiên bằng chữ Việt, mở đầu cho các tờ báo Phật học tạp chí bằng chữ Việt sau này. Ngoài hai tờ báo nói trên, sư Thiện Chiếu còn xuất bản một số Phật học tùng thư, được đa số trí thức hoan nghênh.

---o0o---

– THIÊN THAI THIÊN GIÁO TÔNG VÀ TẠP CHÍ BÁT NHÃ ÂM:

Năm 1931 Ngài Hòa Thượng Huệ Đăng chùa Thiên Thai, thành lập Thiên Thai Thiên Giáo Tông, Thiện Hữu Hội và cho xuất bản tạp chí Bác Nhã Âm là một cơ quan ngôn luận có nhiệm vụ truyền bá giáo lý trong toàn quốc một cách sâu rộng.

---o0o---

B - HỘI NAM KỲ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Đến ngày 26.8.1931, lần đầu tiên, một Hội Phật Học ra đời, lấy tên là “Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học”, đặt trụ sở tại chùa Linh Sơn số 149 Đường Douaumont (Tức đường Cô Giang bây giờ) Sài Gòn. Hội ra tạp chí Từ Bi Âm (Ngày 1.1.1932) để truyền bá giáo lý; lập Pháp Bảo Phường, thỉnh Tam Tạng Kinh Trung Hoa làm tài liệu nghiên cứu. Hội làm cho Phật Pháp được sáng tỏ trong đương thời.

Những nhân vật hữu công với hội này:

Bên chư Tăng có:

- Tổ Khánh Hòa chùa Tuyên Linh Bến Tre.
- Tổ Huệ Quang chùa Long Hòa Trà Vinh.
- Tổ Trí Thiên chùa Tam Bảo Rạch Giá.
- Tổ Từ Phong chùa Giác Hải Chợ Lớn.
- Tổ Chánh Quả chùa Kim Huệ Sa Đéc.
- Tổ Chí Thiên chùa Phi Lai Châu Đốc.
- Tổ An Lạc chùa Vĩnh Trường Mỹ Tho.
- Hòa Thượng Nguyễn Chánh Tâm chùa Thiên Phước Trà Ôn.
- Hòa Thượng Tâm Quang chùa Viên Giác Bến Tre.
- Hòa Thượng Lê Phước Trí ở Kế Sách Sóc Trăng.
- Hòa Thượng Huệ Thành chùa Thành Linh Cà Mau.
- Hòa Thượng Toàn Chơn chùa Pháp Võ Châu Đốc.
- Hòa Thượng Diệu Pháp chùa Long Khánh Trà Vinh.
- Ngài Yết Ma Nguyễn Văn Chúc chùa Tam Bảo Hà tiên.
- Ngài Giác Thọ Thiện Tâm chùa Đại Giác Biên Hòa.
- Hòa Thượng Huệ Định chùa Phước Long Sa Đéc.
- Hòa Thượng Từ Phong chùa Liên Trì Bến Tre.
- Hòa Thượng Thiện Dư.

Bên cư sĩ có:

- Ông Trần Nguyên Chấn.
- Ông Nguyễn Văn Cần.

- Ông Huỳnh Văn Quyên.
- Ông Phạm Ngọc Vinh.

- Ông Trần Văn Khuê.
- Ông Nguyễn Văn

Nhơn.

- Ông Lê Văn Phở ...

Tổ Khánh Hòa hiến một ngôi chùa tư cho Hội, để lập Pháp Bảo Phường, thờ Tam Tạng Kinh (Hiện nay vẫn còn ở chùa Linh Sơn số 149 đường Cô Giang Sài Gòn).

Hòa Thượng Bích Liên và Liên Tôn làm Chánh Phó chủ bút tạp chí Từ Bi Âm. Cụ Trí Độ (Bình Định), Thượng Tọa Thiên Dung (Mỹ Tho), Thượng Tọa Giác Nhựt (Cần Thơ), và Thượng Tọa Nhựt Chánh đều làm trợ bút.

Các cư sĩ ở Trà Vinh thỉnh Tam tạng Kinh ở Trung Hoa về cúng cho Hội, để làm tài liệu nghiên cứu (hiện nay vẫn còn thờ ở chùa Linh Sơn).

---o0o---

MỘT TÂM GƯƠNG

Vì đóng góp chung cho nền Chấn Hưng Phật-giáo nước nhà, nên ngoài sự hy sinh xác thân già yếu, Tổ Khánh Hòa còn đem chùa tư của mình hiến cho Hội, cất Pháp Bảo Phường để thờ Tam tạng Kinh.

Hòa Thượng Nguyễn Chánh Tâm trụ trì chùa Thiên Phước trà Ôn (Cần Thơ), đem ruộng tư chùa mình hiến cho Hội để đóng góp vào Phật sự công cộng, mặc dù ruộng chùa Ngài không nhiều.

Chúng tôi trích lại trong Từ Bi Âm, số 25, về lời phát nguyện của Hòa Thượng Chánh Tâm sau đây, để ghi đậm ơn đức của Ngài đối với Tiền đồ Phật-giáo và cũng để làm gương soi cho hậu thế.

---o0o---

TỜ NGUYỆN CÚNG LÚA RUỘNG

Tôi là Hòa Thượng Nguyễn Chánh Tâm, pháp danh Thiện Quang, trụ trì chùa Thiên Phước, ở làng Thiện Mỹ, Tổng Bình Lễ, quận Trà Ôn (Cần Thơ), làm tờ này bằng lòng cúng cho Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, hội quán chùa Linh Sơn Sài Gòn, 15 năm huê lợi về ba mầu năm sào (3 ha

30a) ruộng hạng nhứt của Thiên Phước Tự đứng bộ tại làng Hạnh Tân, Tổng Bình Lễ, cần Thơ.

Hội có quyền cho mượn sở ruộng ấy, kể từ tháng Giêng năm 1933, mà lấy lúa tá điền để trợ giúp sự hành-động Từ-Bi-Âm và nuôi Tăng đồ học đạo.

Nếu Tôi chết trước trong hạng 15 năm nói trên đó, thì các người Pháp tử của tôi ở cai quản chùa Thiên Phước cũng phải tuân theo lời nguyện của tôi đây, mà để cho Hội cho mượn sở ruộng đó, lấy huê lợi mà trợ Đạo.

Sài gòn le II Décembre 1932

THIÊN PHƯỚC TỰ
Hòa Thượng NGUYỄN CHÁNH TÂM.

---o0o---

C - LIÊN ĐOÀN HỌC XÃ RA ĐỜI

Đến năm 1933, Liên Đoàn Học Xã ra đời, mục đích để đào tạo Tăng tài và hoằng dương chánh pháp. Đây là một Phật Học Đường tuần hòa và liên tục, mỗi chùa đài thọ chi phí 3 tháng; ban ngày dạy học, ban đêm thuyết pháp. Bắt đầu từ chùa Long Hòa ở Tiểu Cần, Vĩnh Bình, tiếp đến chùa Thiên Phước Trà Ôn (Sư cụ Khánh Anh và Sư Cụ Pháp Hải làm Pháp sư dạy trường này) rồi đến Chùa Viên Giác Bến Tre rồi bị tan rã.

Những nhân vật hữu công trong Liên Đoàn Học xã như: Tổ Khánh Hòa (Bến Tre), Huệ Quang (Tiểu Cần), Khánh Anh (Trà Ôn), Pháp Hải (Vĩnh Long), Hòa Thượng Chánh Tâm (Trà Ôn), Hòa Thượng Viên Giác (Bến Tre)...và các phật tử bốn đạo của các chùa trên.

---o0o---

D - HỘI LƯƠNG XUYỀN PHẬT HỌC

Đến năm 1934, Hội Lương Xuyên Phật Học ra đời, mục đích để đào tạo Tăng tài, hoằng dương chánh pháp. Hội thỉnh Đại Tạng Kinh và Tục Tạng Kinh để làm tài liệu nghiên cứu (do Ông Ngô Trung Tín và cụ Huỳnh Thái Cửu thỉnh cúng cho Hội), và xuất bản tạp chí Duy Tâm Phật Học, để làm cơ quan hoằng pháp. Hội mở Phật Học Đường Lương Xuyên (1935) để

đào tạo Tăng, Ni (về sau trường Ni dời về chùa Vĩnh Bửu ở thôn Bến Tre).

---o0o---

THỜI KỲ VẬN ĐỘNG (1920)

MIỀN TRUNG

A - HỘI AN NAM PHẬT HỌC

Sau Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học 1 năm, đến năm 1932 tại miền Trung, Hội An Nam Phật Học ra đời, trụ sở đặt tại chùa Từ Đàm-Huế.

Những vị sáng lập:

Bên Tăng có Tổ Giác Tiên (Cố Viện Chủ chùa Trúc Lâm), ...

Bên cư sĩ có Bác sĩ Lê Đình Thám Pháp Danh Tâm Minh, ...

Hội mở nhiều chi hội ở các Tỉnh, Quận, Xã khắp cả miền Trung. Hậu thân của Hội An Nam Phật Học là Hội Phật Học Trung Việt.

Hội thỉnh Đại Tạng Kinh để làm tài liệu nghiên cứu và ra tờ tạp chí Viên Âm (1934) để hoằng dương chánh pháp. Bác sĩ Lê Đình Thám (Tâm Minh) làm hội trưởng kiêm chủ nhiệm và chủ bút tạp chí Viên Âm. Hội thành lập Gia đình Phật Hóa Phổ đầu tiên (tức hiện nay là Gia đình Phật tử) và lập Trường Bồ Đề trước nhất.

---o0o---

B - PHẬT HỌC ĐƯỜNG BÁO QUỐC VÀ KIM SƠN

Hội mở Phật Học Đường tại chùa Báo Quốc (1935) để đào tạo Tăng tài, sau dời về Tông Lâm Tu Viện Kim Sơn (1945). Những vị xuất thân từ trường này, hiện nay dự vào hàng giáo phẩm cao cấp của Giáo hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất Trung Ương và miền Trung như: Thượng Tọa Thiện Minh, Trí Quang, Thiện Siêu, Trí Tịnh, và Trí Thành, ...

Hội còn Tổ chức các đoàn thể thanh niên Phật tử như: Đoàn thanh niên Phật học Đức Dục, Gia đình Phật Hóa Phổ, Đồng Ấu Phật Tử. Người xuất thân từ Thanh Niên Phật Học Đức Dục, hiện nay là Thượng Tọa Minh Châu, Viện

trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, Giáo sư Võ Đình Cường (Trưởng Ban Hướng Dẫn Trung Ương Gia đình Phật tử Việt Nam), ...

---o0o---

C - PHẬT HỌC ĐƯỜNG TRÚC LÂM VÀ TÂY THIÊN

Trước Hội An Nam Phật Học ra đời, hàng năm Quý sư Cụ tại Huế thường thỉnh Tổ Phước Huệ và Phổ Huệ ở chùa Thập Tháp Bình Định ra Huế dạy Phật Pháp. Tổ Thập Tháp dạy Phật pháp cho chư Tăng tại Huế đã 4 đời. Đến chúng tôi (T.T. Thích Thiện Hòa, T.T. Thiện Hoa) là đời thứ tư. Tổ đã nhiều năm ra Huế và được mời vào Hoàng cung giảng kinh từ đời vua Thành Thái đến Vua Bảo Đại, nên được suy tôn là Quốc Sư. Cụ Lê Đình Thám, Trí Độ và các Thầy Đại Học tại Huế, đều là học trò của Tổ. Có thể nói Phật-giáo miền Trung được hưng thịnh như ngày nay, một phần lớn do công của Tổ xây đắp. Nhờ ảnh hưởng này mà Quý sư cụ ở Huế họp nhau mở trường Trung Học Phật-giáo ở chùa Trúc Lâm, sau dời về chùa Tây Thiên. Còn trường Sư nữ thì mở tại chùa Diệu Đức.

Những nhân vật hữu công với Phật-giáo miền Trung:

Bên Tăng già có:

Quốc sư Phước Huệ, Pháp sư Phổ Huệ, Hòa Thượng Tường vân (Thích Tịnh Khiết), Hòa Thượng Thiên tôn, Trúc Lâm, Tây Thiên, Từ Hiếu, Tra Am.

Và Quý Thượng Tọa Mật Khế, Quy Thiện, Đôn Hậu, Mật Nguyên, Mật Hiền, Trí Thủ, Mật Thế (Thượng Tọa Mật Thế viết quyển Việt Nam Phật-giáo lược sử), ...

Bên cư sĩ có:

Cụ Lê Đình Thám, pháp danh Tâm Minh (một cư sĩ có công nhất với Phật-giáo miền Trung), Cụ Trí Độ (một vị có công nhất với Phật Học Đường Báo Quốc), Cụ Lê Văn Định pháp danh Chơn An, Cụ Tôn Thất Tùng, Cụ Nguyễn Khoa Toàn (Đức tượng Phật tại chùa Từ Đàm hiện nay), Cụ Hoàng Mộng Lương, Võ Đình Dung, Võ Đình Thụy, Nguyễn Văn Tiếng, và Bà Cao Xuân San tức Diệu Không, Bà Ứng Úy tức Diệu Huệ, ...

---o0o---

D - PHẬT GIÁO TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ ĐÀ NẴNG

Cũng trong thời kỳ Phật-giáo Chấn Hưng, tại tỉnh Bình Định có những bậc đồng lương thạch trụ như: Quốc sư Phước Huệ (Chùa Thập Tháp) (1920-1945), Pháp sư Phổ Huệ (1920-1935), Hòa Thượng Vĩnh Khánh (Có công san bản và ấn hành các Văn phẩm như: Liên Tôn Thập Niệm Yếu Lãm, Tịnh Nghiệp Văn và Mông Sơn thập loại diễn nghĩa).

Hòa Thượng Long Khánh, Thiên Đức, Bạch Sa, Minh Tịnh có công sáng lập, giảng dạy và duy trì các trường gia giáo ở chùa Thập Tháp, Long Khánh, Bạch Sa, Minh Tịnh và Thiên Đức, thời kỳ 1930-1950.

Quý Ngài họp nhau lập Hội Phật Học Bình Định, từ năm 1932 đến 1945. những vị cư sĩ hữu công trong hội này có Ông Nguyễn Mạnh Trùng, Phan Thanh Khuyên, Lê Tú Oanh, ...

Tại Đà Nẵng có lập Hội Đà Thành Phật Học và ra tạp chí Tam Bảo do Hòa Thượng Bích Liên làm chủ nhiệm.

---o0o---

THỜI KỲ VẬN ĐỘNG (1920)

MIỀN BẮC

BẮC KỲ PHẬT GIÁO TỔNG HỘI

Sau Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học 3 năm, đến năm 1934, Hội “Bắc Kỳ Phật-giáo Tổng Hội” ra đời tại Hà Nội, trụ sở đặt tại chùa Quán sứ.

Hội xuất bản tạp chí Đuốc Tuệ (ngày 10.12.1935), Bồ Đề Tân Thanh và Tiếng Chuông Sớm để hoằng dương chánh pháp. Hội mở trường Tăng tại Chùa Quán Sứ, trường Ni tại chùa Bồ Đề và chùa Bát Tháp.

Những bậc hữu công trong Phong trào Chấn Hưng Phật-giáo tại miền Bắc, bắt đầu từ năm 1932.

Bên Tăng già có:

- Tổ Vĩnh Nghiêm pháp hiệu Thanh Hạnh,

Pháp chủ đầu tiên của Hội Phật-giáo Bắc Việt;

- Hòa Thượng Tuệ Tạng, Thượng thủ Giáo hội

Tăng già toàn quốc nhiệm kỳ thứ nhất;

- Hòa Thượng Mật ứng, Pháp chủ Phật-giáo Bắc Việt;
- Hòa Thượng Thanh Át, Trụ trì chùa Trung Hậu, Phúc yên;
- Hòa Thượng Trung Thứ, Trụ trì chùa Bằng Sở, Hà Đông;
- Hòa Thượng Doãn Hà, Trụ trì chùa Tế Cát, Hà Nam.
- Hòa Thượng trụ trì chùa Hương Tích, Hà Đông;
- Hòa Thượng Quang Nghiễm, Trụ trì chùa Phú Ninh, Nam Định;
- Hòa Thượng Trụ trì chùa Phúc Thịnh, Ninh Bình;
- Hòa Thượng trụ trì chùa Quế Phương, Nam Định;
- Hòa Thượng Trụ trì chùa Bộ La, tỉnh Thái Bình;
- Hòa Thượng Thanh Triệu, Trụ trì chùa Đồng Bắc, Ninh Bình;
- Thượng Tọa Tố Liên, Chủ tịch Giáo Hội Tăng già Bắc Việt;
- Thượng Tọa Trí Hải, Phó Hội chủ tổng Hội P.G.V.N. năm 1952;
- Thượng Tọa Giải Ngạn, Trụ trì chùa Hưng Ký, Hà Nội;
- Thượng Tọa Tuệ Chiêu, Giảng sư Hội Việt Nam Phật Giáo Bắc Việt.

Những vị Cư sĩ hữu công với Phật-giáo miền Bắc:

Cụ Hoàng Trọng Phu, Nguyễn Năng Quốc, Thiều Chửu (dịch bộ Hán Việt Tự Điển,...), Cụ Bùi Kỹ, Dương Bá Trạc, Trần Trọng Kim, (Lê Thân), Nguyễn Can Mộng, Nguyễn Trọng Thuật, Phan Kế Bính, Lê Toại, Bùi Thiện Căn, Bùi Thiện Cơ, Văn Quang Thùy (tức Tuệ Nhuận, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút BỒ ĐỀ Tạp chí), Cụ Nguyễn Xuân Chử, Nguyễn Huy Xương, Nguyễn Gia Tường.

---o0o---

NHỮNG VỊ ĐÃ GÓP CÔNG XÂY DỰNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM.

Tiếp theo đây là những học giả, Văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, ... trong toàn quốc, đã góp công xây dựng Phật-giáo Việt-Nam:

- Cụ Ngô tất Tố.
- Trần Trọng Kim.
- Trần Văn Giáp.
- Phạm Quỳnh.
- Đồ Nam Tử.
- Đinh Văn Cháp.

- Hoàng Xuân Hãn.
- Phan Văn Hùm.
- Á Nam Trần Tuấn Khải.
- Vũ Trọng Can.
- Nguyễn Đăng Thục.²
- Lê Văn Siêu.
- Vũ Hoàng Chương (thơ)³
- Huyền Chân (Đình Văn Vinh)
- Trúc Thiên.
- Thẩm Oánh (nhạc)
- Trương Đình Ý (Mỹ Thuật)
- Trương Văn Thanh (Sơn mài)
- Võ Đình Cương (nhà Văn)⁴
- Nguyễn Gia Trí (họa)
- Nguyễn Bá Lăng (kiến trúc sư)
- Nguyễn Gia Đức (-nt-)
- Đình Hùng.
- Trữ Vũ (thơ)
- Nguyễn Hữu Ba (nhạc)
- Nguyễn Quỳnh (truyện Thầy Tăng Mở nước)
- Tâm Nguyên
- Lê Cao Phan (nhạc)⁵
- Tam Lang Vũ Đình Chi
- Nguyễn Nhược Pháp (thơ)
- Hồ Dzếnh (thơ)
- Nguyễn Bính (thơ)
- Nguyễn Xuân Thanh.
- Nguyễn Đình Vang tự Hằng Vang (nhạc)

Và các nhà điêu khắc, họa sĩ, nhiếp ảnh gia góp công xây dựng cho Phật-giáo Việt Nam:

- Ông Tài Công Sáu ở Sa Đéc.
- Ông Lê Chánh ở sau chùa Giác Hải Cholon
- Ông Đặng Như Lan ở chùa Phước Hòa.
- Ông Minh Dung ở cầu Chữ Y.
- Ông Phước Điền ở bên chùa Tuyên Lâm.
- Lin Chơn (nhiếp ảnh gia)
- Khánh (nhiếp ảnh gia)

---o0o---

PHẬT GIÁO NAM TÔN VIỆT NAM

Phật-giáo Nam tôn Việt Nam có hai phái:

1.- Một phái người Việt gốc Miên. Phái này lâu đời lắm. Chúng tôi không biết đã có từ lúc nào, và bắt nguồn từ đâu? Có lẽ đồng thời hoặc trước sau ít năm với Phật-giáo Việt-Nam và bắt nguồn từ Miên quốc. Phái này được gọi là “Thê-ra-va-đa” (Theravāda).

Phái này Tăng đồ và tín đồ rất đông. Về Tăng đồ 17.661 vị; Tỳ kheo 11.964 vị, Sadi 5.697 vị. Đây là theo sự kiểm tra của Tổng vụ Tăng sự ngày 19.01.1968 (chưa đầy đủ). Tín đồ Phật-giáo có lẽ chiếm đến 99% người Miên. Chùa rất nhiều và chỉ ở miền Nam V.N. nhất là ở các tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Vĩnh Bình.

Chúng tôi có hỏi một vài vị Sư người Việt gốc Miên về “Giáo hội Phật-giáo Nam Tôn”, thì được họ trả lời một cách tổng quát: “Dân số người Việt gốc Miên là 2 triệu người, đều theo Phật-giáo hết, chỉ trừ một ít người lai ngoại quốc. Chư Tăng được 20000 vị, và 500 ngôi chùa ở trong khắp 12 tỉnh miền Nam”.

2. – Một phái nữa thuộc về người Việt Nam, do Hòa Thượng Thiện Luật và Đại Đức Hộ Tông, ... qua học ở Cao Miên, rồi trở về truyền bá tại Việt Nam, vào khoảng năm 1940. phái này có lập giáo hội, gọi là “Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam”. Niên khóa đầu do Đại Đức Bửu Chơn là Tăng Thống, trụ sở đặt tại chùa Kỳ Viên, Bàn Cờ. Và Phật Học Viện đặt tại chùa Pháp Quang (1958) (cầu Bông Ky tỉnh Gia Định) do Đại Đức Hộ Giác làm Giám Đốc.

Giáo hội này có công đức kiến thiết Thích Ca Phật Đài ở Vũng Tàu vào năm 1962.

Về bên cư sĩ hữu công với giáo hội này có các Ông Nguyễn Văn Hiểu, Ông Hồ Đắc Thăng, Bà Lưu Giang Hà Giám Đốc Cù Là Macshu, ...

Pháp nạn năm 1963, Phật-giáo Nam Tôn Việt Nam rất tích cực đóng góp cho Đạo pháp...

(hình)

THÍCH CA PHẬT ĐÀI Ở VŨNG TÀU.

Một thành tích của Phật-giáo Nam Tôn.

Khánh thành ngày 9 và 10 tháng 3 năm 1963.

(hình)

Quý Thầy ở miền Nam, đi tham phương học đạo với Tổ thập Tháp tại chùa Long Khánh Quy Nhơn năm 1938.

Từ trái qua phải:

Thầy THÍCH THIÊN HOA, THÍCH CHÍ THIÊN, THÍCH GIÁC TÂM,
THÍCH THIÊN HÒA, THÍCH HIỀN THỤY, THÍCH HIỀN KHÔNG,
THÍCH BỬU NGỌC.

---o0o---

PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ NĂM 1945-1963.

MIỀN NAM

PHẬT HỌC ĐƯỜNG PHẬT QUANG

Đến năm 1945, sau ngày Nhật đảo chánh Pháp, Phật Học Viện Kim Sơn (Huế) không duy trì được, nên phần lớn giáo sư và học tăng được đưa vào Nam. Lúc bấy giờ Hội An Nam Phật Học ủy thác cho chúng tôi (T.T. Thiên hoa) trở về Nam, vận động một vị Đại thí chủ là Ông Trương Hoàng Lâu ở Cầu Kè tỉnh Trà Vinh, đài thọ tài chính thành lập Phật Học Đường tại chùa Phật Quang xứ Bang Chang quận Trà Ôn, để tiếp tục giáo dục chương trình Phật-giáo. Trường khai giảng gần được 1 năm, rồi bị khủng hoảng một thời gian ngắn. Vì đến năm 1946-1947, đa số Tăng Ni trên toàn quốc, đều theo tiếng gọi của Tổ Quốc, tham gia “Phong trào Chống Pháp cứu Nước”, thành lập “Phật-giáo cứu Quốc ...”

Tóm lại, Phật Quang Học Đường được thành lập từ năm 1945 và duy trì đến năm 1952 là 8 năm. Những người bắt đầu vào học Phật Quang Học Đường hiện nay còn lại bên Tăng: Thượng Tọa Bửu Huệ, Thượng Tọa Tịnh Đức (tịch). Phước Cần, Thanh Từ, Hoàn Quan, Đại Đức Phước Hảo, Tịnh Viên (Vũng Tàu), ... Bên Ni như: Ni Cô Diệu Hữu, Giáo Lưu, Trí Đình, Trí Hòa, Trí Phát, Trí Thanh, Trí Huyền, Trí Nguyễn và Diệu Ngô, ...

Sau Phật Học Đường Phật Quang vài năm, Thượng Tọa Trí Tịnh và Thầy Quảng Minh mở Phật Học Đường Liên Hải. Ngoài việc dạy học, Thượng Tọa Trí Tịnh còn có công đức dịch nhiều bộ kinh lớn như: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn, Đại Bát Nhã,

Tiếp theo Liên Hải, Đại Đức Huyền Dung mở Phật Học Đường Mai Sơn và Sùng Đức. Thượng Tọa Trí Hữu mở Phật Học Đường Ứng Quang. Các Phật tử ủng hộ đắc lực trong thời này có bà Dược sư Thái Văn Hiệp, và bà Ba Thân Hòa, ...

---o0o---

CHÙA ÁN QUANG & PHẬT HỌC ĐƯỜNG NAM VIỆT

Đến năm 1950, Thượng Tọa Thích Thiện hòa, từ Bắc trở về Nam. Lúc bấy giờ các Phật Học Đường như: Liên Hải, Mai Sơn, Sùng Đức và Ứng Quang hiệp lại một, gọi là Phật Học Đường Nam Việt, do Thượng Tọa Thích Thiện Hòa làm Giám Đốc. Trường đặt tại chùa Ân Quang 243 Sư Vạn Hạnh Cholon. Chùa Ứng Quang đổi tên lại là chùa Ân Quang. Và trường Ni thì đặt tại chùa Từ Nghiêm, sau dời về chùa Dược Sư.

Đến năm 1953, đáp lời mời của Thượng Tọa Thiện Hòa, Quảng Minh và Nhật Liên, chúng tôi (T.T. Thiện Hoa) thu xếp Phật Học Đường Phật Quang, đầu xuân, 8 Thầy Trò quây gói lên Sài Gòn để thống nhất và hợp tác với Quý Thượng Tọa ở Phật Học Đường Nam Việt. Cùng trong năm này, quý Thầy Huyền Dung, Quảng Minh và Nhật Liên đều giao lại gánh nặng cho chúng tôi rồi xuất dương tất cả. Thượng Tọa Quảng Liên thì đi trước một năm (16.3.1962). chúng tôi bắt đầu lãnh 2 trọng trách vừa Giáo dục và vừa Hoằng Pháp (nhân dịp này xin ghi lại kỷ niệm trong 10 năm (1953-1963) hoằng pháp, đóng góp cho Phật-giáo vừa qua tại Thủ Đô, của chúng tôi):

1.- Về Hoằng Pháp, chúng tôi lãnh nhiệm vụ: Ủy Viên Hoằng Pháp Tổng Hội Phật-giáo Việt-Nam (1956), xuất bản tạp chí “Phật-giáo Việt-Nam” với sự cộng tác đắc lực của Thượng Tọa Nhất Hạnh làm chủ bút, và tổ chức hàng tuần phát thanh Phật-giáo trên đài phát thanh Sài Gòn.

Trưởng ban Hoằng Pháp Giáo hội Tăng già Nam Việt (năm 1953) và Trưởng Ban Hoằng Pháp Hội Phật Học Nam Việt (năm 1953), chúng tôi đào tạo được một số Giảng sư nổi tiếng là 12 vị như: Đại Đức Huyền Vi, Thanh Từ, Từ Thông, Thiên Định, Quảng Long, Chánh Tiến, Liễu Minh ... và hai lớp Như Lai sứ giả (năm 1957): bên Tăng tại chùa Pháp hội được 52 vị, như

Đại Đức Trường Lạc, Bửu Lai, Trí Châu, Nhựt Long, Hồng Tịnh, Hồng Đạo, Hiền Pháp, Huyền Quý, Hoằng Thông, Phước Hảo, Huệ Thành, ... bên Ni tại chùa Dược Sư được 30 vị như: Ni Trưởng Huệ Lâm, Ni sư Vĩnh Bửu, Như Hoa, Phật Bửu, Giác Thiên, Như Huy, Như Huyền, Như Chí, ... những vị Tăng Ni trên đây đều là những bậc trụ trì kỳ cựu ở miền Nam (xem tập đặc san Ngày Hoan Hỷ).

Sau 3 tháng huấn luyện, một buổi đại lễ rất trang nghiêm và trọng thể được tổ chức ban đêm dưới mái chùa Ấn Quang vào ngày Phật Hoan Hỷ năm Đinh Dậu (1957) dưới sự chứng minh Tối cao của Đức Pháp Chủ Giáo Hội Tăng già Nam Việt, Hòa Thượng Thích Khánh Anh. Ngài ban Pháp phục, cầm nang và những đạo từ thâm thúy! Đinh ninh phú chúc cho các vị Như Lai Sứ giả, với giọng nói rung rung của một vị Trưởng Lão! Làm cho hàng ngàn Tăng Ni và Phật tử đều vô cùng cảm động!.

Tiếp theo là một cuộc lễ nhậm nhíp rầm rộ và linh đình đưa tiễn các vị Như Lai Sứ giả đi bổ xứ trụ trì các tỉnh miền Nam (năm 1957) làm cho Tăng Ni và đồng bào Phật tử ở các tỉnh, đón tiếp phái đoàn Như Lai Sứ Giả với một niềm hân hoan phấn khởi và đầy tin tưởng...!

Mỗi năm 3 kỳ, chúng tôi cử các vị giảng sư đến các tỉnh, mỗi nơi 10 đêm giảng Phật Học Phổ Thông, gây được 1 trong trào học giáo lý rất hào hứng. Mỗi kỳ giảng 1 khóa phổ thông 10 bài.

Chúng tôi soạn được 1 chương trình học Phật Pháp rất đầy đủ và in thành bài, từ sơ cấp đến cao đẳng, tức là 12 khóa Phật Học Phổ Thông. Cũng trong thời gian này, chúng tôi còn sáng tác phiên dịch và xuất bản các loại sách Phật Học Tùng Thư như: Duy Thức Học, Bản đồ Tu Phật, Phật học Giáo Khoa, Tám quyển sách quý, Tu Tâm, Dưỡng Tánh và Bài học Ngàn Vàng, ... tất cả gần 100 thứ.

2.- Về Giáo dục, chúng tôi lãnh nhiệm vụ: Trưởng Ban Giáo Thụ Giáo Hội Tăng già toàn quốc V.N. (năm 1959), Ủy Viên Giáo Dục Tổng Hội Phật-giáo Việt-Nam (1959), Trưởng Ban Giáo Dục Giáo Hội Tăng già Việt Nam (năm 1953) và Đốc Giáo Phật Học Đường Nam Việt (năm 1953). Chúng tôi soạn chương trình giáo dục cho tăng Ni, Phật tử và hằng ngày giảng dạy cả 2 trường: Tăng ở Ấn Quang và Ni ở Dược Sư. Và mở thêm các Phật Học Đường như: Chùa Pháp Hội (năm 1954) ở vườn Bà Lớn Sài Gòn, chùa Bình An ở Long Xuyên (1954), Chùa Hội Phật Học Biên Hòa, Chùa Phật Ân Mỹ Tho, Chùa Phước Hòa Vĩnh Bình (1956 – hai vị giáo sư đầu tiên chịu trách

nhệm trường này là Đại Đức Trường Lạc và Tịnh Đức). Chùa Long Phước ở Lương Xuyên Vĩnh Bình.

Mỗi năm tại chùa Pháp Hội (vườn Bà Lớn) chúng tôi mở khóa Hạ và khóa Đông để huấn luyện cán bộ trụ trì, Như Lai Sứ Giả, cán bộ Hoàng Pháp và Giáo dục. Sau khi huấn luyện xong, Giáo Hội bổ xứ họ đến các địa phương để phục vụ Đạo pháp.

Mỗi bài phát nguyện đã in sâu vào tâm trí và thường ngày Văng vẳng bên tai họ (năm 1957) như sau:

*“ Con là Sứ Giả Như Lai
Phát nguyện suốt đời hiến thân cho Đạo
Để phụng sự Đạo pháp và phục vụ chúng sanh
Chỗ nào chúng sanh mời, con đến
Chỗ nào Đạo pháp cần, con đi
Không kể gian lao, chẳng từ khó nhọc
Nam Mô Đại hạnh Phổ Hiền Vương Bồ Tát”*

Một khóa tối hậu, huấn luyện cấp tốc các vị Như lai Sứ Giả tại chùa Ấn Quang vào ngày 1 đến ngày 6 tháng 4 trước (2 tháng 4) năm Quý Mão (tức 24 đến 29.4.1963). với sự tham dự trên 300 Tăng Ni kỳ cựu ở khắp miền Nam, rồi đình chỉ luôn vì Pháp nạn năm 1963.

Trong thời gian 10 năm (1953-1963) vừa qua, hàng tuần vào thứ 4 và thứ 5, chúng tôi mở khóa giáo lý dạy các Phật tử, Cư sĩ ở chùa Ấn Quang và Xá Lợi, theo chương trình Phật Học Phổ Thông 12 khóa. Và huấn luyện một lớp giảng viên Cư sĩ 6 vị như: Bác sĩ cầm, Bác sĩ Khoẻ, Đạo Hữu Nhuận Chương, Đạo hữu Minh Phúc, ...

Những vị xuất thân từ Phật Học Đường Nam Việt như: Thượng Tọa Tác Phước (Đương kiêm Chánh đại diện Miền Khánh Anh), Thượng Tọa Bửu Huệ (Đương kiêm Giám Đốc Phật Học Viện Huệ Nghiêm), Thượng Tọa Tịnh Đức (tịch), Thượng Tọa Thiên Tâm, Huyền Vi, Thanh Từ, Từ Thông, Thiện Giải (Thiền Ấn), Thiện Định, Chánh Tiến (ở Vĩnh Nghiêm) Quảng Long (Tổng vụ trưởng Tổng Vụ xã hội), Hoàn Quan, Đại Đức Liễu Minh, Huệ Thới, Nhựt Thường, Thắng Hoan, và Đức Niệm, ...

Những Phật tử giúp đắc lực cho Phật Học Đường Nam Việt là các Phật tử Ấn Quang, Ban Bảo Trợ (do Bác sĩ Lê Văn Cầm làm Trưởng Ban), Ban Công Quả, Ban Hộ Niệm và còn nhiều Phật tử xa gần.

Trường Ni Dược Sư thì có Hội Phụ Nữ Phật Tử (do bà Nguyễn Hữu Pha pháp danh Diệu Huân làm hội trưởng) tận tâm ủng hộ. Ngoài việc bảo trợ Ni trường, Hội còn làm công tác từ thiện xã hội như: Ký Nhi Viện, Phòng phát thuốc ở xóm Gà, Gia Định, ...

(hình)

Lễ Lạc Thành Chùa Phật Quang Bang Chang, Trà Ôn.
Ngày 21, 22, và 23 tháng 3 năm 1959.

(hình)

Tăng Ni và Phật tử dự lễ Lạc thành chùa Phật Quang.

(hình)

Cửa ngõ chùa Phật Quang
Kiến tạo năm 1936.

(hình)

CHÙA ÁN QUANG CŨ (1953-1968)
Phật Học Đường Nam Việt (1951-1963)
Trụ Sở Giáo Hội Tăng già Nam Việt
Trụ Sở Giáo Hội Tăng già Toàn Quốc (1959-1963)

(hình)

PHẬT HỌC ĐƯỜNG NAM VIỆT CHÙA ÁN QUANG.
243 Sư Vạn Hạnh cholon. Nhiếp ảnh năm 1953

(hình)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN BẢO TRỢ PHẬT HỌC ĐƯỜNG NAM VIỆT
CHÙA ÁN QUANG.

(hình)

KỶ NIỆM KHÓA HUẤN LUYỆN TRỤ TRÌ TĂNG
TẠI CHÙA PHÁP HỘI NĂM 1957.

(hình)

KỶ NIỆM KHOA HUẤN LUYỆN TRỤ TRÌ NI
TẠI CHÙA DƯỢC SƯ NĂM 1957.

(hình)

Hòa Thượng THÍCH THIỆN HÒA (63 tuổi)
Đương Kiêm Viện chủ chùa Án Quang (1970)

Giám Đốc Phật Học Đường Nam Việt.
Trị sự Trưởng Giáo Hội Tăng già N.V.
Trị sự Trưởng Giáo Hội Tăng già toàn quốc V.N.
Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Tài Chánh Giáo Hội P.G.V.N.T.N.

(hình)
Hòa Thượng THÍCH VIÊN THÀNH
Viên tịch năm 1927.

---o0o---

PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ NĂM 1945-1963

MIỀN TRUNG

PHẬT HỌC VIỆN NHA TRANG VÀ TU VIỆN NGUYÊN THIỀU

Song song với Phật Học Đường Ấn Quang, tại Nha Trang Hội Phật Học Khánh Hòa do Thượng Tọa Thích Thiện Minh làm Hội Trưởng có mở Tăng Học Đường. Sau đó Hòa Thượng Hải Đức cúng ngôi chùa cho Giáo hội Tăng già và Hội Phật học Trung Việt để mở Phật Học Viện do hai Phật Học Đường Báo Quốc và Tăng Học Đường Nha Trang thống nhất lại để đào tạo Tăng tài, gọi là “Phật Học Viện Việt Nam tại Trung Việt” (hay là Phật Học Viện Hải Đức), do Hòa Thượng Thích Trí Thủ làm Giám Viện. Hòa Thượng đóng góp rất nhiều công đức với Phật Học Viện này.

Tiếp theo Phật Học Viện Nha Trang, Thượng Tọa Thích Huyền Quang sáng lập Tu Viện Nguyên Thiều tại tỉnh Bình Định, sau cúng cho Giáo Hội Bình Định, dưới hệ thống của Giáo Hội Trung Phần. Trung tâm Tu Viện có tôn trí kim thân Phật Tổ Lô Thiên rất uy nghiêm, cao 7 thước (cả tòa ngồi 2 thước). Kiến tạo năm 1964. hiện nay Tu Viện Nguyên Thiều được phát triển như thế là do công lao của Thượng Tọa Huyền Quang và chư Tăng Bình Định xây dựng vào năm 1959.

(hình)

KIM THÂN PHẬT TỔ
Ngự trị trung tâm Tu Viện Nguyên Thiều Bình Định
Bê cao 7 thước (cả tòa ngồi 2 thước) kiến tạo năm 1964.

---o0o---

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC

Đến ngày 7.9.1951, một Đại Hội Tăng già Toàn Quốc Việt Nam được triệu tập, đại biểu cả Nam, trung và Bắc đều họp tại Quán Sứ Hà Nội. Một Giáo Hội Tăng già Toàn quốc Việt Nam được thành lập. Đại hội suy tôn Hòa Thượng Tuệ Tạng làm Thượng thủ (1951). Trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ.

Đến ngày 31.3.1959, nhằm mùng 1 tháng 3 Đinh Dậu, một đại hội Giáo Hội Tăng già toàn quốc lần thứ 2 được triệu tập tại chùa Ấn Quang Sài Gòn. Đại hội suy tôn Hòa Thượng Khánh Anh làm Thượng Thủ, Thượng Tọa Thiện Hòa là Trị sự Trưởng, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang Sài Gòn. Giáo Hội Tăng già toàn quốc ngưng hoạt động vào cuối năm 1963, để trao nhiệm vụ lại cho Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống nhất.

---o0o---

TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Năm 1951, từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 5 (tức mùng 1 đến mùng 4 tháng 4 âm lịch), một đại hội Phật-giáo toàn quốc ra đời, nhóm tại Huế, gồm 51 đại biểu cả Tăng già và Cư sĩ 3 miền Nam, Trung, Bắc để thành lập “Tổng Hội Phật-giáo Việt-Nam” (không phải Tổng Giáo Hội hiện nay của Hòa Thượng Minh Trục).

Do 3 tập đoàn Tăng già và 3 tập đoàn Cư sĩ Nam, Trung, Bắc làm hội viên sáng lập. Đại hội suy tôn Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ. Quý vị Tăng già và Cư sĩ trong 6 tập đoàn Phật-giáo làm ban Tổng Trị sự và các Ủy viên chuyên môn.

Phật tử toàn quốc rất hoan hỷ đón chào “Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất”. Toàn thể Thanh thiếu niên Phật tử rất hân hoan và vang lừng tiếng hát, ca ngợi tinh thần đoàn kết thống nhất Phật-giáo:

*“Phật-giáo Việt-Nam thống nhất Bắc, Nam, Trung từ nay
Một lòng chúng ta tiến lên vì Đạo thiêng!
Nào cùng vui trong ánh đạo vàng rạng ngời bốn phương
Vang ca đón chào Phật-giáo Việt-Nam!”⁶*

Đến ngày 1.4.1956, nhiệm kỳ thứ II, đại hội Phật-giáo toàn quốc được triệu tập, khai mạc tại chùa Phước Hòa, trụ sở Hội Phật Học Nam Việt, và suốt 5 ngày họp tại chùa Ấn Quang, trụ sở của Giáo Hội Tăng già Nam Việt Sài

gòn. Đại hội suy tôn Hòa Thượng Tịnh Khiết làm hội chủ, Hòa Thượng Huệ Quang là Phó nhất Hội chủ, Cụ Chơn An làm Phó Nhì Hội chủ, Cụ Chánh Trí làm Tổng thư ký, Trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang, sau dời về chùa Xá Lợi. Tổng hội có ra tạp chí “Phật-giáo Việt-Nam” làm cơ quan Hoằng pháp, do Thượng Tọa Nhất Hạnh, một cây bút xuất sắc của Phật-giáo làm chủ bút. Thượng Tọa sáng tác và phiên dịch nhiều kinh sách có giá trị.

Ngoài tờ Nguyệt san Phật-giáo Việt-Nam, Tổng hội còn tổ chức Phát thanh hàng tuần trên đài phát thanh Sài gòn, mục đích để cụ thể hóa tiếng nói của Phật-giáo toàn quốc.

Sau khi Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất ra đời, tổng hội Phật-giáo Việt-Nam trao lại nhiệm vụ rồi giải tán

---o0o---

SÁU TẬP ĐOÀN PHẬT GIÁO

Trong lúc chiến tranh Pháp Việt bùng nổ (1946-1950) các cơ sở Phật-giáo trên toàn quốc hầu như đã tan rã hết. Đến lúc tình hình chiến sự có phần lắng dịu thì các nhà lãnh đạo Phật-giáo bắt đầu khôi phục lại. Từ phân hình thức, nội dung cho đến sinh hoạt đều có phần thay đổi mới lạ, khác hẳn trước và tiến mạnh hơn.

Nam, Trung và Bắc mỗi miền đều có 2 tập đoàn: Một tập đoàn Tăng già và một tập đoàn Cư sĩ. Tập đoàn Tăng già lo việc chư Tăng và lãnh đạo tinh thần cho tập đoàn Cư sĩ. Tập đoàn Cư sĩ lo việc Cư sĩ và ngoại hộ cho Tăng già hoằng dương chánh pháp.

---o0o---

a) GIÁO HỘI TĂNG GIÀ NAM VIỆT

Ngày 5.6.1951 (mùng 1 tháng 5 âm lịch) một “Giáo Hội Tăng già Nam Việt” được thành lập tại chùa Hưng Long ngả sáu Cholon, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang. Khắp cả miền Nam đều có chi Giáo Hội Tỉnh và Quận. Niên khóa đầu, đại hội suy tôn Hòa Thượng Đạt Thanh chùa Giác Ngộ làm Pháp chủ Lâm thời, Thượng Tọa Đạt Từ làm Trị Sự Trưởng, Thượng Tọa Nhựt Liên làm Tổng Thư ký. Thượng Tọa Nhựt Liên là người có công nhiều với Giáo Hội Tăng già Nam Việt lúc thành lập. Nhiệm kỳ thứ II, Đại hội ngày 8.3.1953 (nhằm 21.1 Quý Tỵ) suy tôn Hòa Thượng Huệ Quang làm

Pháp chủ, Thượng Tọa Thiện Hòa là Trị Sự Trưởng. Nhiệm kỳ thứ III, đại hội ngày 31.3.1957 (nhằm mừng 1.3 Đinh Dậu) suy tôn Hòa Thượng Khánh Anh làm Pháp Chủ.

Giáo Hội Tăng già Nam Việt còn triệu tập Ni chúng miền Nam, tổ chức đại hội chùa Huê Lâm Cholon vào ngày 6 và 7.10.1956 để thành lập “Ni Bộ Nam Việt”. Trụ sở đặt tại Từ Nghiêm đường Bà Hạt cholon.

Những vị Ni kỳ cựu được Ni chúng kính quý coi như trụ cột của Ni bộ Việt Nam, như Sư bà Diệu Tánh (Huê Lâm), Diệu Hương (Diệu Án), Diệu Tấn (Kiêm Sơn, tịch), Diệu Tịnh (Hải Án, tịch), Diệu Kim (Bảo An), Diệu Ninh (Vĩnh Bửu), Diệu Không (Huế), Diệu Hoa (Sa Đéc) ... những Phật học viện của Ni Bộ như: Từ Nghiêm (Cholon), Dược Sư (Gia Định), Diệu Đức, Hồng Ân (Huế), ...

Giáo Hội Tăng già Nam Việt hoạt động đến năm 1963, sau khi Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất ra đời thì chấm dứt nhiệm vụ.

---o0o---

b) HỘI PHẬT HỌC NAM VIỆT

Song song với Giáo Hội Tăng già nam Việt, hội Phật học Nam Việt ra đời vào ngày 25.2.1951 tại Sài Gòn; đầu tiên đặt trụ sở tạm tại chùa Khánh Hưng, sau dời về chùa Phước Hòa Bàn Cờ, rồi sau dời về Chùa Xá Lợi. Hội Phật Học Nam Việt mở chi nhánh hầu hết có tổ chức Gia Đình Phật tử . hội có tạp chí Từ Quang để truyền bá giáo lý.

Nhiệm kỳ đầu, Bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe làm Hội Trưởng, tiếp theo là Thầy Quảng Minh làm hội trưởng, cụ Chánh Trí làm Tổng Thư Ký. Sau khi Thầy Quảng Minh đi Nhật, cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền liên tiếp làm Hội Trưởng cho đến ngày nay (1970). Cụ Chánh Trí là một Thạch trụ, có công lớn nhất với Hội Phật Học Nam Việt. Cụ có phiên dịch, sáng tác một số kinh sách quý giá.

---o0o---

c) GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TRUNG VIỆT

Tại miền Trung, có Giáo Hội Tăng già Trung Việt. Giáo Hội đặt tại trụ sở chùa Linh Quang (Huế), và mở Tỉnh Giáo Hội khắp cả 17 tỉnh miền

Trung. Giáo Hội có ra tạp chí Liên Hoa, để hoằng dương chánh pháp. Quý Thượng Tọa Đôn Hậu, Trúc Lâm, Linh Quang, Trí Thủ, ... lãnh đạo Giáo Hội. Giáo Hội hoạt động cho đến năm 1963, sau khi Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất ra đời, mới chấm dứt nhiệm vụ

---o0o---

d) HỘI PHẬT HỌC TRUNG VIỆT

Song song với Giáo Hội Tăng già Trung Việt, có hội Phật học Trung Việt, trụ sở đặt tại chùa Từ Đàm. Hội này là hậu thân của hội “An Nam Phật Học”. Hội mở chi hội khắp cả miền Trung, hoạt động rất mạnh đến hạ tầng cơ sở, có Gia Đình Phật Tử, có trường Bồ Đề và nhiều cơ sở Từ thiện xã hội. Hội do Thượng Tọa Trí Quang, Thiện Minh, Thiên Siêu, cụ Chơn An Lê Văn Định, ... lãnh đạo. Quý Thượng Tọa này là ngôi sao sáng của Phật-giáo miền Trung. Hội hoạt động đến ngày Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất, mới chấm dứt nhiệm vụ (chúng tôi không có nhiều tài liệu nói rõ về 2 tập đoàn miền Trung).

---o0o---

e) GIÁO HỘI TĂNG GIÀ BẮC VIỆT

Ngày 20.8.1949 (26.9 Âm lịch) Thượng Tọa Tố Liên triệu tập trên 100 Tăng Ni lập hội “Tăng Ni chính lý Bắc Việt”, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ hà Nội, do Thượng Tọa Tố Liên làm Hội Trường.

Hội ra tạp chí Phương Tiện và Bồ Đề Tân Thanh, để làm cơ quan hoằng pháp, mở Phật Học Đường Tăng tại chùa Quán Sứ, khai giảng ngày 2.8 Kỷ Sửu (1949), trường Ni tại chùa Vân Hồ, khai giảng ngày 6.8 Kỷ Sửu (26.9.1949).

Đến ngày 9.9.1950 (27.7 Canh Dần), 146 Tăng Ni họp tại chùa Quán Sứ, cải tổ “Hội tăng Ni chính lý Bắc Việt” ra “Phật-giáo Tăng già Bắc Việt”

Đến ngày 17.3 âm lịch, một đại hội Tăng Ni họp tại chùa Quán Sứ, lần đầu tiên suy tôn Tổ Mật-Ứng lên ngôi “Thiên Gia Pháp Chủ”, lãnh đạo “Giáo Hội Tăng già Bắc Việt”.

Đến năm 1954, vì nước nhà chia đôi, nên một phần Giáo Hội Tăng già Bắc Việt dời vào miền Nam, đặt trụ sở tại chùa Giác Minh, đường Phan Thanh Giản Sài Gòn.

Xin nhắc lại Thượng Tọa Tố Liên, người đã có công hướng dẫn một phái đoàn Phật-giáo Việt-Nam đi dự Đại Hội Phật-giáo Thế Giới, lần đầu tiên họp tại Colombo, thủ đô Tích Lan, từ ngày 26.5.1950 đến ngày 7.6.1950, gồm có đại diện 26 nước Phật-giáo tham dự.

Từ đây (1950) Phật-giáo Việt-Nam vừa là một sáng lập viên của Hội Phật-giáo Thế Giới vừa là một chi bộ của hội Phật-giáo Thế Giới tại Việt Nam. Thượng Tọa Tố Liên làm đại diện ban chấp hành Hội Phật-giáo Thế Giới tại Việt Nam, trụ sở địa phương hội Phật-giáo thế Giới tại Việt Nam đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Lá cờ Phật-giáo Thế giới lần đầu tiên tại Việt Nam được treo ở chùa Quán Sứ Hà Nội, trụ sở của chi bộ Hội Phật-giáo Thế Giới tại Việt Nam, nhân ngày Đại lễ Phật Đản, mừng 8.4 năm Tân Mão (nhằm ngày 13.5.1951).

Cùng năm 1951, ngày Đại hội Phật-giáo thống nhất toàn quốc của 6 tập đoàn họp tại chùa Từ Đàm Huế, lá cờ Phật-giáo Thế giới đầu tiên được treo tại miền Trung.

Và lá cờ Phật-giáo cũng lần đầu tiên tại miền Nam, rất uy nghiêm treo tại trụ sở Hội Phật Học Nam Việt, chùa Phước Hòa Sài Gòn, trước hơn 300 hội viên và một số đông đồng bào, nhơn ngày Đại hội của Hội Phật Học Nam Việt, ngày 24.2.1952.

---o0o---

f) HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO BẮC VIỆT

Đến năm Kỷ Sửu (1949) Hội Việt Nam Phật-giáo Bắc Việt ra đời, cụ Bùi Thiện Cơ làm Hội Trưởng, đạo hữu Viên Quang làm Tổng Thư Ký, trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ Hà Nội.

Hội lập cơ quan từ thiện xã hội tại chùa Quán Sứ, lập nhi cô viện để nuôi trẻ em mồ côi và trường bảo trợ giáo dục nhi đồng trên 160 em. Ngày 17.9.1949, Quốc Trưởng Bảo Đại đã đến thăm cơ sở từ thiện xã hội này. Đây là lần đầu tiên, Phật-giáo Việt-Nam lập cơ sở xã hội.

Ngày 15.10.1950, Thượng Tọa Tố Liên, nhân danh Phó Hội Trưởng Hội Việt Nam Phật-giáo Bắc Việt triệu tập và thành lập “Gia Đình Phật hóa Phổ Bắc Việt” tại chùa Quán Sứ. Ông Nguyễn Văn Nhã là người đầu tiên ở Bắc Việt làm Trưởng Ban hướng dẫn, Ông Đạt làm phó trưởng ban hướng dẫn.

Hội mở niều chi bộ ở các tỉnh miền Bắc. Đến năm 1954, vì nước nhà chia đôi nên Hội dời vào nam, đặt trụ sở tại chùa Phước Hòa, Bàn Cờ Sài gòn.

PHỤ CHÚ:

- Trong tập này, chúng tôi chỉ nói tổng quát. Đến tập II chúng tôi mới nói rõ các nhân vật hữu công và thành tích hoạt động Phật sự của mỗi tỉnh Giáo Hội. Vậy sau khi nhận được tập này, yêu cầu các tỉnh Giáo Hội gửi báo cáo Phật sự đầy đủ theo thông tư số 102-VHĐ/VP/TT ngày 28.11.1969 về cho chúng tôi càng sớm càng tốt, để kịp thời in tập II.

- Quyển 50 năm Chân Hưng Phật-giáo Việt-Nam tập II sẽ nói đến Hiến chương Phật-giáo Thống Nhất, ý nghĩa lá cờ Phật-giáo Thế Giới và sự tổ chức của Phật-giáo Việt-Nam ngày nay. (Muốn biết Hiến chương Phật-giáo Thế Giới, xem tạp chí Phương Tiện số 30 từ trang 15 đến trang 34).

---o0o---

TÓM LẠI

Hệ thống tổ chức Phật-giáo thời bấy giờ, trên toàn quốc có chia ra làm 2 giới xuất gia và tại gia. Bên xuất gia chư Tăng, thì có quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni. Bên tại gia thì có các Phật tử Cư sĩ nhiệt tâm vì Đạo. Hai bên hợp lại thành 6 tập đoàn: 3 tập đoàn Tăng già và 3 tập đoàn Cư sĩ. Nam, Trung, Bắc mỗi miền đều có 2 tập đoàn Tăng già và Cư sĩ.

Ba tập đoàn Tăng già lãnh đạo chư Tăng Ni ở ba miền Nam, Trung, Bắc. Ba tập đoàn Cư sĩ lãnh đạo Cư sĩ ở trong 3 miền Nam, Trung, Bắc.

Để có sự chỉ huy thống nhất của các chư tăng toàn quốc, nên trên ba tập đoàn Tăng già và 3 tập đoàn Cư sĩ lập ra Tổng Hội Phật-giáo Việt-Nam (không phải tổng Giáo Hội bấy giờ) do một ban Tổng Trị Sự, gồm quý vị Hòa Thượng, Thượng Tọa và Phật tử Cư sĩ có uy tín điều hành.

Thưa Quý Vị,

Ngạn ngữ có câu: “Cây có cội, nước có nguồn; ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng”. Phật-giáo Việt-Nam được Chân Hưng, huy hoàng rực rỡ như ngày hôm nay thật là nhờ công đức lớn lao, thành tích quý giá của Liệt vị Tổ sư, chư Tôn Hòa Thượng Trưởng Lão, Thượng Tọa, Đại Đức và Quý phật tử Cư sĩ hữu công trong Phong trào Chân Hưng Phật-giáo gần 50 năm qua (1920-1963).

Vậy trong giờ phút thiêng liêng này, chúng tôi cung thỉnh trên chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và Quý Liệt Vị đồng đứng dậy, chấp tay nghiêm chỉnh để tưởng niệm và thành kính ghi ân, công đức thành tích lớn lao của những bậc hữu công trong lịch sử Chân Hưng Phật-giáo gần nửa thế-kỷ qua.

---o0o---

PHẬT GIÁO GẶP ĐẠI NAN. (1963)

Toàn thể Tăng Ni và Phật-giáo đồ từ già đến trẻ đều tình nguyện hy sinh cho Đạo pháp và Dân tộc.⁷

Thưa quý liệt vị,

Đến năm 1963, Phật-giáo-Nam bị đại nạn. Ngô triều triệt hạ cờ Phật-giáo, chủ trương tiêu diệt Phật-giáo và đàn áp dân chúng. Lúc bấy giờ toàn thể Tăng, Ni và đồng bào Phật tử toàn quốc, cả Nam Tôn và Bắc Tôn đồng đứng dậy tranh đấu mãnh liệt, để bảo vệ Phật-giáo và cứu nguy Dân tộc.

Đến lúc căng thẳng, tình hình quá đen tối, Bồ Tát Quảng Đức đem thân làm đuốc, đốt lửa từ bi soi sáng cho Dân tộc và Đạo pháp, phá tan mây mù vô minh hắc ám của chế độ độc tài nhà Ngô, nêu gương oai hùng bất khuất của Dân tộc Việt Nam nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng, làm chấn động thế giới, cả quốc tế đều kính phục

Ngọn đuốc từ bi và oai hùng của Bồ Tát Quảng Đức mở đầu cho một loạt những ngọn đuốc thiêng khác, tiếp tục thắp lên từ năm 1963 cho đến bây giờ.

---o0o---

DANH SÁCH CHƯ THÁNH TỬ ĐẠO

I. LIỆT QUÝ VỊ TỰ THIÊU

1. – Năm 1963 ngày 11.6 (20.4 Quý Mão), Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt Sài Gòn.
2. – Năm 1963 ngày 4.8, Đại Đức T. Nguyên Hương tự thiêu tại công trường Chiến sĩ, trước tỉnh đường Phan Thiết.
3. – Năm 1963 ngày 13.8 Đại Đức Thích Thanh Tuệ tự thiêu tại chùa Phước Duyên Huế.
4. – Năm 1963 ngày 15.8, Thích nữ Diệu Quang, tục danh Ngô Thị Thu Minh 27 tuổi, tự thiêu tại Ninh Hòa.
5. – Năm 1963 ngày 16.8, (27.6 Quý Mão), Thượng Tọa Thích Tiêu Diêu, 62 tuổi, tự thiêu tại chùa Từ Đàm Huế.
6. – Năm 1963 ngày 29.9, P.T. Hồng Thử, Thương phế binh, tự thiêu sau chùa Phước Lâm, Vũng Tàu.
7. – Năm 1963 ngày 5.10, Đại Đức Thích Quảng Hương, tự thiêu tại chợ Bến Thành, Ngôi kiết già trước công trường Diên Hồng, Sài Gòn.
8. – Năm 1963 ngày 27.10 Đại Đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu tại công trường Hòa Bình, Nhà thờ Đức Bà.
9. – Năm 1965 ngày 26.1, Phật tử Đoàn Thị Yến Phi 17 tuổi, nữ đoàn phó gia đình Phật tử tự thiêu tại Tòa hành chính tỉnh Khánh Hòa.
10. – Năm 1965 ngày 20.4, Sa Di Thích Giác Thành tự thiêu cầu nguyện Hòa Bình Việt Nam, tại chùa Giác Vương tỉnh Gia Định.
11. – Năm 1966 ngày 29.5 (mùng 10.4 Bính Ngọ), Bà Hồ Thị Thiệu, Pháp danh Nguyên Sanh vị pháp thiêu thân vào 21 giờ 30 phút tại Việt Nam Quốc Tự.
12. – Năm 1966 ngày 30.5, Phật tử Nguyễn Thị Vân tự thiêu tại chùa ở thành Nội Huế.

13. – Năm 1966 ngày 5.5, âm lịch , P.T Đặng Thị Ngọc Tuyên tự thiêu tại Đà Lạt, Tuyên Đức.

14. – Năm 1966 ngày 1.6, Đại Đức Thích Thiện Huệ, tục danh Nguyễn Lang 18 tuổi, tự thiêu tại Gò Giếng Nước Nóng tỉnh Khánh Hòa.

15. – Năm 1966 ngày 4.6, Đại Đức Thích Như Hải, vị pháp thiêu thân tại chùa Tỉnh Giáo Hội Quảng Trị.

16. – Năm 1966 ngày 4.6, Thích nữ Diệu Tri, tục danh Lê Thị Hiến, pháp danh Tâm Lương 27 tuổi, tự thiêu trước đài Quan Âm, tại Ni viện Diệu Quang Nha Trang.

17. – Năm 1966 ngày 17.6 Đào Thị Tuyết pháp danh Tâm Bạch, tự thiêu vào lúc 21 giờ 30 tại Việt Nam Quốc Tự.

18. – Năm 1966 ngày 15.4 Bính Ngọ, Ni Cô Đỗ Thị Cửu pháp danh Nguyên Huệ tự Diệu Định 26 tuổi tự thiêu tại chùa Hải Lạc ở Đà Nẵng.

19. – Năm 1966 ngày 23.6 (5.5 Pl 2510) Phật tử Đào Thị Ngọc Tuyên vị pháp thiêu thân.

20. – Năm 1966 ngày ..., Đại Đức Thích Huệ Hồng tự thiêu trước Tổng Vụ Thanh Niên đường Công Lý Sài Gòn.

21. – Năm 1966 ngày 9.4 âm lịch Thích nữ Thanh Quang tự thiêu tại chùa Diệu Đế Huế.

22. – Năm 1966 ngày 30.8, nữ sinh P.T. Nguyễn Thị Huệ tự thiêu tại Việt Nam Quốc Tự.

23. – Năm 1967 ngày 16.5 (mùng 8.4 Phật Đản 2511), bắt đầu khai mạc tuần lễ “cầu nguyện Hòa Bình Việt Nam” của G.H.P.G. V.N.T.N tại chùa Ấn Quang, Phật tử Nhất Chi Mai tự thiêu tại chùa Từ Nghiêm đường Bà Hạt Cholon, để cầu nguyện Hòa Bình Việt Nam.

24. – Năm 1967 ngày 3.10, Thích nữ Trí Túc, tục danh Lê Thị Hậu, tự thiêu tại chùa Bảo An Cần Thơ (Phong Dinh) để bảo vệ Hiến chương G.H.P.G.V.N.T.N. và cầu nguyện Hòa Bình Việt Nam.

25. – Năm 1967 ngày 8.10 Thích nữ Trí Chơn, tục danh Nguyễn Thị Ngọc, sanh năm 1917 (54 tuổi) tự thiêu tại chùa Quan Âm, Sa Đéc, để bảo vệ Hiến chương G.H.P.G.V.N.T.N.

26. – Năm 1967 ngày 22.10 Thích nữ Huệ Lạc, tục danh Lê Thị Nghiêm, sanh năm 1945 (22 tuổi) tự thiêu tại chùa Viên Giác tỉnh Gia Định để bảo vệ Hiến chương.

27. – Năm 1967 ngày 31.10 Đại Đức Thích Hạnh Đức, tục danh Trần Văn Minh, sanh năm 1947 (20 tuổi) tự thiêu tại Quảng Ngãi để bảo vệ Hiến chương.

28. – Năm 1967 ngày 1.11, Thích nữ Thông Huệ, tục danh Nguyễn Thị Lộc Đài, sanh năm 1937 (30 tuổi) tự thiêu tại Nha Trang để bảo vệ Hiến chương.

29. – Năm 1969 ngày 25.12 (17.11 Kỷ Dậu, Vía Phật A Di Đà), Phật tử Lê Văn Mỹ 68 tuổi, Pháp danh Chơn Thiện tự thiêu tại Đà Nẵng.

30. – Năm 1970 ngày 4.6, Ni cô Khất sĩ Liên Tập, tục danh Lê Thị Gái, tự thiêu tại Ninh Thuận để cầu nguyện Hòa Bình Việt Nam.

31. – Năm 1970 ngày 10.6 Đại Đức Thiện Lai, tục danh Bùi Đình Tầng 74 tuổi, tự thiêu trước chùa Phổ Quang, Phú Nhuận để cầu nguyện Hòa Bình Việt Nam.

---o0o---

QUÝ LIỆT VỊ BỊ THẨM SÁT QUA CÁC CUỘC KHỦNG BỐ VÀ ĐÀN ÁP

1. – Trước năm 1963, Đại Đức Thích Viên Quang, trụ trì chùa Kim Quang, xã Hà Thành, quận Sơn Hà, bị hạ sát trên đường từ chùa Kim Liên (xã Sơn Tây) đến Hà Thành.

2. – Năm 1965 ngày ... Cư sĩ Phan Duy Trinh, huynh Trưởng gia đình Phật tử Thừa Thiên Huế, bị thẩm sát và được phong Thánh Tử Đạo.

3. – Năm 1963, ngày Phật Đản 2507, Phật tử Đặng Văn Công 13 tuổi.

4. – Năm 1963, ngày Phật Đản 2507, Phật tử Trần Thị Phước Tự, 17 tuổi.

5. – Năm 1963, ngày Phật Đản 2507, Phật tử Nguyễn Thị Yến 20 tuổi.

6. – Năm 1963, ngày Phật Đản 2507, Phật tử Huỳnh Thị Tôn Nữ Tuyết Hoa 12 tuổi.

7. – Năm 1963, ngày Phật Đản 2507, Phật tử Lê Thị Kim Khanh 17 tuổi.

8. – Năm 1963, ngày Phật Đản 2507, Phật tử Nguyễn Văn Đạt 13 tuổi.

9. – Năm 1963, ngày Phật Đản 2507, Phật tử Nguyễn Thị Ngọc Lan 12 tuổi.

10. – Năm 1963, ngày Phật Đản 2507, Phật tử Nguyễn Thị phúc 15 tuổi.

(8 vị trên đây bị thẩm sát tại Đài phát thanh Huế, đã phong Thánh Tử Đạo).

11. – Năm 1963 ngày 8.5 Quý Mão, Cư sĩ Hồ Thị Mùi bị thẩm sát tại Huế.

12. – Năm 1963 ngày 7.6 Quý Mão, Cư sĩ Nguyễn Tăng Chắc bị thẩm sát tại Huế.

13. – Năm 1963 ngày 14.7 Quý Mão, Cư Sĩ Hoàng Tuyết bị thẩm sát tại Huế.

14. – Năm 1963 ngày 20.7 Quý Mão, Cư Sĩ Trần Du bị thẩm sát tại Huế.

15. – Năm 1963 ngày 25.8 Quý Mão, Quách Thị Trang bị thẩm sát tại chợ Bến Thành Sài Gòn.

16. – Năm 1964 ngày 31.8 (24.7 Giáp Thìn), Phật tử Nguyễn Văn Phát bị thẩm sát tại Sài Gòn.

17. – Năm 1964 ngày 1.9 (25.7 Giáp Thìn), Phật tử Phan Văn Hòa bị thẩm sát tại Sài Gòn.

18. – Năm 1966 ngày 1.3, Phật tử Nguyễn Văn Đức bị thẩm sát tại Tuyên Đức.

19. – Năm 1966 ngày 21.4 Phật tử Nguyễn Văn Triệt bị thẩm sát tại Tuyên Đức.

20. – Năm 1966 ngày 21.4, Phật tử Nguyễn Châu Kỳ bị thẩm sát tại Tuyên Đức.

21. – Năm 1966 ngày 21.4, Phật tử Nguyễn Đoàn Chánh bị thẩm sát tại Tuyên Đức.

22. – Năm 1966 ngày 21.4, Phật tử Hoàng Văn Dậu bị thẩm sát tại Tuyên Đức.

23. – Năm 1966 ngày 11.6, Cư sĩ Văn Bá Hoành, Đặc Ủy gia đình Phật tử Quận Duy Xuyên bị thẩm sát tại Quảng Nam.

24. – Năm 1966 ngày 16.6 Phật tử Đoàn Thanh Niên Thiện Chí Huỳnh Văn Thiện, bị bắn trước cửa Việt Nam Quốc Tự, đã được phong Thánh tử Đạo ngày 20.8.1967 (Rằm tháng 7).

25. – Năm 1966 ngày 12.7, Cư sĩ Nguyễn Dân, Chánh Đại diện GHPGVNTN quận Duy Xuyên bị chôn sống tại quận Duy Xuyên Quảng Nam.

26. – Năm 1966 ngày 27.3 AL, Cư Sĩ Nguyễn Đại Thức bị thảm sát tại Huế.

27. – Năm 1966 ngày ... Cư sĩ Lê Đình Linh, Đặc Ủy gia đình Phật tử Điện Bàn Quảng Nam, bị bắt và mất tích tại Quảng Nam.

28. – Năm 1966 ngày ... Cư sĩ Trịnh Văn Lộc bị mất tích tại Quảng Tín.

29. – Năm 1966 ngày ... Cư sĩ Trương Dzu bị bắt và mất tích tại Quảng Tín.

30. – Năm 1966 ngày ... Cư sĩ Bùi Xuân Hiền bị thủ tiêu tại Quảng Nam.

31. – Năm 1966 ngày ... Trung Úy Đào Quang Thống.

32. – Năm 1966 ngày ... Thượng Sĩ Chế Quang Khương.

33. – Năm 1966 ngày ... Trung Sĩ Bùi Mùi.

34. – Năm 1966 ngày ... Trung sĩ Nguyễn Cao Thiên.

35. – Năm 1966 ngày ... Binh nhất Võ Liên.

36. – Năm 1966 ngày ... Binh Nhất Nguyễn Đăng Quang.

37. – Năm 1966 ngày ... Binh Nhất Nguyễn Xin.

38. – Năm 1966 ngày ... Binh Nhì Nguyễn Thành.

39. – Năm 1966 ngày ... Phật tử Nguyễn Bá Lập (gia đình Phật tử).

40. – Năm 1966 ngày ... Phật tử Bùi Văn Kiểm (mất tích).

(8 quân nhân và 2 Phật tử trên đây đều tranh đấu đòi Quốc Hội Lập Hiến do Giáo Hội chủ trương, bị chết tại Quảng Ngãi).

41. Năm 1967 ngày 1.3, Cư sĩ Nguyễn Cúc, Chánh Đại Diện GHPGVNTN quận Duy Xuyên bị thủ tiêu tại Quảng Nam.

42. Năm 1967 ngày 24.4, Giáo sư Trương Thị Phương Liên ở Đà Nẵng bị thảm sát tại Trường Thanh Niên Phụng sự Xã hội Gia định

43. Năm 1967 ngày 24.4 Sinh viên Trần Thị Vui bị thảm sát tại Trường Thanh Niên Phụng sự Xã hội Gia định

44. Năm 1967 ngày 14.6, Tăng sinh Thích Tâm Thể (Nguyễn Nhứt Trí) bị mất tích tại xã Linh Đông quận Thủ Đức.

45. Năm 1967 ngày 14.6, Tăng sinh Thích Huyền Đắc (Nguyễn Văn Thành) mất tích tại Quận Thủ Đức, Gia Định.

46. Năm 1967 ngày 14.6, Tăng sinh Thích Minh Hoài (Diệp Quang Thành) mất tích tại Quận Thủ Đức Gia Định.

47. Năm 1967 ngày 14.6, Tăng sinh Thích Tâm Minh (Luu Quang Dũng) mất tích tại Quận Thủ Đức Gia Định.
 48. Năm 1967 ngày 14.6, Sinh viên Đinh Viết Dương mất tích tại Quận Thủ Đức Gia Định.
 49. Năm 1967 ngày 14.6, Sinh viên Nguyễn Trọng Ngành mất tích tại Quận Thủ Đức Gia Định.
 50. Năm 1967 ngày 14.6, Sinh viên Nguyễn Khắc Quỳnh mất tích tại Quận Thủ Đức Gia Định.
 51. Năm 1967 ngày 14.6, Sinh viên Trần Văn Bình mất tích tại Quận Thủ Đức Gia Định
 52. Năm 1967 ngày 5.7, Tăng sinh Thích Thanh Quang (Hồ Ngọc Tuấn) cán bộ trường Thanh Niên Phụng Sự Xã hội bị thảm sát tại xã Hiệp Bình, Quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.
 53. Năm 1967 ngày 5.7, Sinh viên Nguyễn Viết Tự Hy, cán bộ Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã hội bị thảm sát tại xã Hiệp Bình, Quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.
 54. Năm 1967 ngày 5.7, Sinh viên Lê Thế Linh tức Lành, cán bộ Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã hội bị thảm sát tại xã Hiệp Bình, Quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định
 55. Năm 1967 ngày 5.7, sinh viên Võ Văn Thi tức Thơ, cán bộ Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã hội bị thảm sát tại xã Hiệp Bình, Quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.
- (từ số 42 đến 55 cộng 14 người là nhân viên của Trường TNPSXH trong GHPGVNTN ở chùa Pháp Vân xã Phú Thọ Hòa, tỉnh Gia Định).
56. Năm 1970 ngày 23.6, Đại Đức Thích Thiện Ân tịch tại bệnh viện Triều Châu vì bị bắn ngày 3.5.1970 tại Việt Nam Quốc Tự.
 57. Thượng Tọa Thích Thiện Lai tự thiêu, năm 1971 tại chùa Phổ Quang đường Cô Giang Phú Nhuận Gia Định để cầu nguyện Hòa Bình VN.

---o0o---

Thưa Quý Liệt Vị,

Cũng vì đóng góp cho Phong trào tranh đấu bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc, nên một số đông Tăng Ni Phật tử, nhất là Quân nhân Phật tử năm 1966 trên toàn quốc đã bị tù đày khổ nhục.

Nói đến đây, chúng ta không khỏi bùi ngùi nhớ tưởng lại công đức hy sinh tột độ Bồ Tát Quảng Đức, chư Thánh Tử Đạo và Tăng Ni cùng Phật tử bị khổ nhục. Nhờ Quý vị đó mà Đạo pháp và Dân tộc khỏi bị làm than! Quý vị chết đi để cho chúng ta được sống. Quý vị đau khổ để cho chúng ta được an vui.

Vậy một lần nữa, chúng tôi cung thỉnh chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử đồng đứng lên, để 3 phút thành kính tưởng niệm công đức vô biên của Bồ Tát Quảng Đức, chư Thánh tử Đạo, Tăng ni và Phật tử, đã hy sinh bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc từ năm 1963-1970.

---o0o---

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT RA ĐỜI

Thưa Quý Liệt vị,

Cuộc cách mạng ngày 1.11.1963 đã chấm dứt chế độ tàn bạo độc tài của Ngô Triều. Phật-giáo thoát khỏi cơn đại nạn. Sau đó 2 tháng, một Đại Hội Phật-giáo Việt-Nam được tổ chức trọng thể từ ngày 30.12.1963 đến ngày 1.11.1964 tại chùa Xá Lợi Sài Gòn, gồm cả Tăng Ni Phật tử Nam tôn và Bắc Tôn, để thống nhất thành một Giáo Hội, gọi là “Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất”.

Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất ra đời lãnh sứ mạng nặng nề và cao cả của các vị Tiền Bối gần 50 năm qua giao phó, tiếp tục công nghiệp của Giáo Hội Tăng già toàn quốc, Tổng hội Phật-giáo Việt-Nam và các tập đoàn Phật-giáo cả Nam Tôn và Bắc Tôn.

Từ đây, Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất có trách nhiệm lèo lái con thuyền Đạo pháp qua cơn sóng gió, đưa đến chỗ vinh quang. Đây là giai đoạn của người hậu tấn và cũng là nhiệm vụ thiêng liêng của chúng ta hiện nay vậy.

Trước khi dứt lời, nhân danh Viện Trưởng Viện Hóa-Đạo, chúng tôi đốt nén hương lòng cầu nguyện giác linh Quý Liệt Vị Tiên Bồi, chư Thánh Tử Đạo giáng lâm chứng chiếu, và Quý Liệt Vị hiện tiền, hữu công trong Phong trào Chấn Hưng Phật-giáo trong nửa thế-kỷ qua, chứng minh cho lòng thành kính tri ân của tất cả chúng tôi.

Nam Mô Công đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

---o0o---

TỔNG KẾT PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUÁ KHỨ

Chúng ta hãy nghiêm chỉnh và từ từ giở lại từng trang sử Phật-giáo Việt-Nam; chúng ta thấy từ khi Phật-giáo có mặt trên đất nước Việt Nam đến nay, gần 2000 năm. Phật-giáo luôn luôn trung thành với Dân tộc quốc gia Việt Nam; cùng với Dân tộc đồng an đồng nguy. Khi nào nước nhà bị ngoại xâm, dân chúng đồ thán, thì Phật-giáo đứng ra chống xâm lăng cứu nước giúp dân. Khi nước nhà thái bình thanh trị, dân chúng an cư lạc nghiệp thì các vị Thiên sư trở về chùa tu niệm. Phật-giáo không mưu đồ ngai vàng, công danh, quyền thế hay độc tôn. Phật-giáo không để cho một thế lực nào, dù mạnh đến đâu khuynh đảo. Không để bị mua chuộc dù tiền bạc nhiều đến mấy. Phật-giáo không chạy theo ngoại bang, không dựa quyền thế, không làm tay sai cho bất cứ ai. Mà Phật-giáo chỉ trung thành với quốc gia Dân tộc, chỉ dựa trên căn bản Dân tộc, sống chết với Dân tộc mà thôi. Lịch sử Việt Nam, từ Đinh, Lê, Lý, Trần đã chứng minh hùng hồn và cụ thể điều đó.

---o0o---

ĐẠI HỘI THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Phật-giáo từ khi có mặt trên Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, chưa làm đổ một giọt máu nào của nhân loại hay của một quốc gia chủng tộc nào, (chỉ trừ một vài cá nhân mượn lốt tu sĩ, vì quyền lợi riêng tư) hay có hậu ý mưu đồ xâm lăng chiếm đoạt. Phật-giáo đi đến đâu chỉ mang ánh sáng từ bi đạo đức chiếu soi đến tận đó và tạo dựng Hòa Bình an lạc cho Dân tộc xứ ấy.

Phật-giáo Việt-Nam trong quá khứ đã viết một trang lịch sử vàng son như thế. Là Phật tử, dù gặp phải hoàn cảnh nghèo nàn khổ nhục, tai nạn đến đâu, bất cứ giá nào, chúng ta cũng phải giữ gìn trang lịch sử ấy.

---o0o---

PHẬT GIÁO VIỆT NAM CẬN ĐẠI

Thưa quý liệt vị, xuyên qua bài “Ghi ân Tiên Bối”, chúng ta thấy gì? Thời kỳ cận đại, nước Việt Nam bị người Pháp đô hộ gần 1 thế-kỷ, dân chúng Việt Nam làm nô lệ gần 100 năm, thì Phật-giáo Việt-Nam cũng bị gian khổ, kỳ thị, chèn ép, suy đồi gần 1 thế-kỷ.

Thế mà các vị Tiên Bối không nệ thân già sức yếu, đã hy sinh, dốc toàn lực để giương mình dưới sức ép nặng nề của tảng đá khổng lồ của ngoại bang là Thực dân Pháp.

Từ con số không, quý Ngài đã gầy dựng, Chân Hưng với một sự cố gắng không ngừng, trở mình tiến triển qua nhiều giai đoạn, cho đến ngày nay, Phật-giáo được một sự nghiệp khả quan như ngày nay!.

Cũng trong thời gian bị kỳ thị suy đồi ấy, Phật-giáo vừa Chân Hưng đề bảo vệ Đạo pháp, vừa giữ vững truyền thống ngàn xưa là “Trung thành với quốc gia Dân tộc”. Như năm 1946 trên toàn quốc, chư Tăng Ni lập “Phật-giáo cứu quốc” để “Chống Pháp cứu nước”. Hòa Thượng Nguyễn Văn Đồng, trụ trì chùa Tam Bảo Rạch Giá đã bị Pháp và tay sai đánh đập tra tấn và đày ra Côn Đảo cho tới ngày rục xương; Thượng Tọa Trí Thuyên bị Pháp bắn tại Tông Lâm Kim Sơn Huế, ... cũng vì tội “Trung thành với Quốc gia Dân tộc!”.

Chúng ta thành tâm ghi ân quý vị Tiên Bối đã có công đóng góp cho nên Chân Hưng Phật-giáo và quốc gia Dân tộc, một sự hy sinh vô tận. Quý Ngài đã viết thành một trang lịch sử vẻ vang cho Phật-giáo Việt-Nam cận đại. Chúng ta là đàn hậu tấn, có bổn phận tiếp nối, giữ gìn và làm sáng tỏ thêm trang lịch sử vàng son ấy.

---o0o---

PHẬT GIÁO VIỆT NAM NGÀY NAY

Chúng ta đã thấy Phật-giáo Việt-Nam quá khứ và cận đại. Còn “Phật-giáo Việt-Nam ngày nay” đã làm gì cho Đạo pháp và Dân tộc?

Thưa quý liệt vị, kiểm điểm lại từ năm 1963 đến nay (1970), chúng ta đã thấy những gì?

- Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm nắm chính quyền 9 năm, đã viết một trang lịch sử vô cùng đen tối: tàn bạo, độc tài, đàn áp dân chúng, kỳ thị tôn giáo, âm mưu tiêu diệt các đảng phái và tôn giáo như Cao đài, Hòa hảo, rốt sau là Phật-giáo.

Trước một bạo lực hung hăng vô cùng nguy hiểm như thế, nhưng vì tinh thần quật cường bất khuất, Phật-giáo vùng lên tranh đấu, với tư thế “Châu chấu chống xe, đem trứng chọi đá” để “cứu nước, cứu dân, cứu các tôn giáo đảng phái, kể cả tự cứu mình”

Ngô triều sụp đổ, nhưng chế độ của Ông vẫn còn, nên Phật-giáo phải tiếp tục tranh đấu.

- Đến năm 1966, vì thấy nước nhà hoàn toàn mất chủ quyền, bị ngoại nhân khuynh đảo, mọi mặt như: chính trị, kinh tế, xã hội, ... đều bị lệ thuộc ngoại bang và hoàn toàn sụp đổ, nên một lần nữa, Phật-giáo đứng lên tranh đấu đòi “chủ quyền quốc gia”, đòi “Quốc hội lập hiến”, đòi “Thành lập hiến pháp”, và đòi “Chánh phủ dân cử”, để xây dựng nền dân chủ cho miền Nam nước Việt.

Cũng vì truyền thống của Phật-giáo Việt-Nam quá khứ và cận đại, nên Phật-giáo Việt-Nam ngày nay cũng, đã và đang tiếp tục viết một trang lịch sử oai hùng và vẻ vang vào thế-kỷ thứ 20 này là “cứu nước, cứu dân và bảo vệ Đạo pháp”.

Trang đầu, trong bản Hiến chương của Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất (1964) đã nói rõ “Lập trường của Phật-giáo” như sau:

Viết trang lịch sử oai hùng này, Phật-giáo Việt-Nam đã tổn khá nhiều xương máu: Tăng Ni Phật tử hy sinh rất nhiều; Sinh Viên, Học sinh Phật tử bị đánh đập tra tấn, nhất là quân nhân Phật Tử bị tù đầy khổ nhục và thiên chuyên.

Khởi đầu Bồ Tát Quảng Đức tự thiêu để “cứu nguy Dân tộc và Đạo pháp” làm rung động cả Thế giới. Tiếp theo lửa Từ bi của Bồ Tát, có gần 30 ngọn đuốc thiêng, liên tiếp đốt lên, phá tan bao nhiêu lớp mây mù si mê hắc ám của chế độ tàn bạo độc tài, làm sáng chói cả Việt Nam và Thế Giới.

Và tiếp theo 28 ngọn đuốc Từ Bi, đã có trên 50 vị Thánh Tử Đạo hy sinh cho Đạo pháp và Dân tộc, làm cho Thế Giới kinh hoàng; Liên Hiệp Quốc phải nhóm gấp để can thiệp, và cử một phái đoàn đến Việt Nam để điều tra

về chính sách kỳ thị tôn giáo, đàn áp Phật-giáo của chính phủ Ngô Đình Diệm.

Cuộc đấu tranh vẽ vang oai hùng của Phật-giáo, làm cho dân chúng trong và ngoài nước có nhiều dư luận phê phán và ca ngợi như sau:

1. Từ khi có lịch sử loài người, trên thế giới chưa có một cuộc cách mạng tranh đấu nào được một phần ba thế giới ủng hộ. Thế mà cuộc đấu tranh của Phật-giáo năm 1963, hầu hết tất cả các nước trên thế giới, chẳng những thế giới tự Do, mà cả Thế giới Cộng Sản, từ nước nhược tiểu cho đến nước đại cường quốc như: Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Tàu và Ấn Độ ... đều ủng hộ.

2. Tinh thần dũng cảm của Bồ Tát Quảng Đức, chư Thánh Tử Đạo, toàn thể Tăng Ni và đồng bào Phật tử hy sinh đấu tranh để “bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc Việt Nam” đã viết lên một trang lịch sử vẽ vang oai hùng, vô tiền khoáng hậu.

3. Mỗi khi Quốc tế can thiệp, phải là việc công cộng và rất quan trọng. Cuộc đấu tranh của Phật-giáo năm 1963, chỉ trong phạm vi nhỏ bé của Việt Nam, thế mà Liên Hiệp Quốc phải chú trọng đến, họp khẩn cấp và cử một phái đoàn đến Việt Nam để trực tiếp điều tra, để đưa ra quốc tế xét xử. Như thế đủ biết được cuộc đấu tranh của Phật-giáo có giá trị và quan trọng đến mức nào.!

4. Cuộc tranh đấu của Phật-giáo năm 1963, làm cho thế giới rúng động và kính nể chí khí anh hùng, quật cường, bất khuất của Dân tộc Việt Nam nói chung và Phật-giáo Việt-Nam nói riêng.

5. Trên Thế giới, các nước Phật-giáo, chưa có nước nào Phật-giáo Nam Tôn và Bắc Tôn được thống nhất. Thế mà nước Việt Nam, nhờ cuộc đoàn kết tranh đấu năm 1963, nên Phật-giáo được thống nhất cả Nam Tôn và Bắc Tôn.

- Đến năm 1970, thêm hai ngọn đuốc thiêng là Thượng Tọa Thiện Lai, Ni Cô Liên Tập và năm 1967 Phật tử Nhứt Chi Mai là 3 vị hy sinh cho Quốc Gia Dân tộc, tự thiêu để đòi chấm dứt chiến tranh, cầu nguyện Hòa Bình Việt Nam (xem tiểu sử của 3 vị ở sau).

Tóm lại, xuyên qua bao nhiêu dư luận của quần chúng trong và ngoài nước, chúng ta thấy: vẫn theo truyền thống Phật-giáo Việt-Nam quá khứ và cận đại, Phật-giáo Việt-Nam ngày nay (1963-1970) đã tiếp tục viết một trang

lịch sử vẽ vang oai hùng bằng máu lửa, bằng đại hùng, đại lực, đại từ bi, để “Bảo vệ quốc gia, Dân tộc và Đạo pháp”.

Là Phật tử, bất luận xuất gia hay tại gia, chúng ta đều có bổn phận phát huy truyền thống của Tổ tiên, giữ gìn trang lịch sử vàng son này.

PC: - Tập II sẽ nói về “Phật-giáo Việt-Nam ngày nay” (tức là Phật-giáo Việt-Nam năm 1970).

- Tập III sẽ chép về tiểu sử, hình ảnh danh lam và danh tăng cổ kim và quý vị cư sĩ hữu công.

---o0o---

THỐNG BẠCH CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM GỬI TOÀN THỂ PHẬT GIÁO ĐỒ TRONG NƯỚC

Sau cuộc vận động 5 nguyện vọng của Phật-giáo, tất cả mọi người con Phật ai ai cũng thấy một cách cần thiết là nền Phật-giáo Việt-Nam phải được thống nhất, Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam phải có Giáo Quyền, Phật-giáo đồ ở cả nước phải thống nhất ý chí lẫn hành động để xây dựng một nền Đạo giáo Dân tộc thực sự xứng đáng với trách vụ của nó ở hai phương diện: Đạo và Đời.

Để đáp ứng kịp thời những nhu cầu vừa sâu xa vừa cấp thiết trong giai đoạn hiện tại.

Để thực hiện sự thống nhất đó, một hội nghị Phật-giáo Việt-Nam được tổ chức từ ngày 30.12.1963 đến 1.1.1964 tại chùa Xá Lợi quy tụ các đại biểu thuộc 2 giáo phái Nam Tông, Bắc tông và gồm các quan sát viên của các giáo phái khác. Đại Hội đã thu được những kết quả mong muốn và Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất ra đời. Đặt dưới sự trông coi của 2 viện TĂNG THỐNG và HÓA ĐẠO. Một chương trình hành động nhằm củng cố hệ thống Phật tử Việt Nam với mục tiêu lấy Đạo xây dựng Đời, đem Đời vào Đạo đã được hoạch định. Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất bảo trọng lý tưởng Hòa Bình, phục vụ dân tộc và nhân loại, đúng theo nghĩa từ bi của Đức Phật. Giáo Hội đặt sự tồn tại của mình trong sự tồn tại của Dân tộc và nhân loại. Yếu thức hệ của Phật-giáo nhằm hoạt động hướng đến hạnh phúc của con người trong lý tưởng của cộng đồng.

Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất mong mỗi và sẵn sàng tiếp nhận mọi tầng lớp Phật tử thuộc các giáo phái đã cử quan sát viên tham dự đại hội kịp thời gia nhập để xây dựng nền Phật-giáo Dân tộc thật sự xứng đáng với danh nghĩa của nó. Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất, ý thức vai trò của mình qua truyền thống mà lịch sử của Dân tộc đã chứng minh một cách rõ ràng. Khi nào xứ sở suy tàn thì Phật-giáo vong, lúc nào Đạo pháp hưng thì xứ sở thịnh. Vì lẽ đó, Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất nhận thức được trách nhiệm của mình trong sự tồn tại của Dân tộc và nhân loại.

Phật-giáo đồ xây dựng mọi hoạt động của mình trên tinh thần Từ Bi Trí Tuệ và với tinh thần đó, Phật tử sẵn sàng đón nhận mọi người trong tình huynh đệ và trong sự tương thân rộng rãi.

Tất cả chúng ta phải sống cho Chính pháp, hy sinh vì Chính pháp, để xây dựng một nền Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất thực sự. Đó là trách vụ thiết yếu nhất của chúng ta trong giai đoạn hiện tại và đó cũng là một lối cúng dường duy nhất đối với Tam Bảo.

PHẦN PHỤ

---o0o---

TIỂU SỬ BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC

I - THỜI KỲ THIẾU NIÊN

Bồ Tát sinh năm 1897, tại làng Hội Khánh, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, Trung Việt; tên đời Lâm Văn Tuất, pháp danh Thị Thủy, pháp tự Hành Pháp, pháp hiệu Quảng Đức.

Lên 7 tuổi, Bồ Tát được song thân cho xuất gia học đạo, thọ giáo với Hòa Thượng Thích Hoàng Thắm. Năm 15 tuổi, Bồ Tát thọ giới Sa Di, năm 20 tuổi thọ giới Tỳ Kheo và Bồ Tát. Sau khi thọ giới, Bồ Tát ở tu 3 năm tại núi Ninh Hòa. Sau đó, Bồ Tát tu hạnh Đầu Đà, một mình với chiếc bình bát đi Hóa-Đạo khắp nơi, rồi về nhập thất tại chùa Thiên Ân, Ninh Hòa, Nha Trang.

---o0o---

II - THỜI KỲ TRUNG NIÊN

Năm 1932, chi hội An Nam Phật Học tại tỉnh Ninh Hòa, thỉnh Bồ Tát làm Chứng Minh Đạo Sư. Và Giáo Hội Tăng già Trung Việt mời Bồ Tát làm chức Kiểm Tăng ở tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian hành đạo ở miền Trung, Bồ Tát đã kiến tạo và trùng tu được 14 ngôi chùa.

Năm 1943, Bồ Tát vào Nam đi Hóa-Đạo các tỉnh Sài Gòn, Gia Định, Bà Rịa, Long Khánh, Định Tường, Hà Tiên, rồi Bồ Tát đến Nam Vang 3 năm nghiên cứu kinh điển chữ pali.

Hai mươi năm hành đạo ở miền Nam, Bồ Tát đã khai sơn và trùng tu được 17 ngôi chùa. Như thế là Bồ Tát đã có công trùng tu và khai sơn tất cả 31 ngôi chùa. Bồ Tát thường ở chùa Long Vĩnh, nên được người đời gọi là Hòa Thượng Long Vĩnh.

---o0o---

III - THỜI KỲ LÃO THÀNH

Năm 1953, Giáo Hội Tăng già Nam Việt mời Bồ Tát làm chức Trưởng Ban Nghi Lễ. Và theo lời thỉnh cầu của hội Phật Học Nam Việt, Bồ Tát nhận làm chủ trì chùa Phước Hòa (Bàn Cờ), trụ sở của Hội.

Đến năm 1963, vì thấy chế độ tàn bạo độc tài, âm mưu tiêu diệt Phật-giáo của Ngô Triều, nên Bồ Tát phát nguyện thiêu thân để cứu nguy cho Dân tộc và Đạo pháp.

---o0o---

IV - THỜI KỲ SẤP VIÊN TỊCH

Đến ngày 20.4 nhuận năm Quý Mão (11.6.1963), sau buổi lễ cầu siêu tại chùa Phật Bửu, hàng ngàn Tăng Ni đang diễn hành trên các đường phố để đòi chính phủ thực thi 5 nguyện vọng chân chính của Phật-giáo và đòi phải chấm dứt chính sách kỳ thị tôn giáo. Khi đến ngã tư đường Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, Bồ Tát từ trên xe ung dung bước xuống, đến ngòi kiết già tại giữa ngã tư, rồi tự tay mình quẹt lửa châm vào y hậu. Sau khi ngọn lửa bắt xăng bốc cháy cao phủ kín cả thân người trên 15 phút, Bồ Tát vẫn ngồi kiết già lưng thẳng như tượng đồng đen, tay còn bắt Ấn Tam Muội.

Đến lúc lửa hạ ngọn, Bồ Tát gật đầu 3 lần như cúi chào vĩnh biệt, rồi ngã ngựa xuống.

Trước giờ thị tịch, Bồ Tát thốt ra những lời tâm huyết như sau:

“Trước khi tôi nhắm mắt về cảnh Phật, tôi trân trọng gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng Từ Bi Bác Ái mà đối xử với quốc dân và thi hành chính sách bình đẳng tôn giáo, để giữ vững nước nhà muôn thuở.”

Và Bồ Tát không quên nhắc nhở Tăng Ni và Phật tử như sau:

“Tôi thiết tha kêu gọi chư Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và Phật tử nên đoàn kết nhất trí, hy sinh để bảo tồn Phật Pháp.”

Kim thân của Bồ Tát Quảng Đức quàn lại chùa Xá Lợi 5 ngày. Đến ngày 16.6.1963, Tất cả Tăng Ni và Phật tử trong Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật-giáo đưa Ngài về an dưỡng địa, cử hành trọng thể lễ Trà tỳ.

Sau khi hỏa thiêu suốt ngày, xương thịt đều tiêu hết nhưng trái tim Bồ Tát vẫn còn y nguyên, mặc dù đã thiêu bằng lửa điện trên 6 tiếng đồng hồ. Hiện nay trái tim Bồ Tát tôn thờ tại chùa Ấn Quang trụ sở tạm của Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất.

Sự thị tịch của Bồ Tát, có 2 điều huyền diệu:

1.– Khi lửa cháy phủ người mà Ngài vẫn ngồi như tượng đồng đen, tay bắt ấn tam muội, chân ngồi kiết già, không hề lay chuyển.

2.– Khi trà tỳ, xương thịt cháy hết, trái tim vẫn còn y nguyên. Sự huyền diệu này làm cho Tăng Ni và Phật tử trong ngoài nước đều vô cùng kính phục.

Linh cốt Bồ Tát, được tôn thờ tại các chùa như sau:

3.– Việt Nam Quốc Tự, Trụ sở Viện Hóa-Đạo.

4.– Chùa Ấn Quang, trụ sở Giáo Hội Tăng già toàn quốc.

5.– Tháp Đa Bảo, chùa Phước Hậu, Trà Ôn.

6.– Chùa Từ Nghiêm, trụ sở Ni Bộ Bắc Tông, ...

7.– Chùa Quán Thế Âm (Phú Nhuận) nơi di tích cuối cùng của Bồ Tát QUẢNG ĐỨC.

Tóm lại, Bồ Tát dùng nhục thân làm ngọn đuốc, đốt lên để phá tan mây vô minh hắc ám của Ngô Triều, làm chấn động năm Châu, tất cả các nước trên Thế Giới đều bênh vực Phong trào tranh đấu chân chánh của Phật-giáo.

Nhờ ngọn lửa từ bi của Bồ Tát mà cứu nguy được cả Dân tộc và Đạo pháp, làm cho Liên Hiệp Quốc phải tận tâm chú ý đến nước Việt Nam bé nhỏ này và cử một phái đoàn đến can thiệp; cả Thế giới đều kính phục sự can đảm anh dũng của Dân tộc Việt Nam nói chung và của Phật-giáo nói riêng.

Bồ Tát tuy viên tịch, nhưng ngọn lửa Đại Hùng, Đại Lực Đại Từ Bi của Bồ Tát vẫn còn sáng chói mãi trong lòng người Phật tử trong và ngoài nước đến muôn đời chẳng hết.

Nam mô Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi QUẢNG ĐỨC Bồ Tát.

---o0o---

LỬA TỪ BI

Kính dâng lên Bồ Tát Quảng Đức.
Lửa! Lửa cháy ngất Tòa Sen!
Tám chính phương nhục thể trần tâm hiện thành THO, quỳ cả xuống.
Hai vàng sáng rung rung
Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chấp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc
Ánh Đạo vàng phơi phới, đang bùng lên dâng lên ...
Ôi ! Đích thực hôm nay Trời có Mặt
Giờ là Giờ Hoàng Đạo nguy nga.
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
Nhìn nhau: tình huynh đệ bao la.
Nam Mô Đức Phật Di Đà
Sông Hằng kia, bởi đâu mà cát bay?
Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
NGƯỜI rẽ phăng đêm tối đất dày
Bước ra, ngời nhập định, hương về Tây
Gọi hết LỬA vào xương da bỏ ngỏ
Phật pháp chẳng rời tay ...

Sáu ngả luân hồi đầu đó
Mang mang cùng nín thở
Tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay.
Không khí vẩn mình theo, khóc òa lên nổi gió;
Người siêu thăng ... Giông bão lắng từ đây,
Bồng người vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc!
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi.!
Chỗ Người ngồi: Một thiên thu tuyệt tác
Trong vô hình sáng chói nét Từ Bi.
Rồi đây, rồi mai sau, còn chi?
Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mục nát
Với thời gian lê vết máu qua đi.
Còn mãi chứ ! Trái tim BỒ TÁT
Gội hào quang xuống tận ngục A Tỳ.
Ôi ngọn Lửa Huyền Vi!
Thế giới ba nghìn phút giây ngơ ngác
Từ cõi Vô Minh
Hướng về Cực Lạc.
Vần điệu của thi nhân chỉ còn lại rơm rác
Và chỉ nguyện được là rơm rác
Thơ cháy lên theo với lời Kinh
Tụng cho Nhân Loại Hòa Bình
Trước sau bền vững tình Huynh Đệ này.
Thỗ thức nhẹ lòng Trái Đất
Mong thành Quả Phúc về Cây,
Nam mô Thích ca Mâu Ni Phật
Đồng loại chúng con nắm tay nhau tràn nước mắt
Tình thương hiện Tháp Chín Tầng xây.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
Sài gòn – 1963

TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH NGUYỄN HƯƠNG

Đại Đức THÍCH NGUYỄN HƯƠNG 23 tuổi, hiệu là Đức Phong, tục danh là Huỳnh Văn Lễ, sinh năm 1940, tại làng Long Tỉnh, xã Liên Hương, Quận tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận (Trung Việt). Thân phụ là Huỳnh Thân, Thân Mẫu là Trương Thị Lang, chỉ sanh một mình Đại Đức, đặt tên là Huỳnh Văn Lễ.

Trong thời thơ ấu, vì nhà ở sát chùa, nên Đại Đức thường được mẹ dẫn dắt tới lui cảnh thiền môn để lễ Phật nghe kinh. Do đó, năm vừa lên 6, lòng mến đạo đã thấm nhuần trong tâm tưởng, Đại Đức được cha mẹ cho xuất gia học đạo, và được Thượng Tọa Thích Quang Chí, tọa chủ chùa Linh Bửu cho thọ Tam Qui, Pháp danh là Nguyễn Hương. Năm 12 tuổi, Đại Đức được thọ ngũ giới. Từ đó Đại Đức chuyên tâm tu niệm, dốc lòng phụng sự Tam Bảo.

Năm 20 tuổi, Đại Đức thọ Cụ túc giới, được hiệu là Đức Phong. Thọ giới xong, đạo niệm của Đại Đức ngày một thêm tinh tấn. Và trên bước đường vân du Hóa-Đạo, Đại Đức đã được rất nhiều người cảm mến kính trọng. Nhưng vì thâm nguyện an tâm tu niệm, nên Đại Đức dừng bước vân du và nhận chức Trụ trì tại chùa Bảo Tạng.

Từ ngày Phật-giáo bị đại nạn, Đại Đức đã thấu triệt sự tồn vong của Đạo pháp là vấn đề trọng đại, còn tám thân ngũ uẩn này là tạm bợ, nên sau 2 ngày tuyệt thực tại chùa Tỉnh hội Phật-giáo Bình Thuận, Đại Đức bèn noi gương Bồ Tát Quảng Đức, dũng cảm hiến thân cho Đạo pháp bằng cách tự thiêu hồi 12 giờ ngày 4.8.1963, tức là ngày rằm tháng 6 âm lịch, trước tòa Tỉnh Trưởng Bình Thuận.

Huyền thân tuy mất, nhưng Đại Đức còn để lại trong lòng người một cái gì bất diệt.

---o0o---

TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH THANH TUỆ

Đại Đức THÍCH THANH TUỆ 18 tuổi, tục danh Bùi Huy Chương, sinh tại ba Khê, quận Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Thân phụ là Bùi Dư, thân mẫu là bà Hoàng Thị Phục. Mẹ mất từ lúc Đại Đức lên 10 tuổi. Cụ Dư ở vậy nuôi con. Đại Đức có 22 chị gái lớn và 1 anh trai là Bùi Cầu 23 tuổi, quân nhân. Sau Đại Đức còn 1 em trai út.

Vì ham mộ đạo lý nhà Phật, nên năm 1960 Đại Đức vào quy y chùa Phước Duyên, thuộc xã Hưng long, quận Hương trà, tỉnh Thừa thiên, được pháp danh là Thanh Tuệ.

Năm 1963, Đại Đức đỗ bằng trung học Đệ Nhất cấp với hạng bình thứ. Vì tính rất ôn hòa và hiền hậu, nên Đại Đức đã được Ngài trụ trì chùa Cu Võ Đức Phú, pháp danh Thích Đảnh Lễ rất thương yêu. Đặc biệt là Đại Đức rất hiếu thảo với cha mẹ, thường tỏ ý thương tiếc Từ mẫu đã quá vãng sớm. Hằng năm đến ngày rằm tháng 6 là ngày giỗ mẹ, dầu cho bận việc thế nào, Đại Đức cũng về quê tại Hải Lăng, tụng kinh niệm Phật ngày đêm để cầu siêu cho Mẹ.

Trước ngày tự thiêu 9 hôm, tức là ngày mùng 4.8.1963, nhằm ngày rằm tháng 6 là ngày giỗ mẹ, Đại Đức cùng Ngài trụ trì là Thích Đảnh Lễ về quê nhà. Đại Đức tụng niệm suốt đêm ngày, để cầu siêu cho Mẹ và cũng là lần chót Đại Đức từ giã gia đình về cõi Phật.

Vì thấy Phật-giáo bị đại nạn, đứng trước sự tồn vong của Đạo pháp, Đại Đức phát nguyện tự thiêu vào đêm 12 rạng 13.8.1963 để cứu nguy Đạo pháp.

---o0o---

TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ DIỆU QUANG

Thích Nữ Diệu Quang 27 tuổi, tục danh là Ngô Thị Thu Minh, tự Minh Nguyệt, sinh ngày 11.1.1936, tại xã Phù Cát, quận Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên và nơi đây cũng là chánh quán. Thân phụ là Ngô Đình Hòe và Thân Mẫu là bà Nguyễn Thị Nghĩa, gia đình của ni cô hiện cư trú tại Nha Trang.

Sinh trưởng trong một gia đình nề nếp gia phong, thuở thiếu thời Ni Cô đã là một người chị gương mẫu trong gia đình (Cô là con thứ 2, chị đầu của Ni cô là tu sĩ Huệ Thành hiện tu tại chùa Từ Nghiêm Sài Gòn).

Nhận thấy cuộc đời là giả tạm, năm 21 tuổi, Ni Cô đã cắt ái từ thân, mở đầu cuộc hành trình, đi tìm Đạo pháp. Thấu được lòng thành khẩn của Ni cô, Ni Sư Thích Nữ Như Hoa, trụ trì chùa Vạn Thạnh ở Nha Trang, đã thân nhận Ni cô làm đệ tử.

Với tinh thần quyết chí tu học và nhờ trợ duyên ngoại điển (học xong ban trung học) Ni Cô đã thọ Sa Di giới năm 21 tuổi và được theo học các lớp nội điển tại Phật học Viện Nha trang.

Năm 26 tuổi, Ni Cô được thọ giới Thức Xoa ma Na. để đóng góp vào phần nào công việc xây dựng thể hệ mai sau và thể hiện được tinh thần lợi tha của Phật pháp, Ni Cô đã phát tâm theo dạy các lớp Sơ học Thiên Tài miễn phí, do tỉnh Giáo Hội Khánh Hòa quản trị.

Đến năm 1963, Ni Cô được 27 tuổi, vì thấy Đạo pháp lâm nguy nên tự mình tằm xăng tự thiêu, để cảnh tỉnh sự mê muội của nhà Ngô và cứu nguy Đạo pháp.

Ni Cô đã tự thiêu vào lúc 8 giờ 30 ngày 26.6 năm Quý Mão, tức ngày 15.8.1963, tại cạnh trường Hòa Xuyên, quận Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngọn đuốc Diệu Quang là ngọn đuốc thứ tư của Pháp nạn 1963.

---o0o---

TIỂU SỬ THƯỢNG TỌA THÍCH TIÊU DIÊU

Thượng Tọa Thích Tiêu Diêu 71 tuổi, hiệu là Tâm Nguyên, tục danh là Đoàn Mễ, sanh năm 1892 tại làng An Tuyên tức là Chuồn, quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, cách Thị xã Huế ngót 10 cây số.

Thượng Tọa sanh trưởng trong một gia đình đạo đức giàu có và chức sắc trong làng.

Thượng Tọa có 9 người con, hai người cũng đã xuất gia tu hành là Đại Đức thích Thiên Ân (đậu bằng tiến Sĩ ở Nhật) và Đại Đức Thích Đức Tường, hiện tu học tại Phật Học Viện Nha Trang Trung Phần.

Thượng Tọa Tiêu Diêu xuất gia năm 1930 và tu tại chùa Tường Vân, làng Dương Xuân Thượng. Thượng Tọa là đệ tử của Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, tăng Thống GHPGVNTN. Năm 1952, người thọ Cụ túc giới. Vì muốn tu trong cảnh thanh vắng, nên Thượng Tọa đã lập một cái cốc trên ngọn đồi bên chùa Châu Lâm, để tiện nhập thất tu niệm.

Thượng Tọa rất chuyên tâm nghiên cứu Phật pháp qua kinh sách và đã dự các lớp Phật pháp tại Phật học viện Tây Thiên, Linh Quang. Thượng Tọa tu theo hạnh Đầu đà: ăn ngủ rất ít, cứ 2 ngày mới ăn một bữa vào giờ Ngọ.

Khi cuộc tranh đấu của Phật-giáo phát khởi, Thượng Tọa thường đến ở chùa Từ Đàm Huế, để tham dự các cuộc cầu siêu và tuyệt thực.

Thượng Tọa dự định sẽ tự mổ bụng hoặc tuyệt thực cho đến chết. Đến ngày 16.8.1963, Thượng Tọa đã tự thiêu vào lúc 4 giờ sáng tại chùa Từ Đàm Huế, để bảo vệ Đạo pháp.

---o0o---

TIỂU SỬ PHẬT TỬ HỒNG THỂ THƯƠNG PHÉ BÌNH

Phật tử Nguyễn Thìn 31 tuổi, pháp danh Hồng Thể sanh năm 1932 tại Huế. Hồng Thể gia nhập hàng ngũ quân lực VNCH nhiều năm, cuối cùng bị thương và trở thành Thương Phế Bình.

Sau khi bị thương tàn phế, Hồng Thể về ở tại Vũng Tàu. Khi Phong trào tranh đấu của Phật-giáo đòi tự do tín ngưỡng, công bằng xã hội đối với một chính quyền tàn bạo độc tài, kỳ thị tôn giáo. Hồng Thể đã tận mắt chứng kiến sự đàn áp khốc liệt của Triều Ngô, nên đã tự nguyện thiêu thân để phản đối hành động của một chính quyền tàn bạo đàn áp Phật-giáo, và nguyện cầu cho những nguyện vọng tha thiết của toàn thể Phật-giáo đồ Việt Nam sớm được thành tựu.

Hồng Thể tự thiêu thân vào ngày 29.9.1963 ở phía sau chùa Phước Lâm Vũng Tàu.

Trước khi tự thiêu, Hồng Thể đã để lại nhiều bức thư. Những bức thư của Hồng Thể để lại có nhiều đoạn nói lên đầy sự chân thành của một người con Phật mong muốn được sống trong công bằng xã hội và tự do tín ngưỡng.

“... tôi tự thiêu thân để phản đối chính sách tàn bạo gian ác của chính quyền thiên Chúa Giáo, đã đập phá các chùa chiền, bắt bớ, bắn giết, giam cầm tra tấn các vị Tăng Ni cùng Phật-giáo đồ và Học Sinh sinh viên ...

Con đem hết lòng thành kính cầu nguyện đức Từ Phụ gia ân cho cuộc đấu tranh của Phật-giáo Việt-Nam thoát khỏi cảnh lầm than điêu đứng.”

---o0o---

TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH QUẢNG HƯƠNG

Đại Đức Thích Quảng Hương 37 tuổi, tục danh là Nguyễn Ngọc Kỳ, đạo hiệu là Bảo Châu, sanh ngày 28.7.1926 tại xã An Ninh, quận Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Năm 1940, anh ruột của Đại Đức xuất gia đầu Phật, nên Đại Đức thường xuyên lui tới chùa để tụng kinh sám hối và học kinh.

Năm 1943, Đại Đức xuất gia tu học, làm đệ tử của Hòa Thượng trụ trì chùa Kim Cang, Phú Yên.

Năm 1947, Đại Đức cùng với 5 vị Đại Đức khác trong xã An Đức, quận An Thành, lập Chi hội Phật học tại quận này.

Năm 1949, Đại Đức cầu Pháp và thọ Cụ Túc giới với Hòa Thượng Liễu Tôn, trụ trì chùa Quảng Sơn và nhận chức Thư Ký của chi hội Phật-giáo An Hiệp.

Năm 1950, Đại Đức đến Phan Thiết chữa bệnh. Sau khi bình phục, Đại Đức vào học tại Phật Học Viện Nha Trang.

Năm 1959, Đại Đức được Thượng Tọa Giám Viện Phật học Viện Nha Trang cử làm Giảng sư tại tỉnh Hội Phật-giáo Đà Lạt.

Năm 1961, Đại Đức được Hòa Thượng Hội Chủ cử kiêm nhiệm trụ trì và Giảng sư tại tỉnh Hội Phật-giáo Buôn Mê Thuột. Đại Đức đã ở đây cho đến ngày tự thiêu.

Vì thấy Phật-giáo bị đại nạn, nên Đại Đức phát nguyện tự thiêu vào 12:25 ngày 5.10.1963, tại bồn binh chợ Bến Thành Sài Gòn, để tranh thủ cho 5 nguyện vọng chân chính của Phật-giáo.

---o0o---

TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH THIỆN MỸ

Đại Đức Thích Thiện Mỹ chờ đúng ngày 27.10.1963, cùng giờ phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc trên đường tới thăm chùa Ấn Quang, thì Đại

Đức tự thiêu tại công trường Hòa Bình (đối diện Vương Cung Thánh Đường Sài Gòn).

Đại Đức Thích Thiện Mỹ đã tự thiêu ngay dưới cột đèn, có gắn bảng đường Tự Do. Lúc Đại Đức mới châm lửa vào áo tắm xăng sẵn, thì có một số đồng bào từ trong nhà thờ đi ra, và người đi đường xúm lại bao quanh lễ Ngài.

Một phút sau, cảnh sát ập lại, lấy mền đè Đại Đức ngã xuống. Nhưng ngọn lửa bùng lớn, làm cháy luôn cái mền. Cảnh sát vùng chạy, Đại Đức lại từ từ ngồi ngay dậy, chấp tay vái lạy những Phật tử bên đường đang lễ Ngài, cho đến lúc Ngài tịch diệt.

Sự hy sinh cao cả và phi thường của Đại Đức Thích Thiện Mỹ đã gây xúc động mạnh toàn Thế giới, gây khó khăn cho chính quyền Diệm và cũng thúc đẩy phái đoàn điều tra Liên hiệp Quốc mau chóng hoàn tất nhiệm vụ, để cứu vớt Dân tộc Việt Nam.

Ngọn lửa tự thiêu thứ 8 của Phật-giáo Việt-Nam đã là ngọn lửa thiêng châm vào bể căm hờn âm ỉ trong lòng quân dân Việt Nam bùng lên dữ dội, bốc thành biển lửa cách mạng ngày 1.11.1963, đốt thiêu một chế độ tàn bạo đen tối.

Sự hy sinh của Đại Đức Thích Thiện Mỹ, quả đã đưa cuộc đấu tranh đầy nguy hiểm gian nan khổ cực của Phật-giáo Việt-Nam đến chỗ toàn thiện và toàn mỹ.

(Tranh đấu sử Phật-giáo Việt-Nam)

---o0o---

TIỂU SỬ NỮ SINH PHẬT TỬ NGUYỄN THỊ VÂN

Nguyễn Thị Vân 17 tuổi, pháp danh Không Gian, học sinh lớp Đệ Ngũ trường Trung Học Bồ Đề Thành Nội Huế. Nguyên quán làng La Vân Hạ, quận Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, thuộc gia đình Phật tử Thành Nội Huế.

Vân là học sinh hiền hậu, ngoan ngoãn nhất trong nhóm học sinh đệ ngũ; lòng tha thiết yêu đạo, yêu tự do, công lý, giàu lòng hy sinh và hăng say trong các công tác từ thiện, xã hội.

Vân đã hòa mình với quần chúng trong pháp nạn năm 1966. lòng đau khổ cùng tận, Vân đã phát nguyện tự thiêu để cảnh tỉnh chánh quyền và cầu nguyện Phật-giáo qua con pháp nạn.

Trước Phật đàn 2 ngày, vào lúc 3 giờ sáng ngày 30.5.1966, nhằm 12.4 năm Bính Ngọ, Vân đã tự mình châm lửa thiêu trước Niệm Phật Đường Thành Nội.

Vân để lại 4 bức thư:

- 1 dâng lên Hòa Thượng Tăng Thống.
- 1 dâng lên Ngài Viện Trưởng Viện Hóa-Đạo.
- 1 gửi Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu.
- 1 gửi Quốc Hội Mỹ.

---o0o---

TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH THIÊN HUỆ

Đại Đức Thích Thiên Huệ 18 tuổi, tục danh Nguyễn Lang, pháp danh Quảng Trí, tự Thiên Huệ, sinh ngày 5.5.1948, chánh quán ấp Định Nhiên, xã An Nghiệp, quận Tuy An, tỉnh Phú Yên; Thân Phụ là Ông Nguyễn Cương và Thân Mẫu là Bà Trần Thị Giả.

Đại Đức sinh trưởng trong một gia đình nông nghiệp và đã xuất gia vào ngày 18.4.1964 tại chùa Từ Ân xã Tuy An.

Tùy thuận nhân duyên, Đại Đức đã vào tu học tại chùa Phật-giáo Tu Bồng, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa và thọ giới Sa Di vào đầu năm 1966 và Bôn sư truyền giới là Hòa Thượng Thích Thiên Sơn.

Đến năm 1966, tức năm Đại Đức 18 tuổi, vì thấy cảnh bi đát của Giáo Hội, thấy cảnh đau thương của Dân tộc, nên ngày 1.6.1966 tức là ngày 13.4 năm Bính Ngọ (Phật lịch 2510) Đại Đức châm lửa tự thiêu, tại Gò Giếng Nước Nóng ấp Tân Phước, xã Vạn Phước, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa để cầu nguyện an lành cho Dân tộc và Đạo pháp.

Trước khi tự thiêu, Đại Đức đã để lại 3 bức thư:

- 1 bức gởi cho tỉnh Giáo Hội Khánh Hòa.
- 1 bức gởi cho Bôn sư, Đại Đức Thích Từ Viên.
- 1 bức gửi cho gia đình.

Sự hy sinh cao cả của Đại Đức đã để lại trong lòng mọi người nhiều nỗi cảm kích chân thành!

---o0o---

TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ DIỆU TRI

Ni Cô DIỆU TRI 27 tuổi, tục danh là Lê Thị Hiếu, pháp danh Tâm Lương, sinh ngày 1.1.1939 tại làng Phước Mỹ, quận Triệu Phong tỉnh Quảng Trị. Thân phụ là Ông Lê Văn Phò và thâm mẫu là Bà Ngô Thị Thí.

Ni Cô sinh trưởng trong một gia đình Phật-giáo thuần thành, nên từ nhỏ đã tỏ ra rất hiền hòa, hiếu thuận. Thân phụ mất sớm khi Ni Cô lên 9 tuổi.

Hấp thụ sâu đậm tinh thần Phật-giáo, Ni Cô đã có ý nguyện xuất gia từ thuở ấu thơ, nhưng không được sự chấp thuận của gia đình.

Năm 1945, tức năm lên 6 tuổi, Ni Cô đã gia nhập gia đình Phật tử. Với tinh thần sinh hoạt hăng say và là một Phật tử có nhiều khả năng đặc biệt, nên năm 1961, Ban Hướng dẫn Gia Đình Phật Tử Quảng Trị đã đề cử Cô đảm nhiệm chức vụ Ủy viên Oanh Vũ Nữ.

Năm 1963, tức năm 24 tuổi, Ni Cô đã chính thức thí phát và quy y vào ngày 12.4.1963 tại chùa Diệu Ân, Phan Rang và sau đó được đưa vào tu học tại Ni Viện Diệu Quang Nha Trang. Bôn sư của Ni Cô là Sư bà Đàm Hương. Ni Cô thọ Sa Di giới ngày 6.4.1965.

Ngoài việc tu học, hằng ngày Ni Cô còn đảm trách việc giáo dục con em tại trường mẫu giáo Kiều Đàm, một cơ sở Văn Hóa Giáo Dục của Giáo Hội Phật-giáo VNTN tỉnh Khánh Hòa, đặt tại khuôn viên Ni Viện Diệu Quang.

Năm 1966, vì thấy tình trạng đau buồn của đất nước và Đạo pháp, Ni Cô đã phát nguyện tự thiêu vào lúc 2 giờ sáng ngày 4.6.1966, tức là ngày 16.4 năm Bính Ngọ, trước đài Quán Thế Âm, tại Ni Viện Diệu Quang, nơi Ni Cô tu học.

Với ý nguyện chân thành, Ni Cô đã để lại 2 bức thư gửi cho Giáo Hội và cho Chính phủ, thật là tha thiết với Đạo pháp.

---o0o---

TIỂU SỬ NI SƯ THÍCH NỮ THANH QUANG

Ni sư Thanh Quang tục danh là Bùi Thị Lệ, sinh năm kỷ Sửu, tại Vĩnh Thanh trong một gia đình khá giả.

Năm 20 tuổi Ni sư xuất gia tu học tại Ni Viện Diệu Đức Huế. Ni sư chuyên tu về Pháp Tham Thiền, ưa làm những việc từ thiện xã hội.

Năm 1966, trước Phong trào đòi hỏi Quốc Hội Lập Hiến, đòi Chính phủ dân cử, Ni sư đã phát nguyện tự thiêu để đòi hỏi chính phủ Mỹ và chính quyền Sài gòn phải chấp thuận nguyện vọng chính đáng của Phật-giáo nói riêng, dân chúng Việt Nam nói chung.

Ni sư định tự thiêu trước tòa Lãnh Sự Mỹ, tại Huế. Nhưng hoàn cảnh không chiều theo ý muốn, nên Ni sư về chùa Diệu Đế tuyệt thực. Rồi vào lúc 3 giờ sáng ngày 26.5.1966 nhằm ngày mùng 9.4 Bính Ngọ, Ni sư tự thiêu tại chùa Diệu Đế Huế.

Ngày 16.6.1966, chính quyền đã cướp nhục thể của Ni sư đem chôn tại đồi Tam Thai gần núi Ngự Bình Huế.

Ni sư có để lại 4 bức thư:

- 1 dâng lên Đức Tăng Thống.
- 1 dâng lên Viện Hóa-Đạo.
- 1 gửi Trung Tướng Chủ tịch ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia.
- 1 Gửi Tổng Thống Mỹ.

---o0o---

TIỂU SỬ PHẬT TỬ ĐÀO THỊ YẾN PHI

Phật tử Đào Thị Yến Phi 17 tuổi, pháp danh Nguyên Thường, tự Diệu Mai, sinh ngày 6.1.1948 tại Hà Đông, Bắc Phần. Thân phụ là Ông Đào

Trọng Bình và thân mẫu là Bà Lê Thị Vượng, hiện cư ngụ tại Nha Trang. Thân phụ đi xa và biệt tích từ khi Yến Phi lên 10 tuổi. Thế nên Yến Phi chỉ sống với mẹ. Hai mẹ con đều là Phật tử thuần thành. Yến Phi rất ngoan và hiếu thảo.

Yến Phi được mẹ cho vào gia đình Phật tử năm 1958, với tư cách là một đoàn sinh Oanh vũ. Yến Phi sinh hoạt đầu tiên là Gia đình Phật tử Linh Thứu. Năm 1961 Yến Phi được lên ngành thiếu và chánh thức quy y Tam Bảo trong ngày Phật Đản 2506.

Yến Phi đã dự trù cách trại huấn luyện Đội, Chủng trưởng Than Hội năm 1962, và Trại huấn luyện Sơ Cấp Lộc Uyển năm 1964. Yến Phi trở về sinh hoạt với gia đình Phật tử Chánh Quang với tư cách Đoàn Phó Oanh Vũ Nữ.

Với bản tính hiền hòa, lại được hấp thụ tinh thần Từ Bi của đạo Phật, Yến Phi luôn luôn tỏ ra là một Phật tử gương mẫu và được mọi người cảm mến.

Năm 1964, Yến Phi được 16 tuổi, vì thấy sự sống còn của Dân tộc, vì sự tự do dân chủ, vì mọi thống khổ của đồng bào, Yến Phi đã lặng lẽ phát nguyện tự thiêu để cúng dường Tam Bảo.

Thế là Yến Phi đã thực hiện ý nguyện vào lúc 14 giờ 30 ngày 26.1.1965, tức là ngày 24 tháng Chạp năm Giáp Thìn, tại trước tòa Hành chánh tỉnh KhánhH, nơi tuyệt thực của chư Tăng Ni và toàn thể Phật-giáo đồ.

Trước khi từ biệt cõi đời giã tạm, Yến Phi có để lại 3 bức thư:

- 1 bức gửi cho chư Thượng Tọa, Đại Đức tăng Ni và Phật-giáo đồ.
- 1 bức gửi cho Thủ Tướng Trần Văn Hương.
- 1 bức gửi cho mẹ.

Yến Phi đã ra đi vĩnh viễn, để mưu cầu tự do dân chủ yên lành cho Dân tộc và Đạo pháp.

Yến Phi tuy đã mất, nhưng vẫn còn sống mãi trong lòng mọi người.

TIỂU SỬ PHẬT TỬ NGUYỄN THỊ HUỆ

Phật tử Nguyễn thị Huệ tự Nguyễn Thi 17 tuổi, sinh ngày 24.9.1949 tại Sài gòn, nữ sinh lớp đệ tứ, niên khóa 1965-1966, trường Trung học Gia Long Sài gòn.

Huê chỉ có 2 mẹ con. Suốt 3 năm liền Huê ăn chay trường. Mỗi khi thấy Mẹ ăn cá thì Huê mua cá phóng sanh. Khi thấy mẹ ăn cua thì Huê mua cua thả. Mẹ hỏi sao khi con lấy tiền mua rồi thả hết? Huê thưa: Có ai chết mà đem tiền theo được đâu? Và lại mình muốn sống thì loài vật cũng muốn sống. Mẹ Huê nghe con nói như vậy, nên từ đó bà cũng ăn chay luôn để cho con được vui lòng.

Mẹ Huê thường may quần áo tốt cho con, nhưng Huê không thích se sua, chỉ thích mặc những bộ đồ thường đến trường.

Huê đã dự các lớp giáo lý tại Hội trường Việt Nam Quốc Tự và được giấy khen thưởng Ban Giảng Huấn của Viện Hóa-Đạo.

Đến năm 1966, vì thấy Việt Nam Quốc Tự là chỗ tối cao tôn nghiêm, cũng là nơi tự do tín ngưỡng Dân tộc; Viện Hóa-Đạo là cơ quan đầu não của Phật-giáo, đều bị chánh quyền chiếm đóng, nên Huê phát nguyện tự thiêu để phản đối sự kỳ thị của chánh quyền và bảo vệ Đạo pháp.

Đến ngày 29.8.1966, mẹ Huê đã về quê, nên vào lúc 8 giờ, Huê đóng cửa ra đi để thực hiện ý định. Đầu tiên Huê đến Viện Đại học Vạn Hạnh để đóng học phí trường Thanh Niên Phụng Sự Xã hội. Sau Huê đến chùa Ấn Quang lễ Phật và xem thông cáo. Thấy bệnh trạng và hình ảnh ốm gầy của Hòa Thượng Trí Quang, Huê rất cảm động đau xót và thương tâm ...!

Huê đến cô nhi viện Quách Thị Trang để thăm các em mồ côi. Đi đến đâu đều thấy cảnh tang tóc đau lòng! Nên Huê không trở về nhà và quyết định ở lại cô nhi viện.

Đến 2 giờ khuya đêm 29, rạng ngày 30.8.1966 (tức rằm tháng 7 âm lịch), Huê một mình qua vườn chùa Việt Nam Quốc Tự chế xăng rồi tự châm lửa hỏa thiêu! Không một ai hay biết.

Đến sáng ngày, có người đến cắt cỏ, thấy hoảng sợ chạy tri hô lên! ... Chánh quyền liền đến lấy xác chở đi mất!...

---o0o---

TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ TRÍ TÚC

Ni Cô LÊ THỊ CÚC (La Thị Hen) pháp danh Trí Túc, 31 tuổi, sanh năm Canh Thìn. Thân phụ là Ông Lai Sinh, thân mẫu là bà Trương Anh, đều là người Trung hoa. Hai ông bà qua Việt Nam thương mãi và sanh Ni Cô trí Túc tại Sóc Trăng.

Khi 16 tuổi, Ni Cô đến công quả 4 năm tại chùa Thạch Sơn, tục gọi là Chùa Hang ở Châu Đốc.

Khi đến 20 tuổi, được thầy trụ trì chùa Lăng Ca giới thiệu lên Sài gòn giúp việc tại Cô Nhi Viện Diệu Quang 1 năm.

Sau khi giúp việc tại Cô Nhi Viện Diệu Quang 1 năm, Ni Cô được Bà cô Trà Vinh hướng dẫn và giới thiệu về chùa Bảo An Cần Thơ để làm lễ xuất gia. Sau khi xuất gia, Ni Cô được Ni trưởng Bảo An cho đến chùa Từ Nghiêm Sài gòn thọ giới Sa Di Ni và thọ giới Thức Xoa tại chùa Pháp Quang Thủ Đức.

Đến năm 1967, vì bảo vệ Hiến chương của Giáo Hội và cầu nguyện Hòa Bình cho Việt Nam, nên Ni Cô phát nguyện tự thiêu vào lúc 11 giờ ngày 3.10.1967 trước chùa Bảo An cần Thơ.

Linh cửu ni Cô được GHVNTN tỉnh Phong Dinh cùng toàn thể Tăng Ni Phật tử rất đông đảo và trọng thể đưa đi an táng vào vườn chùa Hội Linh ở tỉnh Phong Dinh.

Mặc dù ni cô đã tịch, nhưng ngọn đuốc hy sinh cao cả của Ni Cô vẫn còn cháy mãi trong lòng người.

---o0o---

THƠ NI CÔ TRÍ TÚC

Gởi Ni Trưởng chùa Bảo An (Cần Thơ) nói rõ nguyện vọng tự thiêu của mình để cầu nguyện Hòa Bình Việt Nam và bảo vệ Hiến chương Phật-giáo.

Cần Thơ, ngày 3.10.1970

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Thưa Sư cô,

Con xin phát nguyện tỳ thiêu cầu cho đất nước sớm Hòa Bình để con không thấy cảnh huynh đệ tương tàn tương sát nữa.

Con cũng cầu Tam bảo gia hộ cuộc tranh đấu bảo vệ Hiến chương của Giáo Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất sớm được thắng lợi vẻ vang.

Sau cùng con quyết tâm tỳ thiêu để yêu cầu Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu sớm hồi tâm thức tỉnh thu hồi sắc luật 23/67 về Hiến chương mới.

Vì giờ quyết định đã đến, con không biết nói gì hơn nữa. Vậy con chỉ xin kính chúc Sư Cô và đại chúng tu hành tinh tấn.

Con,

THÍCH NỮ TRÍ TỨC

---o0o---

TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ TRÍ CHƠN

Ni Cô Trí Chơn 54 tuổi, nữ danh là Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm Giáp Dần (1913), ở làng An Bình, tỉnh Phong Dinh (Cần Thơ). Mẹ mất sớm nên Bà cô Mai Lê đem cô về nuôi dưỡng.

Lúc khôn lớn, Bà cô lại dựng lập gia đình cho cô ở Thốt Nốt và sanh đẻ một đứa con gái. Vì lòng mộ đạo thúc giục nên cô thường đến chùa lễ Phật nghe kinh. Nhân một dịp đến Trà Vinh, cô đi chùa gặp vị Lục Cả người Miên có tác phong đạo hạnh, cô bèn xin xuất gia. Lục dạy: nếu có gia đình, cô nên tu tại gia, bao giờ con cái trưởng thành, mới có thể chọn con đường thoát ly trần tục. Từ đấy trong thâm tâm cô mang nặng hoài bão con đường giải thoát.

Năm 1945, thực dân Pháp trở lại dày xéo quê hương. Nhìn thảm cảnh nước Việt bị chìm ngập trong khói lửa chiến tranh, cô rất đau lòng và thầm phát nguyện: non nước sớm thanh bình và toàn thể gia đình cô lớn nhỏ vẹn toàn, hồi cư về cô sẽ vào chùa làm công quả 3 năm.

Như nguyện, nên sau ngày hồi cư, cô đến chùa Bảo An ở Phong Dinh (Cần Thơ) xin làm công quả.

Qua thời gian sống ở cửa thiền, lòng mộ đạo càng thâm, cô quyết theo con đường duy nhất đã chọn từ lâu, nên xin Ni Trưởng, Trụ trì chùa Bảo An xuất gia thọ giới và được pháp danh là Trí Chơn. Và người con gái của cô cũng theo Mẹ xuất gia, nên cũng được Ni Trưởng cho pháp danh là Trí Định.

Cô Trí Chơn xuất gia năm 43 tuổi (1956), thọ Sa Di giới, được Ni Trưởng Bảo An cho về ở chùa Quan Âm, Sa Đéc thuộc hộ Tân Hưng. Sư cô Trí Chơn chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa và thường đến giúp các chùa hội trong các dịp lễ. Cô thường bảo thầ:

“Tôi nguyện xả thân vì đạo”

Đến năm 54 tuổi (1967), cô thấy Phật-giáo đang bị ngoại bang ly gián để lung lay nền thống nhất, nên cô quyết đòi chính quyền phải trả lại Hiến chương 05/66 cho Giáo Hội, do xương máu của Tăng Ni và Phật tử tạo ra. Cô nguyện noi gương các Thánh Tử Đạo, đem thân làm đuốc, để cảnh tỉnh cường quyền dùng bạo lực đàn áp Phật-giáo và những kẻ tham danh lợi, đem tâm phân Đạo.

Trước khi từ giã cõi đời ô trược, Ni Cô để lại 3 lá thư:

- Gửi cho chính quyền đương thời.
- Gửi Thượng Tọa Tâm Châu.
- Gửi GHPGVNTN Ấn Quang.

Đến 11 giờ đêm, năm Đinh Mùi (1967), Cô tự thiêu tại hậu Tổ chùa Quan Âm. Cô để Đức Quan Thế Âm Bồ Tát trước mặt và chấp tay ngò kiết già, rồi viên tịch trong lửa đỏ!

Linh cửu của Cô, được GHVNTN tỉnh Sa Đéc, toàn thể Tăng Ni Phật tử cử hành mai táng rất trọng thể.

Giờ đây nhục thân Ni Cô đã vùi sâu vào lòng đất, nhưng tên tuổi Ni Cô hãy còn ghi đậm nét son trong quyển sử vàng của Phật-giáo.

---o0o---

TIỂU SỬ NI CÔ THÍCH NỮ HUỆ LẠC

Ni Cô Huệ Lạc 22 tuổi, tục danh là Lê Thị Hậu, sanh năm 1945 tại Hội An (Quảng Nam).

Năm 1965, Ni Cô xuất gia tại chùa Tây Hưng tỉnh Sa Đéc.

Năm 1966, Ni Cô Huệ Lạc đến ở tại chùa Viên Giác, xã tây Sơn Hòa, Gia Định. Nhờ sự tận tâm chỉ giáo của Đại Đức Hồng Tịnh, Trụ trì chùa Viên Giác, nên Ni Cô rất tiến bộ cả hai phương diện tu và học.

Đến năm 1967, Ni Cô thọ giới Sa Di Ni tại chùa Pháp Quang Cholon.

Để bảo vệ Hiến chương của GHPGVNTN, nên ngày 22.10.1967, Ni Cô Huệ Lạc đã tự thiêu trước sân chùa Viên Giác.

Nhục thể của Ni Cô bị chính quyền tỉnh Gia Định đem đi mai táng (Đại Đức Hồng Tịnh, Trụ trì chùa Viên Giác biết chỗ).

Hình ảnh Ni Cô Huệ Lạc tuy đã đi vào quá khứ, nhưng tinh thần bảo vệ Đạo pháp của Ni cô vẫn còn hiện mãi trong lòng Phật tử.

---o0o---

TIỂU SỬ ĐẠI ĐỨC THÍCH HẠNH ĐỨC

Đại Đức tên là Trần Văn Minh, 19 tuổi, tục Thị Hoàng, pháp danh Hạnh Đức, pháp hiệu là Thanh Bình, sinh ngày 2.3 năm Mậu Tý, nhằm Thứ 7 ngày 10.4.1948 tại xã Bình Đức, quận Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Xuất thân trong một gia đình Nho giáo có tín ngưỡng Phật-giáo. Lúc nhỏ Đại Đức tính tình nhu hòa, thùy mị, vốn có thiện căn và theo học trường làng từ lúc lên 10, được Thầy thương bạn mến. Khi lớn lên, thiện căn cũng dần tăng trưởng, có nhiều nghi vấn về cuộc đời, khiến Đại Đức luôn luôn suy gẫm. Mọi diễn biến của vạn hữu, là mỗi bất công đau khổ đè nén lên con người, tạo thiện duyên cho Đại Đức tầm Sư học Đạo.

Đại Đức từ bỏ tất cả sự âu yếm mến chuộng của gia đình bà con thân thuộc, xa lánh tất cả những gì mà Đại Đức cho là vô thường, khổ não, vô ngã, ... chỉ quyết tâm đi tìm con đường giải thoát. Đại Đức xuất gia đầu Phật vào năm 1959, quy y với Thượng Tọa Thích Huyền Đạt, Tọa chủ chùa Viên Giác Thanh Sơn (núi Thành Thành thuộc hạt Sơn Tịnh và Bình Sơn).

Từ ngày Đại Đức tự nguyện khép mình vào khuôn khổ Thiền gia, lấy tương đưa rau muối làm phương tiện độ nhật; chí công tham học với Bốn sư những khuôn vàng thước ngọc và những lời di giáo vô thượng của Đức Thế Tôn. Ngoài ra, Đại Đức cũng thể hiện hạnh nguyện “hữu tác hữu thực, vô tác bất thực” trong công tác nông thiền ở miền đồi Viên Giác.

Đến năm 1965, vì sự đòi hỏi cần thiết ở khả năng hiểu biết của người tu sĩ Phật-giáo, tương ứng với đà tiến hóa của nhân loại hiện thời, trong việc hoằng hóa lợi sinh, nên Đại Đức đã được Bốn sư cho về Trụ trì chùa Giáo Hội Tỉnh, để theo học Ngoại Điển ở Trường Trung học Bồ Đề.

Năm 1966, Đại Đức đã thọ Sa Di giới tại chùa Hội Phước Quảng Ngãi.

Đến năm 1967, trước cảnh bất công đàn áp Phật-giáo của chính quyền đương thời, Đại Đức đã phát nguyện tự thiêu trước chùa Giáo Hội Tỉnh vào ngày 31.10.1967 để phản đối sắc luật phi pháp 23/67.

Nhục thân Đại Đức tuy mất nhưng gương “vị pháp vong thân” của Đại Đức vẫn còn sáng chói muôn thuở.

---o0o---

TIỂU SỬ THÍCH NỮ THÔNG HUỆ

Ni Cô Thông Huệ 30 tuổi, tục danh là Nguyễn Thị Lộc Đài, pháp danh là Hạnh Phước, Pháp tự là Thông Huệ, sinh ngày 3.4.1937 tại quận Bồng Sơn, tỉnh Bình Định. Thân phụ là Ông Nguyễn Văn Sinh và thân mẫu là Bà Trần Thị Bảy.

Ni Cô sinh trưởng trong một gia đình lễ giáo, thấm nhuần tinh thần Phật Pháp. Từ thuở nhỏ Ni Cô đã là một người con hiếu thuận, một nữ sinh gương mẫu và là một Phật tử thuần thành chân chính.

Tuy là một người con gái độc nhất trong gia đình, mẹ mất sớm, Ni Cô phải lo lắng mọi việc trong gia đình, nhưng Ni Cô vẫn không từ bỏ việc học và

tham gia Phong trào Gia Đình Phật tử. Trước khi xuất gia tiến hành trên con đường đạo nghiệp, Ni Cô đã là một chị trưởng có khả năng và rất nhiều tâm huyết.

Năm 14 tuổi, Ni Cô quy y với Ngài Huyền Ân tại chùa Hội Quang, quận Bồng Sơn, tỉnh Bình Định. Nhờ thâm nhập tinh thần Phật Pháp, Ni Cô đã xin phép thân phụ xuất gia vào năm 18 tuổi và vào Nha Trang thọ giới với Ni sư Thích Nữ Tâm Đăng ở chùa Linh Sơn Cầu Đá.

Sau 5 năm tu học, năm 23 tuổi, Ni Cô có thọ giới Sa Di Ni và được Bôn sư cho vào tu học tại Ni Viện Từ Nghiêm. Với sự tu học tinh tấn và có nhiều khả năng đặc biệt, Ni Cô đã được thọ Thức Xoa Ma Na tại Ni Viện Từ Nghiêm Sài gòn.

Pháp nạn năm 1963, trước sự thống khổ của tín đồ và nguy ngập của Đạo pháp, Ni Cô đã phát nguyện tự thiêu, nhưng ý nguyện không thành vì Bôn sư không chấp nhận.

Pháp nạn năm 1967, để cảnh tỉnh những người phản bội Đạo pháp và Dân tộc, cùng sự mê muội của chính quyền đã ngoan cố, cướp đoạt Hiến chương của Giáo Hội, Ni Cô đã châm lửa tự thiêu vào lúc 19:20 ngày 1.11.1967, tức là ngày 29.9 năm Đinh Mùi bên cạnh chùa Tỉnh Giáo Hội Khánh Hòa trên đường lên Kim Thân Phật Tổ.

Huyền thân tuy mất, nhưng “Gương Hy Sinh Bảo Vệ Đạo pháp” của Ni Cô vẫn còn chiếu sáng nghìn thu!.

---o0o---

TIỂU SỬ PHẬT TỬ NHỨT CHI MAI

Nữ Phật tử Phan Thị Mai tự Nhứt Chi Mai hay Nhất Chi, pháp danh Diệu Huỳnh 33 tuổi, sanh ngày 20.2.1934 tại Thái Bình tỉnh Tây Ninh. Thân phụ là Ông Phan Duy Mỹ, thân mẫu là bà Nguyễn Thị Duyệt, ngụ tại nhà số 60/59 đường Yên Đỗ Sài gòn.

Năm 1955, Nhất Chi Mai thi đậu vào trường Quốc Gia Sư Phạm Sài gòn, Mai vừa làm một cô giáo lớp bổ túc hạng tư, dạy lớp nhì A, trường Tiểu học Công lập ở Tân Định vừa tiếp tục đi học và thi đậu tú tài toàn phần.

Nhất Chi Mai quy y ở chùa Từ Nghiêm, một Phật tử thuần thành mến đạo yêu đời, rất say mê với giáo lý đạo Phật, tích cực tham gia vào các công tác Phật sự, hằng tuần đến chùa Dược Sư và chùa Từ Nghiêm dạy giúp cho các Ni Cô về môn Thế Học. Nhất Chi Mai vừa là một sinh viên của Đại học Vạn Hạnh vừa là sinh viên Văn Khoa của Đại Học Sài Gòn.

Lễ Phật Đản 2511 (1967), GHPGVNTN lập lễ Đài Hòa Bình tam cấp (Hữu Chiến, Thương Thuyết và Hòa Bình) tại chùa Ấn Quang, cử hành trọng thể một tuần lễ Hòa Bình cho Việt Nam.

Vì thiết tha với Hòa Bình, nên Phật tử Nhất Chi Mai phát nguyện đem thân làm đèn, đốt lên làm lễ khai mạc tuần lễ cầu nguyện Hòa Bình của Giáo Hội, vào lúc 7:30 sáng ngày mùng 8.4 Đinh Mùi (nhằm ngày 16.5.1967) tại chùa từ Nghiêm đường Bà Hạt Cholon. Ánh lửa hào hùng của một Phật tử yêu nước, đã nói lên lòng đau xót quê hương với nguyện vọng thiết tha Hòa Bình.

Trước khi đem thân làm đuốc, cầu nguyện Hòa Bình cho Việt Nam, Nhất Chi Mai đặt trước mặt hai ngôi tượng, rồi chấp tay quỳ trước mặt tượng Đức mẹ Maria và Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thể hiện cho tình thương trên cõi đời này.

Nhất Chi Mai muôn ánh lửa hỏa thiêu để nói lên tình thương yêu con người đã biến mất trên quê hương đau khổ này từ một phần tư thế-kỷ nay.

Sau lưng Nhất Chi Mai có một tấm vải trắng viết mấy hàng chữ đen:

“Con chấp tay quỳ xuống
“Xin Đức Mẹ Maria
“Đức Quan Thế Âm, Phổ Hiền
“Cho con tròn đại nguyện
Và
“Xin đem thân làm đuốc
“Xin soi sáng u minh
“Xin tình người thức tỉnh
“Xin Việt Nam Hòa Bình

Ký tên: Nhất Chi Mai tự Nhất Chi Diệu Huỳnh.

LỜI TRẦN TRỐI CỦA NGƯỜI YÊU VIỆT NAM

Việt Nam, Việt Nam ơi!
Nghe chẳng lời trần trối
Của người yêu Việt Nam:
Yêu tiên nhân cách mạng,
Yêu lứa tuổi hai mươi,
Yêu cô nhi, quả phụ,
Yêu thương nhân, tù đày,
Yêu khắp dãy non sông,
Yêu từng giọt máu hồng,
Cả người hiền kẻ dữ!

Việt Nam, Việt Nam ơi!
Sao cứ mãi hận thù?
Sao bắn giết mà vui?
Thắng rồi ai thua đó?
Vinh nhục này ai mang?
Bỏ danh từ nhĩ hiệu,
Chúng mình người Việt Nam.
Chúng mình người Việt Nam,
Chon thành tay mình nắm,
Quê mình lo nước non,
Việt Nam, Việt Nam ơi!

Người tự thiêu để cầu Hòa Bình
Thích nữ NHẤT CHI MAI tự Nhất Chi
Sinh viên Việt Nam
Phật Đản 2511 (25.4.1967)

---o0o---

Chấp tay tôi quỳ xuống

Sao người Mỹ tự thiêu?⁸
Sao thế giới biểu tình?
Sao Việt Nam im tiếng?
Không dám nói Hòa Bình?

Tôi thấy mình hèn yếu!
Tôi nghe lòng đấng cay!
Sống mình không thể nói
Chết mới được ra lời!.

Hòa Bình là có tội!
Hòa Bình là Cộng sản!
Tôi vì lòng nhân bản,
Mà muốn nói Hòa Bình.

Chấp tay tôi quỳ xuống
Chịu đau đón thân này
Mong thoát lời thống thiết!
Dừng tay lại “NGƯỜI” ơi!

Dừng tay lại “NGƯỜI” ơi!
Hai chục năm hơn rồi,
Nhiều máu xương đã đổ,
Đừng diệt chủng dân tôi!
Đừng diệt chủng dân tôi!
Chấp tay tôi quỳ xuống.

Người tự thiêu cầu Hòa Bình Việt Nam
Thích nữ NHẤT CHI MAI tự Nhất Chi
Sinh viên Văn Khoa
Mùa Phật Đản 2511 (05/1967)

---o0o---

BỨC THƯ NGỎ GỞI HAI CHÍNH PHỦ NAM BẮC VIỆT NAM

Dưới đây là bức thư của Nhất Chi Mai

Gửi hai chính phủ Nam Bắc Việt Nam

Trước khi tự thiêu ngày 16.5.1967

Kính thư quý Ngài,

Là công dân Việt Nam, tôi có trách nhiệm với lịch sử Dân tộc và có bổn phận với quốc gia Việt Nam tôi.

Tôi tưởng tôi có quyền nói lên ước nguyện của tôi về quê hương tôi chứ?

Mà các Ngài đâu có cho tôi nói, dù tôi ở trong vùng đất “TỰ DO”. Cho nên tôi xin chết để được các Ngài nghe giùm tiếng kêu bi thiết của tôi, của đa số những người dân không quyền thế, cổ gắn trời cao.

Xin các Ngài cho tiếng nói sau cùng của tôi, được truyền đi khắp nơi. Một dịp quý Ngài trung cầu dân ý: nên Hòa hay nên Chiến, để hành động vì dân, do dân như quý Ngài thường tuyên bố.

Xin can đảm mà nghe Dân, dù lòng dân không phù hợp với ý của Quý Ngài.

Người dân đen chúng tôi không cần chủ nghĩa, không cần danh từ, chúng tôi chỉ mong sống yên lành và hùng mạnh.

Mà hiện trạng đất nước, dưới quyền sanh sát của quý Ngài, thì ngược lại, ...

Quý Ngài được viện trợ đủ thứ vũ khí tối tân, cầu cạnh hằng triệu người ngoại quốc về đây sát hại đồng bào để bảo vệ cho chủ nghĩa đẹp(!) và danh từ suông của quý Ngài.

Một bên thì tham vọng, một bên thì hận thù, quý Ngài ngồi yên trong nhà cao cửa kín, tha hồ mà gào to hét lớn, có biết đâu nỗi khổ đau tột cùng của đám dân đen chúng tôi.

Hỡi miền Nam, có thấy sự bất công và yếu kém của mình không? Có thấy xã hội mình xuống dốc thế nào chẳng? Có thấy tai hại của kết quả ngoại viện không?

- Xin sáng suốt tìm ra lối thoát cho Việt Nam.
- Xin thương thuyết chấm dứt chiến tranh.
- Xin số phận Việt Nam do người Việt Nam định đoạt.
- Xin gỡ hết danh từ, nhãn hiệu mà đoàn kết thương yêu.

Hàng triệu sinh mạng Việt Nam, Hoa Kỳ chờ đợi sự công bằng về nhân ái của quý Ngài.

Trang sử Việt Nam lật sẵn, chờ đợi quý Ngài ghi vào đây nét son.

Khẩn thiết cầu nguyện

Người tự thiêu cầu Hòa Bình (cẩn ký)

Thích Nữ NHẤT CHI MAI tự Nhất Chi

SINH VIÊN VIỆT NAM

---o0o---

**BỨC THƯ NGỎ CỦA NHẤT CHI MAI
KÍNH GỎI CHÍNH PHỦ HOA KỲ QUA TỔNG THỐNG JOHNSON**

Kính thưa Quý Ngài,

Là một thiếu nữ tâm thường, tài hèn sức kém, tôi quá xót thương về hiện trạng quê hương tôi.

Sáo ngữ “Bảo vệ tự do và hạnh phúc” cho Việt Nam mà quý Ngài dùng làm chiêu bài bấy lâu nay, đã quá lỗi thời và lỗi bịch.

Bao nhiêu tấn bom đạn, bạc tiền quý Ngài đã đổ trút lên Dân tộc tôi, để tàn phá tinh thần và thân xác quốc gia của họ.

Bao nhiêu người Việt Nam có lòng với quốc gia và Dân tộc thì bị quý Ngài đàn áp hãm hại?

Bao nhiêu người Mỹ sáng suốt, nhân đạo và dũng cảm dám chỉ trích sự lầm lạc của quý Ngài, thì bị quý Ngài kết án lưu đày.

Vậy mà Hạnh phúc, Tự do!

Quý Ngài có biết người Việt chúng tôi, hầu hết trong thâm tâm của họ, họ chán ghét người Mỹ đã mang chiến tranh đau khổ đến cho xứ sở của họ lắm rồi chăng?

Càng leo thang chiến tranh, càng đổ nhiều nhân lực và tài lực tại đây, các Ngài chỉ thất bại chua cay thôi. Sự vụng về (?) của quý Ngài làm cho quý Ngài mất hết chính nghĩa.

Xin đọc lại trang sử Việt Nam.

Xót thương cho Dân tộc tôi, tội nghiệp cho những người lính Mỹ và thân nhân họ. Họ bị xô vào cuộc chiến tranh phi lý và bỉ ổi. Người ta đã dùng mỹ từ để đầu độc họ.

Vinh dự gì cho người Mỹ, nếu trên 20 năm mới chiến thắng Việt Nam bé nhỏ chút chiu này?

Nhục nhã gì cho người Mỹ, nếu biết nhận thức mình là đại cường quốc, có lúc đi quá trớn và giờ muốn dừng lại?

Đề cứu nguy cho hàng triệu sinh mạng người Việt Nam, người Hoa Kỳ và danh dự đại cường Hiệp Chúng Quốc, tôi xin mạo muội đề nghị các biện pháp sau:

- 1.Ngưng oanh tạc Bắc Việt và Nam Việt Nam.
- 2.Từ từ rút binh, giao cho người Việt Nam định đoạt số phận họ.
- 3.Nhờ Liên Hiệp Quốc kiểm soát tổng tuyển cử. Người Việt Nam nếu được tự do thật sự, họ đủ khôn ngoan để chọn lựa chế độ nào tự do và hạnh phúc.
- 4.Giúp đỡ nhân dân Việt Nam, tái thiết xứ sở họ, đã tan nát vì bom đạn của quý Ngài. Người Việt Nam sẽ là người em nhỏ hiền hòa và biết ơn người anh Mỹ sáng suốt hào hiệp.

Lịch sử Việt Nam, lịch sử Hoa Kỳ và lịch sử Thế Giới sẽ ghi nhận hành động Văn minh và nhân bản của quý Ngài.

Cẩn ký

Người tự thiêu để chống chiến tranh

Thích nữ NHẤT CHI MAI tự Nhất Chi

SINH VIÊN VIỆT NAM

---o0o---

TÔI KHÔNG BIẾT CÁCH NÀO GỬI NHÂN DÂN VIỆT NAM

- Tôi không biết cách nào thoát ra tiếng kêu đau thương của Dân tộc tôi, suốt 20 năm của nạn nhân của tham vọng và hận thù!
- Tôi không biết cách nào làm cho người Việt Nam ruột thịt tôi nhận được con người cùng nguồn gốc, cùng tương lai vinh nhục mà Yêu Thương mà Quý Trọng máu xương và sự đau khổ của nhau,
- Tôi không biết cách nào làm cho người Việt Nam dữ hóa hiền, thù thành bạn, không phân biệt màu da, tín ngưỡng, đảng phái, cho Tình Thương và Trí Tuệ đến với họ: họ thôi say máu, cuồng tín và bất công.
- Tôi không biết cách nào Tình thương chân thành của Tôi đối với tất cả và ước muốn Hòa Bình của tôi cho quê hương, không bị hiểu lầm hay cố tình phủ nhận.

---o0o---

TÔI TỰ NGUYỆN THIÊU THÂN

Cầu xin:

- Cái chết của tôi được hiểu là:
- Cho nên Hòa Bình Dân tộc
- Cho lòng Nhân Đạo và Công Bằng như cái chết của Morrison và Hòa Thượng Thích Quảng Đức.

Cầu xin:

- Ngọn lửa thiêu đốt thân tôi sẽ làm dịu bớt tham vọng và hận thù đã xô không biết bao nhiêu người vào hỏa ngục linh hồn và gây không biết bao nhiêu tang tóc cho sinh linh.

Cầu xin:

- Nhân thế rồi sẽ tắm mát trong dòng suối ngọt ngào của đức Từ bi của Đức Phật, Bác ái của Đức Chúa và tình nhân đạo của con người.

Lạy Đức Phật

Lạy hồn thiêng đất nước chứng minh.

Người tự thiêu:

Thích nữ NHẤT CHI MAI tự Nhất Chi

Sinh viên Văn Khoa Sài Gòn.

---o0o---

BỨC TÂM THƯ CỦA NHẤT CHI MAI

Sao tôi bỏ mẹ cha khi tuổi già.
Mà tôi muốn đời đời trọn hiếu?
Sao tôi không tiếp tục vui sống đời lý tưởng
Đi gieo rắc tình thương ...!
Sao tôi không sống yên trong vùng đất tự do
Với cuộc đời trường giả: xe hơi, nhà lầu.
Người ơi nghe tôi nói: Tôi yêu! Tôi buồn?
Dân tộc tôi!
Tôi muốn làm ánh đuốc, le lói trong đêm đen!
Đêm đen!
Mà chứng minh hiện hữu, sự có mặt “Con người”.
Tôi đi đầu cuối xuống. Người ta nghĩ sao?
Nghĩ sao!
Mím cười
Tôi yêu quê hương. Tôi yêu tất cả.
Dù cường hào? Ác bá, dù Thiên Chúa, Cao Đài
Dù Mỹ, Phi, Gia, Cộng ... thì cũng con người.
Con người như tôi.
Người ơi tôi muốn nói:
Tôi yêu đất nước tôi, từ khi mới ra đời.

---o0o---

THÍCH NỮ NHẤT CHI MAI

Tự thiêu cầu Hòa Bình

Kính gửi: Quý Thượng Tọa Lãnh đạo Phật-giáo Việt-Nam

Kính bạch quý thầy,

Con là một nữ Phật tử Việt Nam

Con yêu đạo Phật và yêu Dân tộc Việt Nam

Phật dạy con xả thân cứu đời và làm hơn nói

Đất nước mình khổ đau như vậy

Tham vọng và hận thù hoành hành khắp quê hương

Uất hận và khổ đau dâng khắp trời

Con không thể ngồi yên tụng kinh và nghe thuyết pháp được

Con xin đốt thân con

Bất chước Hoà Thượng Quảng Đức và Giáo sư Morrisson (Mỹ) con xin đem sinh mạng mình để kêu gọi tình thương và công bằng.

Không biết kết quả rồi sẽ ra sao, nhưng hạnh nguyện Phổ Hiền và Quan Thế Âm được tròn đây là con vui sướng.

Con lạy quý Thầy xin thương Phật, thương chúng sanh cứu thế hiện tiền.

Trang sử Việt Nam và Phật-giáo chờ đợi quý Thầy khai bút.

Bái thư

Thích nữ NHẤT CHI MAI tự Nhất-Chi

Sinh viên Việt Nam-Phật lịch 2511

---o0o---

THƠ NHẤT CHI MAI GỞI LẠI CHA MẸ

Lạy Mẹ Cha

Con bất hiếu đập đầu cuối lạy

Xin Mẹ Cha tha tội lớn lao này
Cha Mẹ già chưa báo đáp thâm ân
Con vội sớm lìa đời gây khổ lụy
Mẹ Cha ơi, việc làm này con tự ý
Phải đâu vì chán ngán cuộc trần ai
Bởi thương dân, thương nước, thương nhân loại
Con chịu chết, mong thoát lòi thống thiết
Con quốc biến mình ngồi yên rên siết
Biểu đồng tình cuộc chém giết dã man
Bên Mẹ Cha, bên nhân loại hai đàng
Con chọn một, đàng nào con cũng khổ
Là con Phật, con ước nguyện cứu độ
Dù biết rằng “thành sự tại thiên”.
Con tự sát vì mang tâm Bồ Tát.
Xin cầu nguyện cho hồn con siêu thoát
Chở ưu phiền bi lụy việc riêng mình
Cõi đời này việc sống chết thường tình
Xin lấy Trí lấy Đạo làm phương thuốc.

Con gái Ba Má kính lạy
Phan Thị Mai tức Thích Nữ Nhất-Chi-Mai
Tự Nhất Chi Pháp danh Diệu-Huỳnh

---o0o---

LỜI TỰ THUẬT SAU CÙNG CỦA NHẤT CHI MAI

Tôi viết tất cả 10 bức thơ để lại. Ngày mai tôi sẽ lo lắng một mình tôi buổi lễ tự thiêu. Tôi cho các nhà báo, nhiếp ảnh hay và một ít bạn thân đến nơi tôi dự định mà không cho họ biết trước chuyện gì sẽ xảy ra.

Tôi mua 10 lít xăng. Địa điểm tôi chọn là chùa Từ Nghiêm. Tôi có ý đến Nhà Thờ Đức Bà hay một nơi công cộng có tính cách lịch sử một chút, mà thôi.

Phía trước mặt tôi tôi đặt hai bức tượng:

- Đức mẹ Maria với hai bàn tay đưa ra
- Đức Quan Thế Âm với đôi mắt dịu hiền

Cả hai nhìn tôi và ban ơn cho tôi tròn ước nguyện. Trước mặt và sau lưng có hai biểu ngữ, tôi viết:

“Con chấp tay quỳ xuống

“Xin đức Mẹ Maria

“Đức Quan Âm, Phổ Hiền

“Cho con tròn đại nguyện

và

“Xin đem thân làm đuốc

“Xin soi sáng u minh

“Xin tình người tỉnh thức

“Xin Việt Nam Hòa Bình.

Cầu xin cho tôi can đảm, bình tĩnh mà ngôi yên trong lửa đỏ.

Tôi quỳ xuống chấp tay niệm Phật và thầm gọi “Việt Nam”.

Người tự thiêu cầu cho Hòa Bình Việt Nam

Thích nữ NHẤT CHI MAI tự Nhất Chi

Pháp danh Diệu Huỳnh

Sinh viên Đại Học Văn khoa Sài Gòn

Sinh viên Đại học Vạn Hạnh

---o0o---

THƠ CUỐI CÙNG CỦA NHẤT CHI MAI

Gửi lại Song Thân

Sài gòn ngày 15 tháng 5 năm 1967.

Kính lạy Ba má,

Ai cũng một lần chết. Xin Ba má làm đại thí chủ cho con chết cho tình thương rộng lớn.

Con không điên rồ dại dột dù không chắc mình làm được việc lớn. Một mạng con không hy vọng gì cứu được hàng triệu người? Bên Mỹ đã 6 người tự thiêu mà không lay chuyển được tấm lòng sắt đá của một số người chủ chiến, những người làm giàu trên xương máu người khác hay muốn cho người khác hy sinh để giữ gìn sản nghiệp, sự yên ổn và sự ích kỷ của mình!

Cái thang cao quá, mỗi người có lòng tự nguyện leo theo một bậc.

Con đường dài mà gai chông quá, mỗi người nhân bản phải đi một đoạn đường gai chông, tiếp nối bằng cách này hay bằng cách khác, mới mong hết được đường dài ...

Có thể người ta sẽ bôi nhọ cái chết của con, hay họ sẽ chỉ tản lờ đi để cho cái chết của con trở thành vô ích và âm thầm.!

Mà có sao. Ba Má đừng cần việc đó. Đức Phật sáng suốt hơn họ. Đời này có những kết quả mà nhục thân thể nhân không thấy được.

Con biết kết quả đẹp cho Việt Nam Hòa Bình không chắc con làm được, nhưng hậu quả làm buồn Ba má thì chắc chắn là có rồi.

Con lạy Ba Má

Xin sáng suốt và bình tĩnh-năm người con Ba Má cho đi một người cho nhân loại. Nếu như viên đạn vô tình thời đao loạn làm mất đi Ba Má một đứa con, có phải là oan uổng công lao của Ba Má không?

Con tu đây, con hành đạo Bồ Tát mà con hằng thề nguyện đây!

Con tin Ba Má đủ Bi Trí Dũng mà hiểu con và mừng cho con.

Có phải sống hoài hủ hỉ với Ba Má lo cho riêng mình Ba Má, mà chút ít việc từ thiện là đủ rồi đâu? Con làm như vậy công đức về Ba Má không ít và không chừng sau cái chết của con Ba Má tiến tu không ít.

“Sắc tức thị không, không tức thị sắc”. Con mất đi mà cũng như còn vậy nghen Ba Má.

Dần bớt đau khổ, vui lòng hiến con cho Đại Nguyện, là Ba Má không buộc tội con với Phật Trời, không làm đau lòng con nơi chín suối.

Phần Ba Má xin tiếp tục giúp con những công việc ở thế gian là: Tu-Hành.

Tức là Ba Má, phải tu tâm dưỡng tánh nhiều nhiều hơn nữa và làm phước thiện suốt những ngày còn lại của Ba Má. Có như vậy mới thật sự thương con và cho con thêm công đức.

Đất ở P.N.T.A., nữ trang của con, Ba Má bán hết đi, và xin cho con một phần. Phần ấy chia cho những người sau đây...

Số tiền còn lại của Ba Má và của con, Ba Má để dành một phần dưỡng già và một phần làm phước thiện (chùa, các cô nhi viện, nhà thương, lao tù, nhà nghèo, ...)

Đừng tiếc, đời này có cái gì mình giữ mãi được đâu, cả con cái mình, cả thân mạng mình không còn giữ được huống gì bạc tiền và sản nghiệp. Đừng xài vô tội thì thôi.

Thi hài con, Ba Má mua một cái hòm thường thường đem lên Từ Ngjiêm để đó tụng kinh rồi đưa ngay lên An dưỡng địa hỏa táng. Coi con có “Xá Lợi” không. Dám lắm à nghen—Chơi chứ không sao đâu Ba Má. Con không mù quáng và cuồng tín đâu. Con sáng suốt lắm.

Xin nghe lời con và tha tội cho con.

Hôn Ba má thật nhiều!

Con của Ba Má kính lạy.

TIỂU SỬ THƯỢNG TỌA THÍCH THIỆN LAI

Thượng Tọa Thích Thiện Lai, tục danh là Bùi Đình Tần, sinh năm Đinh Dậu (1896) tại tỉnh Nam Định, thuộc miền Bắc Việt Nam.

Thượng Tọa sinh trưởng trong một gia đình Nho Giáo, thuộc hàng trung lưu. Nhờ sự uôn nắn trong gia đình đạo đức nên Thượng Tọa sẵn có một tâm hồn mến Đạo yêu đời.

Đến năm 1955, nhân đến chơi nhà một người bạn, Thượng Tọa nghe tiếng tụng kinh của một ông sư rất là thanh thoát, khi trầm khi bổng, lúc nhạc lúc khoan, với tiếng mõ kêu sương, tiếng chuông ngân nga vi diệu, làm cho tâm hồn Thượng Tọa rất thích thú say sưa và có cảm nghĩ như mình được đến cửa Phật.

Từ đó Thượng Tọa bỗng nhiên phát tâm mộ đạo và quyết chí xuất gia, lúc bấy giờ Ngài đã đúng 59 tuổi.

Chọn Minh sư để học đạo, Thượng Tọa đến chùa phở Quang xã Phú Nhuận, gia Định, thọ giáo với Hòa Thượng Hải Tràng (một vị Trưởng Lão trong hội Đồng Trưởng Lão của Viện Tăng Thống).

Tuy xuất gia tuổi muộn, nhưng Thượng Tọa tinh tấn tu hành, kiên tâm trì chí lo vun bồi quả phúc, đáng làm gương cho hậu thế.

Đến năm 1963, Thượng Tọa hăng hái tham gia Phong trào tranh đấu của Phật-giáo, để chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của nhà Ngô. Thượng Tọa đã phát nguyện tự thiêu, nhưng chưa đủ duyên để thực hiện ý nguyện.

Đến năm 1968, được Bổn Sư cho phép, nên Thượng Tọa ra Vũng Tàu lập một ngôi tịnh xá để tu hành, lấy hiệu là “Bình Minh”.

Đã lâu ngày xa chùa, xa Thầy Tổ và xa Tăng chúng nên Thượng Tọa từ Vũng Tàu về gia Định thăm chùa, thăm Bổn Sư và Thiện hữu. Có lẽ cũng là một lần cuối, Thượng Tọa từ giã mọi người trước khi ra đi ... vĩnh biệt!

Thế rồi, vào lúc 4 giờ 15 phút ngày 11.6.1970, nhân Mùng 8 tháng 5 Canh Tuất, trong lúc chúng Tăng đang còn yên giấc, Thượng Tọa vẫn an nhiên ngồi tịnh tọa trong lửa đỏ, dưới gốc cây Bồ Đề, trước chùa Phở Quang, Phú Nhuận để cầu nguyện “Hòa Bình cho Việt Nam”.

Linh cửu Thượng Tọa quán tại chùa Phổ Quang. Suốt cả mấy ngày đêm, Tăng Ni và đồng bào Phật tử xa gần đến tụng niệm và phúng điệu không ngớt.

Viện Hóa-Đạo và Ban Đại Diện GHPGVNTN tỉnh Gia Định hợp cùng Đại Đức Trụ trì chùa Phổ Quang tổ chức tang lễ rất trọng thể.

Đám Ngải, số người đưa đi gần bốn cây số ngàn, và cả mấy trăm chiếc xe lớn nhỏ đủ loại. Nào Tăng, Ni Phật tử và đồng bào nghiêm trang đi bộ, đưa Thượng Tọa từ chùa Phổ Quang đến An Dưỡng Địa, gần mười cây số ngàn.

Sau khi Trà tỳ, Linh cốt và Di ảnh của Thượng Tọa được rước về thờ tại chùa Ấn Quang, trụ sở tạm của GHPGVNTN.

Trước khi từ giã cõi Ta Bà, Thượng Tọa có để lại 3 bức thư:

- 1 dâng lên Hội Đồng Viện Hóa-Đạo.
- 1 dâng lên Hòa Thượng Bổn Sư.
- 1 gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

---o0o---

Phú Nhuận ngày 10 tháng 06 năm 1970

Kính gửi : THƯỢNG TỌA VIỆN TRƯỞNG

Cùng HỘI ĐỒNG VIỆN HÓA ĐẠO G.H.P.G.V.N.T.N

213, Sư Vạn Hạnh-Chợ Lớn

Kính bạch quý Thượng Tọa, Đại Đức Hội Đồng Lương Viện,

Con tục danh là BÙI ĐÌNH TÀN, pháp danh THÍCH THIÊN LAI 74 tuổi. Trước tình thế ngửa nghiêng của đất nước và đau xót nhất là cảnh nòi da xáo thịt, chết chóc điêu linh của Dân tộc. Anh em Sinh Viên, Học Sinh họ đã và đang hy sinh để nói lên lòng thiết tha yêu nước của mình. Dù có chết, tù đày dưới chế độ độc tài áp bức của chính quyền hiện hữu, họ cũng cương quyết đứng lên để đòi quyền sống của con người.

Hơn nữa, Đạo pháp và Dân tộc đang quần-quại trong cảnh khói lửa điêu linh, nên quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni đã hy sinh xương máu chịu khổ nhục tù đầy từ năm 1963 cho đến nay, để đòi hỏi tự do dân chủ và hòa bình của Dân tộc, nhưng đã được trả lại bằng sự đàn áp giết chóc bằng tù đầy. Chẳng những thế, mà trong nhiều năm qua chính quyền đã kỳ thị Phật-giáo bằng cách dùng một số tay sai giáo gian để lung đoạn, triệt hạ Phật-giáo bằng đủ mọi cách và mọi hình thức. Con không biết làm gì để góp phần vào sự tranh đấu của quý liệt vị để đem lại Hòa Bình cho Dân tộc và sự bình an cho Giáo Hội. Do đó, con xin nguyện đem thân này làm đuốc dâng lên cúng dường mười phương chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng để cầu nguyện cho những nguyện vọng của Phật-giáo, anh em Sinh viên Học sinh, Thương phế binh, đồng bào các giới và Phật tử sớm đem lại kết quả như ý. Nhất là chính quyền sớm bỏ Sắc luật 23/67 phục hồi Sắc luật 05/66. Đó là những nguyện vọng thiết tha của con, trước khi trút hơi thở cuối cùng, để gửi đến quý Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni và Đồng bào Phật tử rõ, hoặc những ai có lương tâm yêu nước thương nòi, hãy mau mau ý thức được trách nhiệm của mình đối với Dân tộc Việt Nam và Đạo pháp hãy đứng lên xiết chặt tay nhau kể cả những Dân tộc yêu chuộng Hòa Bình trên thế giới cùng nhau kêu gọi chánh phủ hai miền Nam Bắc nhường nhịn lẫn nhau để giải quyết cuộc chiến tranh phi lý và vô nhân đạo hiện nay, để đem lại Hòa Bình cho Dân tộc Việt Nam đã bị chiến tranh tàn phá gần 30 năm qua. Dân tộc của chúng ta chỉ thiết tha mong mỗi sống an lành, sống trong nền Hòa Bình vĩnh cửu của đất nước, trong tinh thần tự do bình đẳng của mọi công dân.

Trước khi dứt lời, con xin chân thành gửi đến chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức trong Hội đồng lưỡng viện và Tăng Ni, đồng bào Phật tử lời chúc mừng và Phước huệ song toàn, chúng sanh dị độ, cho những nguyện vọng của Giáo Hội sớm viên thành và cầu nguyện cho đất nước sớm Hòa Bình, nhân dân an lạc.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính thư,

Đệ tử THÍCH THIÊN LAI

(ký tên)

---o0o---

Phú Nhuận, ngày 10.6.1970.

Kính gửi:

HÒA THƯỢNG BỒN SƯ THÍCH HẢI TRĂNG

CHÙA PHỔ QUANG

Nam Mô bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính Bạch Hòa Thượng và quý Đại Đức Bốn Tự,

Con là Thích Thiện Lai, tục danh Bùi Đình Tần, 74 tuổi là chúng Tỳ kheo thuộc bốn tự.

Con rất đau lòng trước cảnh điêu linh của đất nước, thế sự đảo điên, lòng người ly tán; thậm chí những thầy tu mà còn làm Việt gian, tay sai cho ngoại bang phản bội lại Đạo pháp và Dân tộc mà ai cũng biết rõ danh tánh.

Trước tình cảnh đó, con xin nguyện đem thân xác này làm ngọn đuốc soi sáng và thức tỉnh lương tâm những ai đã phản bội lại Đạo pháp và Dân tộc, phải sớm hồi tâm sám hối và cầu nguyện cho Dân tộc chúng ta sớm thoát khỏi cảnh nhồi da xáo thịt hiện nay.

Con biết rằng làm như vậy, sẽ làm bận lòng Hòa Thượng Bốn sư và đại chúng cùng Giáo Hội không ít. Nhưng thiết nghĩ trong công cuộc vận động Hòa Bình và đòi hỏi các quyền tự do căn bản của Phật-giáo, mỗi người dân phải có trách nhiệm đóng góp việc này. Riêng con, con xin cúng dường thân xác này để gọi là tỏ chút tình thương yêu quê hương Dân tộc và biểu lộ tấm lòng chân thành đối với đạo pháp, cúi mong Hòa Thượng và chư Đại Đức từ bi hỷ xả cho con. Và trước khi trút hơi thở cuối cùng, con xin cầu nguyện cho Giáo Hội và Dân tộc mình sớm thoát khỏi cảnh điêu linh khốn khổ hiện nay.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Bái Bạch

Đệ tử: Thích Thiện Lai

(ký tên)

---o0o---

Phú Nhuận ngày 10.6.1970.

Kính gửi: TỔNG THÔNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

SÀI GÒN

Thưa TỔNG THÔNG,

Tôi là Tăng sĩ THÍCH THIÊN LAI thuộc Giáo Hội PGVNTN, 74 tuổi. Trước hoàn cảnh khổ đau của đất nước Dân tộc và Đạo pháp, tôi là một Tăng sĩ khép mình trong giới luật của Thiên môn, có đôi lời kính trình cùng Tổng Thông.

Dân tộc Việt Nam đã chịu quá nhiều đau khổ do chiến tranh dày xéo. Giáo Hội PGVNTN là đại diện tinh thần của 85% Phật tử trong Dân tộc, đã bị kỳ thị chà đạp dưới nhiều hình thức trong nhiều năm qua.

Nhân dân đang rên xiết oán hờn những kẻ đã gieo tang tóc trên quê hương. Tổng Thông là vị lãnh đạo quốc gia; tôi thiết nghĩ Tổng thống nên ý thức trách nhiệm của mình đối với quốc gia Dân tộc và GHPGVNTN, một tôn giáo truyền thống của quốc gia Dân tộc, Tổng thống nên có một hành động cụ thể để giải quyết những nguyện vọng của toàn dân, xoa dịu nỗi oán hờn của Dân tộc như Sinh viên, Học sinh, Thương Phế Binh và Phật-giáo, cần phải thỏa mãn những nguyện vọng chính đáng của họ.

Đối với Giáo Hội, Tổng Thông cần có hành động giải quyết hợp tình hợp lý, đừng gây thêm chia rẽ oán hờn, đừng làm mất tin tưởng khối Dân tộc to lớn này, trong lúc cần phải có hậu thuẫn trong việc chống Cộng hiện nay mà Tổng Thông chủ trương.

Tôi nguyện thiêu thân xác này để nhắc nhở Tổng Thống, dẹp bỏ mọi tự ái, mọi hiềm khích phi lý, để đặt quyền lợi sống còn của Dân tộc lên trên; nên nghĩ đến trách nhiệm của mình đối với quốc gia mà sửa đổi lại hành động sai lầm và đường lối chính phủ hiện nay.

Trân trọng kính chào Tổng thống.

KÍNH THƯ

Tu sĩ: THÍCH THIÊN LAI

(Ký tên)

---o0o---

DIỄN VĂN CỦA THƯỢNG TỌA VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÒA ĐẠO

Đọc trong dịp lễ An vị linh cốt cố Thượng Tọa Thích Thiên Lai và cầu siêu Cố Đại Đức Thiện Ân, Thích nữ Khất sĩ Liên Tập, Nhất Chi Mai, Chiến sĩ Trần Vong, đồng bào nạn nhân chiến cuộc quá cố (28.6.1970).

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Thưa ...

Đã 25 năm khói lửa, chiến cuộc Việt Nam mỗi ngày một lan rộng dưới nhiều hình thức. Nó không còn là một cuộc chiến trong nội bộ Nam Bắc, mà nó bị các thế lực vô minh chủ chiến quốc tế lợi dụng khai thác để trở thành một cuộc thế chiến thu hẹp.

Việt Nam đã mất chủ quyền, Dân tộc đã bị xô đẩy cuốn hút theo các thế lực chủ chiến hiện nay. Những chính thể tiếp nối sau triều đại họ Ngô không có thực quyền đã bị ngoại bang dựng lên để làm bình phong cho âm mưu chủ chiến.

25 năm khói lửa, chiến tranh, Dân tộc ta đa số là Phật tử đã phải chịu biết bao nhiêu chết chóc, đau thương, hàng triệu người dân hiền lành, chắc phát, nhất là thanh niên trai trẻ đã gục ngã, tiếp theo một sự phá sản toàn diện tự vật chất đến tinh thần, nền Văn minh cổ truyền của Dân tộc bị chà đạp, mọi công trình xây dựng của tiền nhân đều bị tàn phá. Thế mà các chính quyền

đã qua và hiện nay không chịu nhìn vào thực tại điêu tàn đổ nát của xứ sở. Những nỗi thống khổ của Dân tộc phải chịu đựng suốt ¼ thế-kỷ. Chính quyền chỉ biết dựa vào thế lực ngoại bang trong âm mưu mở rộng chiến tranh để thống trị độc tôn và làm giàu, mà không nghĩ đến sự sống còn của Dân tộc. Chính sự mù quáng đó đã gây ra đầy rẫy sự bất công tham nhũng. Dân chúng chết vì bom đạn, vì đói khát quá nhiều lại còn phải chịu thêm bao nhiêu sự bất công phi lý và sưu cao thuế nặng của nhà cầm quyền. Vô lý nhất là dân chúng hiện nay đang đói khổ rên siết vì sưu cao thuế nặng, vật giá leo thang phi lý, mà chính quyền lại một lần nữa xô đẩy dân chúng vào con đường bán cùng hóa thêm, qua cái biện pháp được gọi là “chấn chỉnh kinh tế tài chánh” mị dân, giả dối đã gây sóng gió không ít tại quốc hội trong mấy ngày qua và đã làm cho dân chúng ta thán oán hờn; mất sự tin tưởng ở nơi chính quyền.

Trước tình cảnh điêu linh thống khổ của Dân tộc, Giáo Hội không thể nào điềm nhiên tọa thị, mặc cho những thế lực vô minh thao túng. Dân tộc Việt Nam không thể nào cứ mãi chịu hy sinh một cách vô nghĩa để những phe phái chủ chiến quốc tế ngồi thủ lợi. Sự tồn vong của Dân tộc gắn liền với sự tồn vong của Đạo pháp.

Giáo Hội đã nhất quyết đứng lên đòi Hòa Bình cho đất nước, nói lên niềm thao thức thiết tha nhất của Dân tộc. Đòi hỏi sự sống, chén cơm, manh áo của đồng bào. Giáo Hội nhất quyết đứng lên vận động đòi hỏi Hòa Bình cho toàn dân. Mặc dù Giáo Hội phải chịu bao nhiêu sự khủng bố, đàn áp chụp mũ của chính quyền và các thế lực vô minh chủ chiến. Qua bao năm sóng gió, những âm mưu tiêu diệt Phật-giáo để bóp chết nguyện vọng thiết thực của dân chúng, nhưng Phật-giáo vẫn không bị tiêu diệt mà ngược lại Phật-giáo vẫn tồn tại và hiện diện với Dân tộc này qua 2000 năm lịch sử đấu tranh để tự tồn và nêu cao tinh thần bất khuất của tiền nhân. Bồ Tát Quảng Đức đã dũng mãnh thắp lên ngọn đuốc hào hùng để đốt cháy cả một chế độ vô minh.

Ngọn lửa thiêng của Nhất Chi Mai, của Ni cô Liên Tập, và Thích Thiện Lai đã bùng cháy lên để soi sáng cho nền Hòa Bình Việt Nam. Họ đã nói lên niềm khát vọng Hòa Bình của 17 triệu dân miền Nam, không phải bằng lời mà bằng thân xác của mình. Không ai có quyền xuyên tạc, chụp mũ những sự hy sinh cao cả ấy, cũng như cuộc vận động Hòa Bình của Giáo Hội.

Những kỳ thị, khủng bố, đàn áp Phật-giáo trong nhiều năm qua dưới mọi hình thức, nhất là chính quyền đã dùng những tay sai giáo gian lừa Thầy

phản bện để khuynh đảo Giáo Hội, tạo ra vụ án Hiến chương Phật-giáo, tàn sát Tăng Ni Phật tử tại Việt Nam Quốc Tự, tấn công Cô nhi Viện Quách Thị Trang mới đây, nhất là cái chết thê thảm của Đại Đức Thích Thiện Ân đã tố cáo tội ác của chính quyền và các tay sai. Dù có bị phá hoại đến mức độ nào đi nữa, Giáo Hội cũng cố gắng khắc phục mọi khó khăn thử thách, để dần thân thể hiện tinh thần truyền thống bất khuất của Dân tộc, đòi hỏi chủ quyền Quốc Gia và Hòa Bình Độc lập cho xứ sở.

Thưa Quý Vị,

Hôm nay, lễ cầu siêu cố Thượng Tọa Thiện Lai, Ni Cô Liên Tập, Phật tử Nhất Chi Mai đã tự thiêu cho Hòa Bình Việt Nam và chiến sĩ đã hy sinh bỏ mình ngoài trận mạc, cũng như đồng bào nạn nhân chiến cuộc quá cố, Giáo Hội cũng nghiêng mình trước anh linh chư Thánh Tử Đạo đã hy sinh cho Đạo pháp và nền Hòa Bình Việt Nam, cầu nguyện cho hương linh chiến sĩ, đồng bào nạn nhân chiến cuộc không phân biệt tôn giáo, đảng phái, màu da, chủng tộc, bên này cũng như bên kia vĩ tuyến, đã bỏ mình trong cuộc chiến sớm siêu sinh Cực Lạc và cầu nguyện cho Giáo Hội và Dân tộc Việt Nam sớm thoát khỏi gông cùm của các thế lực vô minh chủ chiến hiện nay.

Đây là lần đầu tiên, không những chỉ có Giáo Hội Trung Ương mà các cấp Giáo Hội, Tu Viện khắp toàn quốc đồng nhất loạt tổ chức lễ cầu siêu này theo tinh thần truyền thống tín ngưỡng của Phật-giáo trong mùa Vu Lan sắp tới.

Một lần nữa, Giáo Hội long trọng tán dương, sự hy sinh cao cả của chư Thánh Tử Đạo, cũng như anh linh chiến sĩ, đồng bào tử nạn và hồn thiêng đất nước gia hộ cho Dân tộc đau khổ này sớm vượt khỏi cảnh điêu linh tang tóc hiện nay.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

---o0o---

VĂN TẾ THƯỢNG TỌA THIỆN LAI

Đọc trong dịp lễ an vị linh cốt cố Đại Đức
(thất thứ ba 28.6.1970) tại Ấn Quang.

Than ôi!

- Nhịp Thời tiết đã quỳên gào bên nước, trông ra sắc máu tràn lan:

Dấu Pháp luân còn khói ngất thành mây, ngó xuống trần ai vẫn đục.

- Ai người tóc bạc, lệ như sương kết đọng u hoài;

Ai kẻ đầu xanh, mắt rục rử trào dâng cảm xúc.

- Nẻo luân hồi tiếng mõ tiếng chuông:

Nghĩa giải thoát như kêu như giục.

Nhớ Đại Đức xưa:

- Phẩm giá đài Sen: Phong nghi rừng Trúc.

- Non cõi sông Vị, loạn thế độc thư:

Phú Nhuận, Vững Tàu trung niên lãnh tục.

- Cây trăm thước vương chi vòng huyễn ảnh, riêng mơ xuất định nhập thiền:

Hoa bốn mùa dâng trọn nén lương tâm, sá kể thừa hồng rậm lục.

- Từ đó sớm hôm kinh kệ, 15 năm đời sống như gương;

Ai hay non nước biển dâu, muôn vạn nỗi ruột đau từng khúc.

- Phở phờng tro trên, đọa lạc thân tâm;

Vườn ruộng xác xơ, tương tàn cốt nhục.

- Lưỡi cày khung cửi, bom đạn lưu ly,

Nét chữ lời ca, gông xiềng tù ngục.

- Năm màu cờ gợn sóng, Tam Bảo chứng minh;

Chín tầng tháp nghiêng lai, chúng sanh thôi thúc.

Cho nên:

- Một sớm giữa sân chùa thanh tịnh, hiến cuộc đời giữ vẹn bấy nay:

Bảy năm sau ánh lửa Từ Bi, làm ngọn đuốc cháy lên kịp lúc.

- Trước là nguyện cúng Đường chư Phật, độ khắp Ta Bà thế giới, may ra
nghiệp chướng san bằng:

Hai là mong hội ý toàn dân, nêu cao đại nghĩa Hoà Bình, đau tiếp thân phàm
ngã gục.

- Hồn kia nương khói, về với Chân Như

Xương ấy thành than, vạch nên Di chúc.

- NHẬT CHI MAI năm nọ, hiện Phật tâm bốn bề đã truyền thông:

Phổ Quang Tự giờ đây phát hỏa lệnh 10 phương càn chỉnh túc.

Và đến hôm nay:

- Tiết vừa hạ chí, giao tiếp nắng mưa:

Lễ vận Cầu siêu, quang chim nhĩ mục.

- Hai mươi năm hoảng hốt nghiệp duyên:

Mấy chục triệu mê làm họa phúc.

- Nghe chẳng đâu đó? Giúp Mê hà theo Giác ngại, ai tham sân khoảnh khắc
hãy hồi âm;

Nhũ xuống gần xa trong Giáo Hội ngoài Quốc dân, gương trí tuệ thiên thu còn cảm phục.

Sài Gòn ngày 28.6.1970
VŨ HOÀNG CHƯƠNG

---o0o---

VĂN TẾ CHIẾN SỸ VÀ ĐỒNG BÀO CHIẾN NẠN

Đọc trong diệp lễ cầu siêu chiến sỹ và đồng bào nạn nhân chiến cuộc quá cố ngày 28.6.1970 tại chùa Ấn Quang.

Than ôi!

- Tiết hạ chí khói sương mờ loãng, trông lên cõi phúc thấy càng xa;
Mùa chiến tranh bom đạn toi bời, ngoảng lại bề oan đâu đã lấp.

- Ôi thịt xương một thuở chia lìa:

Cho máu lệ hai phương tràn ngập.

- Chẳng riêng đây Gia Định Sài đô;

Mà khắp nẻo phố phường thôn ấp.

- Nào những ai: tuổi xanh thế hệ tay kiếm, tay cờ;

Nào những ai: tóc trắng thời gian bước cao bước thấp.

- Nào những ai: cày cuốc, bán thân, thợ thuyền, lao động, từng dần thân trong buổi khó khăn;

Nào những ai: sinh viên, ký giả, công chức, quân nhân, quyết dựng nước giữa cơn nguy ngập.

- Ải địa đầu, khu giới tuyến, thỏa cánh bằng tung gió, khoác nhung y mấy độ gian nan;

Vùng chiến thuật, bãi sa trường, liều da ngựa bọc thây, ruổi vũ hịch đòi phen khẩn cấp.

Ai ngờ:

- Hỏa lực vô tình; Thiên cơ mạc cập.

- Là thôi: một kiếp người xong;

Thấy đó ba hòn đất lấp.

- May còn nhận diện, trách chi vùi lệ, vùi nông:

Rủ chẳng toàn thây, sá kẻ chôn nghiêng, chôn sấp.

- Huống hồ lại: xác phơi rừng vắng, không cách thăm dò:

Huống hồ lại: xương rắc hầm sâu, khó bề thu thập.

Ô hô ! Thương thay!

- Mưa nắng dãi dầu: Tang thương dồn dập.

- Vết xóa chưa mờ; gió lên càng gấp.

- Trăng sao rụng xuống, ngàn cây rên rĩ âm thanh;
Đêm tối tràn ra, lửa đón mơ hồ dáng dấp.

Hôm nay đây:

- Tiếng chuông gọi chín phương uổng tử, đã ngậm hòn bao độ lang thang;
Mảnh hồn theo mười loại chúng sinh, hãy trở bước về đây tụ tập.

- Ôn Bồ Tát khói thơm giòng Chính đạo, phép chuyển nhiệm màu;
Lễ cầu siêu mưa ngọt nước dương chi, hoa bay tới tấp.

Hỡi các vong hồn!

- Tín đồ nhất niệm, đó cùng đây sao có thể cách chia;
Thế giới tam thiên, sinh với tử lẽ nào đâu vương vấp.

- Thân sau đã giác, thì siêu thăng Lạc thổ Niết Bàn;
Nước cũ chưa quên, hãy cầu nguyện Thanh bình Độc lập.

Sài gòn, ngày 28.6.1970
VŨ HOÀNG CHƯÔNG

---o0o---

ĐIỀU VĂN

Độc tại chùa Ân Quang
Nhân dịp lễ Quốc Khánh 1.11.1970

- Trời kỷ niệm mây dâng cờ Phật-giáo;

Đất trầm tư mạch chuyển bóng Già Lam

- Nhắc nhở chúng ta: bảy năm trước đây, cũng ngày MỘT tháng MƯỜI
MỘT:

Đã từng nổi dậy: cao trào cách mạng, giữa miền Nam nước Việt Nam.

- Hỡi ôi!

Bão tố lên từ mùa Pháp nạn;

Khổ đau gieo khắp chốn thiền am.

- Cố đô Huế;

Chùa Từ Đàm.

- Tiếng khóc thét bày trẻ thơ đã ngắt;

Mà đã tâm phùng hung dữ chưa cam.

- Chỉ vì sức mạnh

Cấu kết Lòng Tham.

- Đủ tàn nhẫn phơi xương đỏ máu:

Thừa mưu cơ giăng bẫy giựt giằm.

- Cho đến khi: quanh bóng hỏa quang, linh hồn nhân loại ngẩn ngơ: Nam
Mô Bồ Tát Thích Quảng Đức;

Rồi từ đó: trong liều độc dược, ý thức quốc gia sôi nổi; men say thể hệ
Nguyễn Tường Tam.

- Un ùn ký giá, sinh viên, dân cày, dân thợ;

Lớp lớp điều tra, theo dõi, bị bắt, bị giam.

- Đàn áp chẳng ngày nào không có;

Độc tài chẳng việc chi không làm.

- Tức nước vỡ bờ, sóng sông hùng hực;

Ngóng chim về tổ, rừng cây đăm đăm.

- Lửa Từ Bi sáng rực chín mươi phen, nêu gương trí dũng;

Lời thuyết pháp vang xa ngàn vạn nẻo, gỡ mối hờn căm.

- Từ Hạ qua Thu, Đông, nghiệp chướng voi dân tiếng Quốc;

Từ Thành đến Tỉnh, Ấp, Duyên may nỡ lại tơ tằm.

- Giải oan, bao nỗ lực:

Cứu khổ, một phương châm.

- Thiện căn vững ở lòng dân, thế tất phải toàn dân đều giác ngộ;

Hà chính ác hơn loài cọp, lẽ nào ư chuồng cọp mãi giam cầm!

- Mọc đờ có nhân hòa, chiến sĩ thoát vùng lên,

quân đội thoát xông lên, kìa lung linh Hòn Ngọc Viễn Đông,

son sắc đã ghi bao chứng tích:

Hành trang sẵn Phật pháp, hy sinh quyết không sòn,

đấu tranh quyết không mỏi, nghe phôi phát cánh Bè Nam Hải,

gió mây còn gọi sóng mãi dư âm.

- Nay miền Nam nước Việt Nam, dâu biển tràn qua mấy lớp:

Lại ngày MỘT tháng MUỖI MỘT : nắng mưa vừa tròn bảy năm.

- Băng khuâng nhịp mõ;

Bát ngát hương trầm.

- Ngừng đó trăng sao, trên nẻo luân hồi chuyển kiếp;

Nghe chưa hồn phách, dưới chân Bò Tát giáng lâm?

- Góc Nghĩa Nhân cảnh Bắc như cảnh Nam, bao ngày

qua đương đầu với uy vũ Cường quyền, trước mưu

mô Bạo chánh, nên dứt buổi gió gào mưa thét, suy tư

vừa lắng đọng, mới có phen rung ánh sáng huyền vi,

khoảnh khắc ấy nở tươi hoa Tự Chủ;

Sóng Cách Mạng lớp sau kế lớp Trước, những ai đó

hiến thân vì đại nghĩa Quốc Gia, để hoàng dương

Đạo pháp, thì giữa cơn lửa cháy dầu sôi, thịt xương

dầu hủy diệt, vẫn không ngớt làm chất men xúc tác,

ngành thu sau gắn chặt khối Đồng Tâm.

Phù Giang

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Sài đô ngày 25 tháng 10 tây lịch 1970

---o0o---

TIỂU SỬ NI CÔ KHẮT SĨ LIÊN TẬP

Ni Cô LIÊN TẬP tục danh là Lê Thị Gái, sanh ngày 1.4.1946 tại tỉnh Thừa Thiên. Ni Cô sanh trưởng trong một gia đình trung lưu, cha là Lê Văn Dụ, mẹ là Trần Thị Thiu. Cô có 5 anh em, một người anh và 3 em trai, duy có một mình cô là gái.

Sanh trưởng trong một gia đình Đạo Phật, cô thường đi lễ chùa và quy y đầu Phật từ khi còn thơ ấu. Trong những lần tới lui lễ bái ở chùa, cô đã được nghe Quý Thầy, Quý Cô giảng dạy giáo lý. Vốn có căn tu, cô đã sớm ý thức cuộc đời là đau khổ, vô thường, con người cứ mãi trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi. Vì thế, đã nhiều lần cô muốn trốn khỏi cõi đời phồn hoa giả tạo để dẫn thân vào cửa Phật, quyết chí xuất gia cầu Đạo giải thoát. Nhưng gia đình có một mình cô là gái, nên bổn phận của cô còn nhiều, đối với cha mẹ và đàn em nhỏ dại.

Nhưng vì chí xuất gia quá mạnh, cô quyết bỏ cuộc đời ô trược, gởi thân vào chốn am thiền, sớm mỗ chiều chuông, cầu thầy học đạo. Lòng mong ước đã thành, ngày 20.5.1965, cô đã từ bỏ lớp áo phấn son hương sắc, thế phát xuất gia cầu đạo. Thực hành hạnh đầu đà của đức Phật, cô đã quán y thọ bát khất thực, sớm hôm tinh tiến tu hành học đạo.

Đến năm 1968, thấy cảnh tang tóc đau thương, cửa nhà ta nát, con mất cha, vợ mất chồng, bao nhiêu trẻ thơ vô tội đã lâm than đói khát, thiếu cơm, thiếu áo, do biến cố Mậu Thân gây ra. Không thể nào làm ngơ trước cảnh bơ vơ lạc lõng của những trẻ thơ khờ dại, cô đã tiếp tay với quý Thầy, quý Cô tập trung những cô nhi chiến nạn về tịnh xá Ngọc Ninh nuôi dưỡng.

Thời gian hơn 2 năm qua, không quảng gian lao, không từ khó nhọc, cô đã tận tình chăm sóc nuôi dưỡng, cố gắng mang tình thương để an ủi số phận hẩm hiu của những đứa trẻ ngây thơ vô tội bị chiến tranh cướp mất mẹ cha. Nhờ đức tánh điềm đạm, vui vẻ tận tình, mà cô đã được các em tôn xưng là Hiền Mẫu.

Thời gian thấm thoát trôi qua, bao nhiêu cảnh đau thương tang tóc cứ tiếp tục xảy ra, cứ tiếp tục đè nặng trên mái đầu vô tội của lớp tuổi thơ ngây.

Chiến tranh mỗi ngày mỗi khốc liệt, mỗi ngày mỗi lan rộng từ thành thị đến thôn quê, từ nước này đến nước nọ, đã làm cho cô đau lòng xót dạ không thôi. Đã nhiều lần Cô tâm tình với những người thân thích, nêu tiêu hủy thân xác này, mà có thể chặn đứng được sự lan rộng chiến tranh thì Cô sẽ vui vẻ chấp nhận sự hy sinh.

Với niềm thao thức suy tư sẵn có, khi được tin Việt Nam Quốc TỰ bị một bọn người tay sai của ngoại nhân tấn công bắn giết, đánh đập, bắt bớ một số chư Đại Đức Tăng Ni và Phật tử một cách tàn bạo trong đêm 4 rạng ngày 5.5.1970; Cô tỏ ra đau xót và biểu lộ suy tư nhiều hơn nữa về sự đau khổ pháp nạn triền miên của Giáo Hội.

Tiếp đến khi nghe tin Giáo Hội công khai đứng ra vận động Hòa Bình, chấm dứt chiến tranh cho Việt Nam, và đòi hỏi những vấn đề cơm áo, và những nguyện vọng chính đáng của mọi giới đồng bào cũng như của Giáo Hội. Cô thấy không còn lúc nào đáng phải hy sinh, để đóng góp công lao cho Dân tộc và Đạo pháp bằng lúc này.

Niềm thao thức đã thúc đẩy cô hành động ... thế rồi, 4 giờ sáng ngày 4.6.1970, cô đã tình nguyện đem thân làm đuốc để soi sáng cho nền Hòa Bình Việt Nam và sự bình an cho Giáo Hội. Với sự hy sinh này, Cô mong rằng sẽ làm thức tỉnh lương tâm những ai đã cố tình xô đẩy Dân tộc đến bên bờ diệt chủng và những ai đã cố tình phá hoại Đạo pháp.

---o0o---

ĐÁM TANG NI CÔ LÊ THỊ GÁI TỰ THIÊU

-----I-----

DIỄN HÀNH PHẢN CHIẾN

Nhiều biểu ngữ kêu gọi Hòa Bình.

Những bài điệu Văn tiễn đưa đầy nước mắt.

PHAN RANG (HT)–Trong bầu không khí thực sự căng thẳng của Thành phố, lễ an táng Ni Cô tự thiêu Liên Tập (tức Lê Thị Gái) đã cử hành vô cùng long trọng lúc 8 giờ sáng ngày 9.6 tại Phan Rang, với sự tham dự của Hòa Thượng Thích Trí Thủ đại diện Hội đồng Viện Hóa-Đạo, Ni trưởng Huỳnh Liên thuộc Giáo Hội Khất Sĩ VN. Dân biểu Tôn Thất Hiệu và chủ tịch Hội

đồng tỉnh Ninh Thuận cùng các đoàn Thanh niên Phật tử và Tăng Ni từ Nha Trang, Cam Ranh vào.

Những biểu ngữ đầy kích động kêu gọi Hòa Bình và cầu nguyện cho Giáo Hội PGTN đã bị chính quyền Ninh Thuận cấm treo trước đó, vẫn được đồng bào dự lễ an táng trưng cao lên, theo sau linh cữu, ... Đám tang khởi hành từ chùa GHPGTN diễu hành qua các đường phố chính Trung Nữ Vương rồi ra Thống Nhất đi thẳng đến nghĩa trang Phật-giáo, cách thành phố độ 2 cây số với cảnh sát áo trắng dẫn đầu.

Nhiều đồng bào dự đám tang có mang theo cả bịt nylon và chanh để phòng ngừa lựu đạn cay.

Trước khi hạ huyệt, nhiều điều Văn đã được đọc lên bi thương, áo não, làm cho đồng bào mũi lòng.

“Cô làm được tuệ soi đường, để dắt dẫn kẻ mê mờ trong đêm tối”

(điều Văn của đại diện GHPG Ninh Thuận)

Đặc biệt trong buổi lễ an táng là bài điều Văn đầy nước mắt của một em bé mồ côi độ 12 tuổi đại diện cho hơn 100 em bé mất cha mẹ vì cuộc chiến, được đưa vào nuôi nấng tại cô nhi viện Nhất Chi Mai, thuộc tỉnh xá Ngọc Ninh (GHPG Khất Sĩ) nơi Ni Cô tự thiêu Liên Tập (tức Lê Thị Gái) tu hành ... Em vừa khóc vừa nói “Vì sao chị ra đi? Một là vì sứ mạng Hòa Bình, hai là vì tình thương Đạo pháp...”

Chị tình nguyện phục vụ cho Cô Nhi Viện Nhứt Chi Mai, mà em là một cô nhi đã được hưởng trọn tình thương của chị. Ai ngờ phần số của em lại bị mồ côi một lần nữa. Mất chị từ nay chúng em mất cả cánh tay siêng năng, giọng nói ngọt ngào, ánh mắt từ bi, nụ cười hiền dịu...

“Ai làm tang tóc thê lương
Ai làm cho cảnh tang thương rả rời
Chiến tranh ơi! chiến tranh ơi!
Cướp cha cướp mẹ, thiệt thòi tuổi thơ”

Tiếp lời Ni Cô Trưởng Huỳnh Liên thuộc GHPG Khất Sĩ VN đã bước lên ca tụng đức hạnh của Ni Cô tự thiêu Liên Tập. Song Sư Cô đã đọc bài thơ phản chiến:

“ Vào biển lửa, cứu người trong lửa.
Lửa chiến tranh và ngọn đuốc Hòa Bình
Trách ai làm cho Dân tộc điêu linh
Đề tu sĩ phải thiêu mình trong lửa đỏ.
Thương dân chúng chịu lầm than khốn khổ
Đêm lẫn ngày bom nổ thịt xương tan
Đốt đốt mãi cho dân tình khủng khiếp
Nhà còn đâu mà thân thích còn đâu
Kẻ phan thây, kẻ lòi ruột nát đầu
Xương chất núi, máu đào trào suối nóng.
Ta phải đứng lên đòi lẽ sống.
Lửa thiêu thân cho đuốc sống động tình
Lửa thiêu thân cho Dân tộc Hòa Bình
Xin thức tỉnh người mình xin thức tỉnh,

Nhân đây, tưởng cũng nên ghi lại bài thơ nhan đề “khóc bạn” của nữ tu sĩ Tiểu Hoa, thấy viết trên chiếc bản đen đặt tại góc phòng Tịnh Xá Ngọc Ninh mà 4 câu cuối là trích của Nhất Chi Mai.

Kính dâng hương hồn Ni Cô Liên Tập:

Được tin chị nằm xuống
Đầu óc tôi quay cuồng
Mặt trời chiếu bóng lớn
Tôi rụng rời châu thân

Đêm nguyện cầu thao thức
Hàng cây buồn lao xao
Lớn lên trong lửa đạn
Cô từ giả tôi sao?

Hai mươi năm chinh chiến
Cô chịu đầy gian nan
Một đời ôi ngán ngủi
Một đời cho quê hương

“Xin đem thân làm đuốc
Xin soi sáng u minh

Xin tình người thức tỉnh
Xin Việt Nam Hòa Bình”

(Công luận số 728, thứ sáu ngày 12.6.1970)

---o0o---

TIỂU SỬ PHẬT TỬ QUÁCH THỊ TRANG

Quách Thị Trang 15 tuổi, sinh năm 1948, tại làng Cổ Khúc, quận Tiên Hưng, tỉnh Thái Bình. Thân phụ Trang là Ông Quách Văn Bội, thân mẫu là Bà Hà Thị Vân. Cả gia đình đều tin theo Phật-giáo.

Trang có 6 anh em: anh cả là Liên, anh thứ là Choát, đến chị Nhung, rồi đến Trang và hai em trai.

Đến năm 1954, sáu anh em Trang cùng mẹ vào nam. Riêng thân phụ Trang bị kẹt ở lại miền Bắc và 3 tháng sau, mẹ con Trang được tin đã từ trần.

Vào Nam, gia đình Trang ở vùng Chí Hòa, sống quần tụ trong niềm hòa thuận và trong nguồn tin chánh pháp. Mẹ Trang thì tảo tần buôn bán, còn anh em Trang thì tiếp tục học hành.

Riêng về Trang đã tỏ ra một đứa con hiếu thuận. Trang luôn luôn nghĩ đến Mẹ và làm vừa lòng mẹ. Còn đối với anh chị và các em, Trang vẫn trên kính dưới nhường.

Từ bé, Trang đã là một Phật tử của gia đình Phật tử Minh Tâm. Ngày ngọn cờ 5 sắc thân yêu bị triệt hạ, Trang bỏ ăn, bỏ học và khóc mãi! Trang nói với chị em: Phật-giáo mà chết thì tôi cũng chết”. Và liền sau đó, hằng ngày, Trang đến chùa Xá Lợi, Ấn Quang để nghe các Thầy giảng và nhận các bản tin tức đem phổ biến cho đồng bào. Rồi Trang cũng tuyệt thực, cũng cầu nguyện. Tóm lại, với sức nhỏ bé, có thể làm tất cả những gì được thì Trang đã làm hết cho Phật-giáo. Trang nói:”Nếu có chết vì Đạo thì Trang cũng đành”.

Ngày 20.8.1963, các chùa bị tấn công, Tăng Ni và Phật tử đều bị bắt hết, Trang khóc rất nhiều! Trang nghĩ: “Các Thầy đã chết, đã chết hết rồi!” Con đau khổ và tuyệt vọng cực độ đã làm cho Trang như mất hồn. Trước mắt Trang, đất trời như sụp đổ, cùng với sự sụp đổ của những ngôi chùa, những

tượng Phật, những bàn hương. Người ta tính tiêu diệt niềm tin Dân tộc! Người ta tính tiêu diệt nước Việt Nam! Vô lý quá rồi, oan ức quá rồi! Trang nhìn một vài bộ mặt điem nhiên bên đường, mà nghe tức tối trong lòng.

Đến ngày 24 thì Trang và Yên nhận được tin cho hay: sáng mai sẽ có một cuộc biểu tình ở chợ Bến Thành, để tranh đấu cho các Thầy. Hai người bạn thấy phấn khởi hẳn lên. Họ thấy giữa sự nguy hiểm của hành động và sự đau khổ của bất lực, thà chọn cái thứ nhất có ý nghĩa hơn, và có lợi ích hơn.

Tối lại, Trang đến nhà Yên vừa khóc vừa mừng chung với Yên. Trang nói: “Ngày mai tụi mình đi biểu tình. Nhưng không cho mẹ Trang biết, vì sợ mẹ sẽ ngăn cản. Trang chỉ cho chị Nhung biết thôi”.

Suốt đêm ấy, Trang gần như không ngủ. Trang thao thức bên niềm mừng vui là sắp được góp một chút gì cho Đạo thân yêu của Trang.

Sáng ngày 25, Trang dậy thật sớm, ăn mặc xong rồi xin phép mẹ đến nhà bạn chơi và rủ Yên cùng đi. Hai chị em đến nơi hẹn với Yên, rồi cùng nhau đi Taxi đến chợ Bến Thành.

Trong khi đứng chờ đợi, từ cửa hông chợ, một đám người ủa ra như nước chảy. Những người đi đầu cầm biểu ngữ:

“Hãy giết chúng tôi đi

Vì chúng tôi là con Phật”

Ba thiếu nữ nghe lòng bùng dậy như sóng cả. Họ nhìn nhau ba cặp mắt sáng ngời, và cầm tay nhau chạy vào hàng ngũ.

Đoàn biểu tình vẫn đi tới, vượt qua khỏi mặt tiền chợ Bến Thành. Trong lúc đó, bóng dáng hung thần của cảnh sát chiến đấu, găm gờ hiện ra chận lối trước mặt họ. Chợt nghe hai tiếng súng nổ, Yên quay lại nhìn: thấy Trang mặc áo ngắn đã ngã gục trên đường nhựa. Bên Trang là một cảnh sát ác ôn, tay cầm súng mới vừa giết người xong. Lúc ấy vào sáng ngày 25.8.1963.

Đây là hình ảnh cuối cùng của Quách Thị Trang đã hy sinh đời mình cho Dân tộc và Đạo pháp. Và hình ảnh đó, trong lòng Dân tộc sẽ còn sống mãi nghìn thu!

(Lược trích Báo Hải Triều Âm số 19)

---o0o---

THỂ HỆ QUÁCH THỊ TRANG

Ngày này năm ngoái (25.8.1963), nữ sinh Quách Thị Trang đã bị tay sai khát máu của Nhu Diệm bán ngã trong cuộc biểu tình chống chế độ độc tài của gia đình họ Ngô, do sinh viên và học sinh tổ chức tại cổng trường Diên Hồng. Cùng đi với Quách Thị Trang có trên hàng trăm sinh viên và học sinh khác, nhưng Trang có điểm phúc chết giữa thanh thiên, bạch nhật, chết để sống mãi trong lòng chúng ta, trong tình yêu thương và cảm phục, chết để thành chất liệu củng cố, gắn chặt hàng ngũ một thế hệ thanh niên, thế hệ Quách Thị Trang.

Trang và những người bạn khác đồng hành của Trang trong chuyến đi vào lịch sử với hai bàn tay trắng và một lòng son, không phải không biết trước rằng: mình đi là đi ra chỗ chết. Nhưng không một ai lùi bước, vì thế hệ Quách Thị Trang không muốn sống thêm nữa trong một xã hội tối tăm nhục nhã trong sự tàn ác, gian manh, bất công, dối trá của một tập đoàn mất hết cả nhân tính-tập đoàn Nhu-Diệm-Cần Lê Xuân-không một ai lùi bước vì bầu nhiệt huyết của Thanh niên nung nấu lòng họ. Không một ai lùi bước vì tiếng gọi của Tự Do, bình đẳng, thiết tha hơn bao giờ hết. Vì bàn tay ngoắt vẩy của tình thương tới tấp nập, dồn dập quyền rũ hơn bao giờ hết. Không một ai lùi bước vì họ muốn tiến lên, tiến lên để viết trang sử mới cho thế hệ của họ, thế hệ Quách Thị Trang.

Nhưng trang sử mới vừa viết được mấy dòng đầu thì Quách Thị Trang đã trở thành người thiên cổ !, và bây giờ, có những bàn tay lông lá dơ bẩn muốn bôi đen tất cả, muốn lật lại trang lịch sử cũ của thời Nhu Diệm.

Chắc chắn thế hệ Quách Thị Trang, với truyền thống anh dũng, Quách Thị Trang sẽ kiên quyết bất cứ bằng giá nào chặn đứng những bàn tay gian ác ấy lại. Và họ sẽ thắng, chắc chắn họ sẽ thắng vì lịch sử không thể đi lui.

Nguyện cầu anh linh Quách Thị Trang phù hộ cho thế hệ Quách Thị Trang chóng thành công, trang sử mạng tiếp tục viết trang sử mới.

(Hải Triều Âm số 19)

---o0o---

TIỂU SỬ Phật tử PHAN VĂN HOÀ và NGUYỄN VĂN PHÁT

Phan Văn Hoà 18 tuổi, sanh ngày 20.10.1946 tại Cát Lư, Văn Lâm, Hưng Yên, Miền Bắc. Từ trần ngày 1.9.1964 (tức ngày 25.7 Giáp Thìn).

Nguyễn Văn Phát 27 tuổi, sanh 1937 tại Quận 4 Chợ lớn. Từ trần ngày 31.8.1964 (tức ngày 24.7 năm Giáp Thìn).

Đám tang của Hoà và Phát cử hành rất trọng thể vào ngày 6.9.1964 và an táng tại Nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi Sài Gòn (Báo Hải Triều Âm ra ngày 10.9.1964 số 21, thuật đầy đủ chi tiết).

Sau đây là điều Văn đọc trong đám tang của HÒA và PHÁT.

---o0o---

ĐIỀU VĂN của Thượng Tọa

Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh Niên Phật Tử

Hai con

Hòa!

Phát!

Trên đời này, nếu có một cuộc tranh đấu được gọi là “Thần thánh” thì đó là cuộc tranh đấu của ánh sáng chống lại bóng tối. Vì chỉ có cuộc tranh đấu ấy mới phục vụ cho sự sống. Và cũng chỉ có cuộc tranh đấu ấy mới xây dựng Văn minh cho nhân loại. Vì vậy cần phải luôn luôn nêu cao ngọn đuốc để phát huy ánh sáng, cho ánh sáng chan hòa khắp mọi nẻo. Nếu có một giây lát nào đó, ánh sáng ngưng chiếu, thì tức khắc bóng tối tự lan ra rất nhanh, để thiêu hủy tất cả.

Hòa, Phát hai con!

Hai con đã chết đi để bảo vệ những nguyện vọng yêu nước xứng đáng của các con. Hai con chết để cho Tổ quốc, Đạo pháp được sống.

Bên kia cõi Cực Lạc, hai con hãy hãnh diện đã được làm bó đuốc ấy. Phát ra ánh sáng, Hòa và bóng tối. Chính nghĩa mà hai con và bạn bè của hai con đã

bảo vệ, sẽ có hàng vạn triệu người khác sẽ kế tục, cũng như hai con đã kế tục Quách Thị Trang và bạn bè Quách Thị Trang.

Chết cho sự sống, tức là chết để mà sống. Tên hai con sẽ vĩnh viễn sáng rực trong lịch sử của Dân tộc và Đạo pháp, bên cạnh những Thích Quảng Đức, những Quách Thị Trang. Nhiệm vụ thiêng liêng của người trai thế hệ, hai con đã làm xong với đời cũng như với đạo, hai con đã đền xong nợ! Còn vinh dự nào cao cả hơn! Quang cảnh trang nghiêm tung bừng mà những người đồng đạo và đồng bào hai con, đang hiện tiền để dành cho hai con là bằng chứng hùng hồn nhất.

Thác là thể phách, còn là tinh anh.

Hai con sẽ sống mãi mãi, sống vĩnh viễn trong lòng Đạo pháp và Dân tộc, bên cạnh chư Thánh tăng và chư Liệt sĩ. Và ngày 27.8.1964 là ngày chống bạo tàn, rồi cũng sẽ chiếu sáng rực rỡ như hai ngày 25.8 và 11.6.1963.

Than ôi! Cuộc nhân thế khác gì giấc mộng, cơn tỉnh, cơn mê! Kiếp phù sinh như thể cuộc cờ, lúc bày lúc xóa! Khiến con người sống cũng như không, mà thác cũng như không!

Thôi hai con hãy yên lòng an nghỉ nơi miền Cực Lạc; việc nước việc nhà đã có muôn người thay con lo liệu. Thầy thay mặt Giáo Hội gửi đến hai con tất cả những niềm thương tiếc mến trọng của những người ở lại.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật.

Cầu chư Phật gia hộ hai con và thân quyến hai con.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

TỔNG VỤ THANH NIÊN

06.9.1964

ĐIỀU VĂN CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Kính thưa Thượng Tọa Viện Trưởng, Quý vị Thượng Tọa Đại Đức, Tăng Ni trong Giáo Hội.

Kính thưa toàn thể Quý vị Quan Khách.

Kính cùng toàn thể đạo hữu thân mến

Hôm nay, chúng tôi tới đây, đại diện tinh thần cho toàn thể tín đồ Phật-giáo Hòa Hảo trong nước, và đặc biệt cho 10000 tín đồ Phật-giáo Hòa Hảo có mặt trong đám tang này, để nói lên mối xúc động chân thành và sâu xa trước cái chết đau đớn và dưng cảm của hai Phật tử đã biết hy sinh vì chính pháp và vì quyền lợi sống còn của Dân tộc, đang bị sức mạnh bạo tàn phản bội.

Chẳng những hai cái chết này, đã biểu lộ cái tinh thần nhẫn nại, chịu đựng không thiếu cương quyết trong chủ trương tranh đấu của Giáo Hội ta, mà còn sáng tỏ cái truyền thống anh dũng bất khuất của toàn thể Dân tộc Việt Nam của mọi tầng lớp xã hội Việt Nam và của tinh thần đoàn kết nhất trí trong thế hệ thanh niên Việt Nam.

Qua lịch sử Dân tộc, Phật-giáo đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân Việt, để trở thành khuôn khổ trong nếp sống hằng ngày, nên quyền lợi của Dân tộc thực đã gắn vào quyền lợi của Giáo Hội trong mọi cuộc đấu tranh chính trị để bảo vệ Dân tộc, dân chủ và tự do, cũng như mọi công bằng xã hội. Ý thức như vậy, thì hai cái chết này không chỉ do động lực tôn giáo thúc đẩy, mà chính do lòng yêu nước vì dân, mà hai thanh niên này đã hy sinh.

Như ai nấy đều thấy rõ, mọi sự hy sinh từ trước, để đả phá độc tài, áp bức là của toàn dân, nên Phật-giáo thấy rằng mình đấu tranh không phải chỉ cho riêng Giáo Hội, mà thực ra cho cả Dân tộc. Bởi vì Phật-giáo thấy rõ tự do công bằng xã hội là tự do công bằng của đạo Phật, mà người Phật tử cần phải bảo vệ liên kết xã hội. Thế cho nên hai cái chết này là một sự hy sinh nữa, để đóng góp thêm vào những hy sinh từ trước đến nay của các vị Liệt sĩ, các Thánh Tử Đạo trong công trình tranh đấu công bình, tự do, dân chủ của toàn dân.

Nói như thế, tôi muốn xác định ở đây sự đồng tình và ngưỡng mộ của toàn thể Phật-giáo đồ Hòa Hảo, đối với hai liệt sĩ này đã ngã gục xuống trong các

vụ bạo hành vừa qua của những phần tử phản động, chúng bám lấy chút ưu quyền đặc lợi, mà độc tài bất công đã mang lại cho chúng.

Nói tóm lại, đâu là quyền lợi của Dân tộc, thì ở đó là quyền lợi của Phật-giáo, và ai đã chết cho quyền lợi của Phật-giáo, tức là chết cho quyền lợi của Dân tộc, vì Dân tộc. Trước những hy sinh cao quý đó, chúng tôi xin quý vị Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni, quý vị quan khách và đồng đạo quý vị đạo hữu tại đây, hãy cầu nguyện cho tinh thần Phan Văn Hòa và Nguyễn Văn Phát bất diệt trong lòng Dân tộc, cầu nguyện cho công trình dành tự do dân chủ và công bằng xã hội (dẹp mọi ty hiềm đố kỵ và tham vọng) chung của GHPGVNTN trong đó có cả Hòa Hảo vậy.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

---o0o---

TIỂU SỬ PHẬT TỬ HUỲNH VĂN THIỆN

Sinh trưởng trong một gia đình lao động, nhưng Phật tử Huỳnh Văn Thiện đã sớm có hạt giống lành, phát tâm quy y Tam Bảo và ăn chay trường. Thuở nhỏ Thiện theo học ở trường Trung học Phan Đình Phùng và sau đó học Tư thực Lê Bá Cang và Hồng Lạc.

Thiện khi 15 tuổi đã sớm tham gia Phong trào Thanh niên bảo vệ Đạo pháp dưới triều Ngô. Năm 1946, Thiện gia nhập Đoàn Thanh Niên Phật Tử Thiện Chí. Tánh tình thông minh, vui tươi, nhanh nhẹn nên Thiện lên cấp bậc rất mau, từ đoàn sinh lên đến Đoàn Trưởng.

Thiện rất hăng say học tập giáo lý kinh Pali và đậu cấp bằng giáo lý sơ đẳng. Trong các công tác xã hội, Thiện đã tỏ ra xuất sắc, tận tâm giúp đỡ đồng bào với luôn luôn nụ cười trên môi.

Là một Phật tử yêu nước mến đạo, nên Thiện luôn luôn có mặt trong các cuộc vận động Phật-giáo, Thiện gởi đất nằm sưng để bảo vệ chư Thượng Tọa, Đại Đức và giữ gìn an ninh trong khuôn viên Việt Nam Quốc Tự, tham gia tuyệt thực và thừa hành nghiêm chỉnh chỉ thị của Giáo Hội.

Năm 1966, Thiện đã dẫn đầu các cuộc biểu tình do Giáo Hội tổ chức, đòi chủ quyền quốc gia và Quốc Hội Lập Hiến. Thiện tình nguyện ngày đêm ở Việt Nam Quốc Tự để giữ gìn trật tự nơi Viện Hóa-Đạo.

Trước khi mất vài hôm, Thiện nói với Anh em:

“Thà chết cho Đạo pháp và lý tưởng

còn hơn chết cho bạo quyền”

Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 15.6.1966, Thiện lãnh phần trực nơi cổng chính, bị trúng đạn nơi trán, nên liền ngã ngay tại cổng lớn Việt Nam Quốc Tự.

Liên sau đó, được 6 đồng bạn chở đi bệnh viện, đến trước cửa trường Hồng Lạc, đường Trần Quốc Toàn, xác Thiện bị cướp và sáu đồng bạn bị bắt luôn.

Đến 0 giờ ngày 16.6.1966, Thiện đã mất tại bệnh viện Đô Thành và chôn tại nghĩa trang Đô Thành.

Đoàn trưởng Huỳnh Văn Thiện là một thanh niên Phật tử Thiện Chí đầu tiên hy sinh cho Dân tộc và Đạo pháp, tô thêm nét son vào lịch sử Phật-giáo Việt-Nam.

---o0o---

TIỂU SỬ CỔ ĐẠI ĐỨC THÍCH THIỆN ÂN

**Bị bắn trọng thương trong vụ thảm sát tại Việt Nam Quốc Tự
Viên tịch lúc 5 giờ sáng ngày 23.6.1970.**

Đại Đức Thích Thiện Ân pháp danh Đồng Thiện tên thật là LƯƠNG HỮU BA 21 tuổi, sinh năm 1949 tại xã Nghĩa Hưng, quận Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi; con ông Lương Châu và bà Hồ Thị Ngọc, sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, anh em gồm có 4 người: một anh, một chị và một em trai. Vì sớm ảnh hưởng ở đức tính hiền hòa của phụ thân cũng như nếp sống thanh nhã của gia đình, cậu bé BA đã xin phép song thân vào chùa tập sự xuất gia năm 11 tuổi, tại chùa Linh Ứng Non Nước Đà Nẵng. Tại đây, Đại Đức được Thượng Tọa Thích Trí Hữu cho xuất gia vào ngày 10.1.1958. trong khoảng thời gian tu học tại đây, Đại Đức đã tỏ ra thông minh. Vì thế mặc dù đầu còn để chóp, Đại Đức được Bôn sư chú ý. Đến năm 1960, vào dịp lễ vía đức Quan Thế Âm 19.2, Đại Đức được thọ Sa Di giới. Vì tính hiếu học, Đại Đức đã xin phép Bôn sư vào Sài gòn năm 1960 và được sự gởi gắm hẳn hoi của Thầy, nên Đại Đức đã được về chùa Thiên Phước Cai Lậy để tu học vào năm 1960 tới năm 1962. Sau đó Đại Đức từng học tại Phật học Viện

chùa Phước Hòa Vĩnh Bình từ năm 1962 tới năm 1964. khi học mãn 3 năm sơ trung học tại Phước Hòa, Đại Đức tiếp tục về học tại Phật Học Viện Quang Minh vào năm 1964. ở đây chưa được nửa năm thì Phật Học Đường bị giải tán. Vì tính hiếu học, Đại Đức tiếp tục cuộc hành trình thi vào lớp Trung Đẳng Phổ Thông tại Phật Học Viện Huệ Nghiêm, vào năm 1964 cho tới năm 1967. trong suốt 4 năm tu học tại đây, Đại Đức tỏ ra thông suốt về thế pháp cũng như Phật pháp. Sau biến cố Tết Mậu Thân, Phật học Viện Huệ Nghiêm tạm đóng cửa. Trong thời gian này, chư tăng tạm thời phải rời Phật Học Đường Huệ Nghiêm và cũng là năm Đại Đức tốt nghiệp lớp Trung Đẳng Phật-giáo. Sau đó, Đại Đức về tu học tại tăng xá Phước Huệ Phú Thọ. Vì việc Phật sự nên sau đó Đại Đức về chùa Vạn Hạnh đường Võ tánh Gia Định trong hơn 1 năm, từ cuối năm 1967-1968. đầu năm 1968, Đại Đức thể theo lời mời của Phật tử về tọa chủ chùa Tân Long ở Tân Quý Đông, quận Nhà Bè, Gia Định. Tại đây Đại Đức được mới làm cố vấn giáo lý cho Gia đình Phật tử. Năm 1969 Đại Đức thọ Cụ Túc Giới tại Phật học Viện Huệ Nghiêm.

Đến ngày 4.5.1970 được tin Tăng Ni và Phật Tử đã trở về thu hồi Việt Nam Quốc Tự, nên chiều ngày hôm đó Đại Đức đã sốt sắng đến tham dự. Nhưng ma vương đạo tặc và hận thù vẫn còn tung hoành phá phách: bọn giáo gian đã cấu kết với chính quyền dùng vũ lực tấn công vào Việt Nam Quốc Tự bắn giết, đánh đập, đốt phá... đã làm cho một số người chết, mất tích và trên hơn 100 người khác bị thương nặng nhẹ, trong đó có Đại Đức. Đại Đức đã bị trúng phải viên đạn vào bụng xuyên qua sau, làm cho Đại Đức bất tỉnh quằn quại trên vũng máu, cho đến 7 giờ sáng mới có xe chở vào bệnh viện Bình Dân. Mặc dù ở trong tình trạng mê sảng, nhưng Đại Đức cũng cố gắng gượng nói trong hơi thở phì phào với các huynh đệ rằng: “Chính thầy T.G. mặc đồ nhà binh mang lon Đại tá cầm súng bắn vào Đại Đức. Và Đại tá T.G. còn hò to “Hãy bắn chúng nó hết đi, ...” tại bệnh viện Bình Dân, Đại Đức đã được Bác sĩ giải phẫu lần thứ nhất. Sau hơn 1 tuần, vì thấy bệnh tình càng ngày càng nguy ngập, mỗi ngày mỗi ốm gầy héo hắc, nhưng tinh táo hơn những lần trước. Và cũng trong khoảng thời gian này, Đại Đức dường như đã biết trước được ngày lâm chung, nên tỏ ra vui vẻ trò chuyện tự nhiên. Trong những câu chuyện đàm đạo với thân nhân và người nuôi bệnh. Trong những câu chuyện đàm đạo với thân nhân và người nuôi bệnh, Đại Đức đã tâm sự rằng: “Thế sự sao lắm đảo điên, tình đời quá đen bạc. Những người tu hành như Thầy T.G.–T.C–Đ.N. mà sao còn gian ác, giết người không gớm tay, chắc những người đã chết, bị què quạc và nếu tôi cũng sẽ chết thì chắc quý Thầy đó vui sướng lắm!” và trước khi từ giã cõi đời ô trược, gian ác này, Đại Đức đã nhắn gửi rằng:

“Sau khi tôi chết, thi thể của tôi xin được quàn tại chùa Ân Quang và hỏa táng tại An Dưỡng Địa”

Trong hơi thở ngập ngừng, Đại Đức nói tiếp:

“Các Thầy T.G.–T.C–Đ.N. hãy bỏ súng đạn xuống, thôi đừng giết người nữa và hãy giao trả Việt Nam Quốc Tự lại cho Giáo Hội, xin đừng nhờ thế lực chính quyền để bắn giết những người vô tội, tôi sẽ mở mắt nhìn xem quý Thầy hành động đây”.

Thật vậy, Đại Đức đã tắt lịm trong lời nói cuối cùng này, nhưng đôi mắt vẫn còn mở to như muốn nói và làm một việc gì mà Đại Đức chưa làm được.

Lúc đó đúng 5 giờ sáng ngày 23.6.1970, Đại Đức đã vĩnh biệt ra đi trong khi Giáo Hội còn mang nặng nhiều vết thương lịch sử do một số giáo gian cấu kết với chính quyền tạo ra với những âm mưu triệt hạ và lũng đoạn Giáo Hội. Những hăm dọa, khủng bố đau thương tang tóc của Giáo Hội còn đó, Tăng Ni huynh đệ và Phật tử còn đây, nhưng Đại Đức đã ra đi và để lại cho mọi người niềm mến tiếc nhớ thương và lại một lần nữa Đại Đức đã ghi thêm vào lịch sử Phật-giáo Việt-Nam một nét son oai hùng của người Tăng sĩ suốt đời chỉ biết hiến thân để phụng sự cho Đạo pháp và Dân tộc.

---o0o---

BÀI ĐIỀU VĂN CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH PHÁP LAN

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TANG LỄ ĐĐ THÍCH THIỆN ÂN

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Thượng Tọa Viện Trưởng Hóa-Đạo,
Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, và Toàn thể đồng bào Phật tử, cùng tang quyến của Đại Đức Thích Thiện Ân.
Kính thưa liệt quý vị,

Trước ánh hào quang Chư Phật, Giữa khung trời làn khói hương hòa lẫn với vầng mây âm đạm ! Cả một rừng người lộ bày đầy uất hận, ngậm ngùi rơi lệ trước kim quang !

Tức tối thay ! phường gian ác tàn bạo... Thương tiếc đây, người chơn tu hiền đức!

Thầy Thiện Ân ôi ! đây là lần chót, đưa thầy về cõi Phật; trước linh sàng xin kính điều vài lời. Nguyên chơn giác hồn thiêng thầy chứng giám. Hỡi ôi ! gió thảm từ đâu cuốn cuộn gọi trên dòng sóng lệ ! Mây sầu bỗng kéo mịt mù ngút tỏa giọt mưa tuông !

Tử, Sanh, Lão, Bệnh, bốn giai tuồng, cõi trần thế, ai ai cũng thế !

Nhưng đau đớn thay ! thầy mới hưởng 24 năm thế hệ, vội xa lìa thầy tổ, cha mẹ !

Cái chết của thầy ai nghe đến cũng cảm hờn !.. đều nguyên rửa bọn giáo gian là tối ác !

Song, kẻ ấy đối với thầy họ có khác chi đâu, cũng cà sa, cũng đầu trọc, cũng màu nâu; nhưng chỉ khác lòng khuyến dụ trâu phường phản đạo. Tuy họ sống, cả Dân tộc lẫn cỏ cây đều tiêu ngạo. Chết như thầy, trang sử vàng Phật-giáo mãi còn ghi.

Thầy ra đi, cũng như các Thánh Tử Đạo đã ra đi, và như bao nhiêu đứa con tinh thần của Tô Quốc đã ra đi.

Quý Ngài ra đi, để những trang sử oai hùng cho thế hệ, để những ngọn đuốc huệ huy hoàng, để những tâm can trong sạch.

Chúng tôi ở lại, ở lại với trăm ngàn việc cam go thử thách, ở lại giữa thời chiến cuộc loạn ly, tiếng đạn bom rền rĩ suốt ngày đêm, xương đồng loại , máu đồng bào ngày càng thêm cao đong !

Vì tranh đấu cho Phật-giáo đồ nhứt thống, đạn vô tình của kẻ phi nhân, do bàn tay những bọn bán nước buôn dân, đầy thủ đoạn nhồi da xáo thịt. Người mến nước yêu dân rất ít, kẻ tham ô tàn bạo thì quá nhiều ! nghĩ bấy nhiêu, lòng uất hận bấy nhiêu ! Máu bất khuất, giống tiên rồng, thà chết vinh hơn sống nhục.

Hỡi ôi ! Thế cuộc sao quá đảo điên ? Lòng người chóng thay đen đổi trắng: Con pháp nạn năm 63, thầy trò còn khăn khăn; đến hôm nay vừa tính chẵn 7 năm.

Ai cầm súng ? ai kéo quân vào V.N.Q.T.? Có phải là : TG.ĐN. với T.C...! Chín quyền đâu ? pháp lý đâu ? hay đồng lõa cùng nhau toan thăm sát ? Lệnh đàn áp, súng nổ vang muôn loạt, giữa đêm trường trong lúc giới nghiêm.

Bọn ác tăng sát khí hầm hầm ! Tay nỏ súng, miệng thét vang : bắn ! bắn vào đầu Phật tử lần Tăng Ni !

Đại Đức Thiện Ân là một vị tâm sắt đá, dạ gan lỳ, thề cương quyết chống bọn giáo gian phản đạo !

Xảy một phút Ca Sa đẫm máu, lửa ma vương bốc cháy cả thiên môn !..
Giờ đây kẻ bị trói, người ép dòn, tiếng kêu cứu trên xác người nằm la liệt !
Ôi thôi ! người trả nợ, kẻ gây oan nghiệt, cõi trần hoàn vay trả, trả vay !
Đại Đức Thiện Ân nguyện xả huyễn thân này, thần thức chỉ quy về Tịnh Độ.
Lòng bác ái lay thầy ra tay cứu khổ, giúp Việt Nam mau được Hoà Bình,
phò Giáo Hội hồng dương Chánh Pháp.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

SÀI GÒN, ngày 28-6-1970
THÍCH PHÁP LAN

---o0o---

ĐIỀU VĂN CỦA BAN HDTƯ' GDPT VIỆT NAM

Đọc trong tang lễ cố Đại Đức THÍCH THIỆN ÂN CỐ VĂN GIÁO LÝ GIA ĐỊNH PHẬT TỬ'

Tử thương do đêm thăm sát (5.5.1970) tại VNQT.

Hỡi ôi!

Lửa cháy đạn bay-Thịt rơi máu đổ !

Đêm kinh hoàng tiếng thét vút trời cao

Niềm uất hận bút ghi hàng thế-kỷ.

Lũ cuồng nhân như loài ác thú, mượn lột người hiền, mặc áo Thầy tu, xem đồng đạo như người xa lạ.

Bọn khát máu tựa loài quỉ dữ, giả dạng cao tăng đoạt cửa Từ Bi, nhìn tín hữu tưởng phùng thù nghịch.

Đêm thăm sát mừng 5 tháng hạ, những ma vương phơi rõ mặt hung tàn.

Giờ tử đạo cuối tuần nguyệt tận, hồn đại giác nêu cao lòng ngộ đạo.

NHỚ GIÁC LINH XƯA:

Năm mười tuổi sớm bước vào đường đạo, xin lệnh xong đường nối gót Đấng Từ Bi.

Suốt mười năm chuyên chú việc kinh vàng, vâng mệnh Bôn sư đốt đuốc tìm về bến giác.

Một lòng vì đạo mệnh vẫn xót xa.

Nửa đoạn đường đời, chung niềm đau đớn.

Đoái là tiếc tuổi đời còn trẻ, mười năm học đạo đau lòng trước cảnh cốt nhục tương tàn.

Những là thương dạ đá gang vàng, kinh sử bao năm, xả thân thấp sáng niềm tin tối thượng.

Hỡi giác linh của Vì Tử Đạo, xin độ trì cho lớp người mê lạc sớm trở về với đấng cha lành.

Nào những hồn con em nối gót, hãy noi gương đại giác để tìm được ánh vàng của Đức Từ Tôn

Chúng tôi nay quỳ dưới Phật đài:

Lòng cùng lòng nguyện chí khăn tang-Mắt cùng mắt hướng về Phật Tổ.

Nguyện cầu cho giác linh Người sớm về cõi Niết Bàn.

Cung thỉnh để hương hồn Người trở lại đây chứng giám.

Hỡi ôi! Thượng Hưởng.

---o0o---

TIỂU SỬ CỐ HUYNH TRƯỞNG PHAN DUY TRINH

Huynh Trưởng Phan Duy Trinh 40 tuổi, pháp danh Tâm Khiết, sanh năm 1925, chánh quán Phò An, Phú Vang, trú tại Kim Long, Hương Trà, Thừa Thiên. Thân sinh của Đạo Hữu gồm có 5 anh em, Đạo Hữu là người con trưởng. Là một hội viên thuần thành của Hội Phật-giáo Kim An từ năm 1953. năm 1954 Đạo Hữu đã dự trại Đại Chí B của GDPT Thừa Thiên tổ chức tại Báo Quốc. Sau một thời gian sinh hoạt tại Kim An, nhận thấy gia đình này có khả năng tự đứng vững, Đạo hữu bắt đầu khai sinh GDPT Phú Thạnh và hoạt động cho Gia Đình này. Cũng trong thời gian đó. Đạo hữu đóng góp không ít cho Gia Đình Phật tử An Hòa . Đạo hữu vừa sinh hoạt cho Phú Thạnh vừa giúp đỡ cho An Hòa. Mỗi tuần Đạo hữu phải dành trọn ngày chủ nhật cho hai gia đình này.

Vào năm 1955, một cuộc rước Xá Lợi được tổ chức trọng thể từ Sài Gòn về Huế. Đạo hữu là người tham gia tích cực nhất và việc chuẩn bị và tổ chức cho ngày Đại lễ đó. Về công tác xã hội, Đạo hữu là người đóng góp rất nhiều cho công cuộc bình dân giáo dục tại xã địa phương. Đạo hữu là một huynh

trưởng thọ thập trai, rất giỏi về Phật pháp và có khiếu về hoạt động thanh niên.

Vì những hoạt động đặc lực của Đạo hữu cho Gia đình Phật tử cũng như sự nhiệt thành đối với công tác Phật sự của Tỉnh Hội, Đạo hữu đã bị những đôi mắt bí mật theo dõi. Có một số người lạ mặt bắt đầu theo đuổi Đạo hữu và Đạo hữu đã bị họ cảnh cáo và hăm dọa một vài hôm, trước khi ngộ nạn. Chính Đạo hữu đã tiết lộ điều này cho một Đạo hữu trong ban trị sự khuôn hội Phú Thạnh biết là có lẽ Đạo hữu sẽ bị nguy hại. Và lời báo trước đó đã thành sự thật.

Đêm 18 tháng 4 năm Ất Ty, vào khoảng 9 giờ tối, trong khi tiễn đưa 3 Huynh trưởng Phú Thạnh đến thăm, nhân Đạo hữu đã bị một số người có vũ khí bắt cóc. Sáng ngày 19.4 âm lịch, một huynh trưởng trong số ba Huynh trưởng trở lại hỏi thăm gia đình Đạo hữu và báo tin Đạo hữu đã bị bắt cóc. Đồng thời vào lúc đó cũng có người tin về Đạo hữu đã bị ám hại trên một cồn mả cách nhà Đạo hữu khoảng 300 thước về Hướng Bắc. Trên khoảnh đất Đạo hữu nằm bị nát một vạt cỏ, máu và cơm lẫn lộn với nhau và cạnh đó một khúc gỗ bằng kiền kiền có ba cạnh đã gãy đôi. Nhìn trên thi thể thấy Đạo hữu bị một nhát đâm ở Thái Dương bằng dao nhỏ, vết thương bị ngoáy mạnh và sâu, ngực Đạo hữu bị dập nát, nhiều xương bị gãy, toàn thân bị những vết thương bầm tím, tay Đạo hữu bị trói giật lùi đằng sau bằng một sợi dây trắng. Đạo hữu nằm hướng đầu về nhà cách chỗ bị đánh 5 bước.

Trong thời gian chuẩn bị đám tang có rất nhiều người lạ mặt rình rập quanh nhà. Tuy thế đám tang vẫn được cử hành rất rộng thê. Ba khuôn hội Kim An, Phú Thạnh, An Hòa đã đứng ra tổ chức lễ an táng này. Tiễn đưa linh cữu, hội hữu và các Gia đình ở Huế nối dài hơn 2 cây số. Nhiều trưởng, liền, vòng hoa đã nói lên nỗi xúc động mãnh liệt và lòng thương tiếc sâu xa của mọi người đối với một Phật tử đã bỏ mình vì đạo.

Năm 1965, Viện Hóa-Đạo đã phong cho Đạo hữu lên hàng THÁNH TỬ ĐẠO.

---o0o---

TIỂU SỬ CỐ HUYNH TRƯỞNG NGUYỄN ĐẠI THỨC

Huynh Trưởng Nguyễn Đại Thức 37 tuổi, pháp danh Tâm Dũng, sinh ngày 14.7.1929 tại Nguyệt Áng, Quảng Bình, trú quán 46 Trịnh Minh Thế Huế. Con Ông Nguyễn Đại Thành (đã chết) và Bà Từ Thị Hiêm. Bôn sư của

Đạo hữu là Thượng Tọa Thích Đôn Hậu. Đạo hữu là một người luôn tỏ ra cần mẫn mến Đạo. Đạo hữu cũng là một Thiếu Úy trong quân đội VNCH. Đạo hữu kết hôn với cô Ái và sinh được 4 người con trai kháu khỉnh.

Pháp nạn 1963, chế độ Ngô Đình Diệm thẳng tay đàn áp Phật-giáo đồ, triệt hạ cờ Phật-giáo, dùng chính sách tù đầy, tra tấn dã man. Bấy giờ Đạo Hữu là một sĩ quan an ninh, hằng ngày phải chứng kiến những cảnh man rợ đó, lòng Đạo hữu đau quặng, buồn tủi thương cho đồng đạo và lo cho số phận tin ngưỡng của mình. Trước trạng huống đau lòng đó, Đạo hữu đã không ngại ngần đến với gia đình Phật Tử Tịnh Bình; mặc dù Đạo hữu biết đến với GDPT lúc này sẽ gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm. Ban đầu Đạo hữu chỉ là một bạn đoàn, qua một thời gian sinh hoạt, Đạo hữu tỏ ra là một người anh gương mẫu, nhiệt thành với tổ chức, nên gia đình đã chính thức nhận Đạo hữu là một Huynh Trưởng với chức vụ Đoàn phó đoàn Thiếu Nam. Ngày 26.7.1965, Đạo hữu dự trại Lộc Uyển và tiếp đến dự trại A Dục ngày 1.9.1965. trong buổi lễ phát nguyện trước Tam Bảo, Đạo hữu đã phát nguyện những câu sau đây:

“Thược, Hiệp, Hảo, Hải (tên các con Đạo hữu), các con hãy đốt cây đèn này sau khi Ba đã về cõi Phật (câu này Đạo hữu khắc vào đèn sáp trong buổi phát nguyện)”. Niên khóa 1965-1966, Đạo hữu nhận chức Đoàn trưởng Thiếu Nam kiêm Thư ký Gia đình. Đạo hữu còn là một ủy viên trong ban Bảo trợ GDPT Thừa Thiên.

Năm 1966, Phật-giáo đồ toàn quốc lại phải đứng lên một lần nữa để đòi chính quyền thực hiện dân chủ bằng cách tổ chức các thể chế dân cử. Cuộc tranh đấu đầy cam go và buồn tủi nhiều hơn trước. Đạo hữu là một trong những người tranh đấu hăng hái và nhiệt thành nhất. Ngày 27.3 nhuận năm Bính Ngọ 1966, lúc 10 giờ 30 sáng, trong khi Đạo hữu cùng làn sóng người tràn vào Bộ Tư Lệnh sư đoàn I, để đưa thỉnh nguyện thư thì Đạo hữu bị một tràng tiểu liên của tên cận vệ Huỳnh Văn Cao hạ sát. Đạo hữu vĩnh viễn ra đi lúc 12 giờ 15 trưa cùng ngày, để lại sự tiếc thương cho hàng vạn Phật-giáo đồ Thừa Thiên và Huế. Đạo hữu ra đi để lại thân sinh già yếu, người vợ bệnh hoạn quanh năm, và một đàn con dại.

Linh cữu Đạo hữu được quản tại chùa Diệu Đế Huế, hằng ngày rất đông đồng bào Phật tử đến thăm viếng tiếc thương. Cũng tại đây Đạo hữu được Ban Hướng Dẫn Thừa Thiên gắn lên nắp áo quan tài cấp TÍN (cấp bậc khá cao cho những Huynh Trưởng có tinh thần, nhiệt tâm vì Đạo).

Đạo hữu hưởng thọ 37 tuổi đời và 3 tuổi trong GDPT.

Ngày đưa đám Đạo Hữu, bầu trời ảm đạm, mây buồn che kín cả khung trời và từng đoàn người nối tiếp nhau, nghẹn ngào rơi lệ! Tiếng kèn, tiếng trống ai oán thảm thương, tất cả đều tiễn đưa Đạo hữu đến nơi an nghỉ cuối cùng.

---o0o---

TIỂU SỬ PHẬT TỬ NGUYỄN THỊ VÂN

Thiếu nữ Phật tử NGUYỄN THỊ VÂN 17 tuổi, pháp danh Không Gian, sanh ngày 12.4.1949 tại Thành Nội Huế. Thân sinh Nguyễn Thị Vân là Ông Nguyễn Văn Khả và Bà Nguyễn Thị Minh.

Năm 1956, Vân lại được thân sinh cho vào Gia Đình Phật tử Thành Nội, sinh hoạt với đoàn Oanh Vũ Nữ. Với bản tính hiền hòa dễ mến, siêng năng ngoan ngoãn, luôn vâng lời anh Chị trưởng, vì vậy Vân được Anh Chị và các bạn tặng danh hiệu “đoàn sinh gương mẫu”. Năm lên 10, Vân được giữ chức vụ Đoàn phó, rồi lên Đoàn trưởng. Và đến năm 14 tuổi, Vân được lên Thiếu Nữ. Vẫn đức tính đoan trang hiền dịu của một Thiếu Nữ xinh tươi, Vân đã tỏ ra xứng đáng là một Phật tử ngoan đạo. Vào lúc này Vân đã dự các kỳ thi vượt bậc Hướng Thiện, Sơ Thiện và Trung Thiện, dù được trúng cách với số điểm khá cao, Vân không bao giờ tỏ ra kêu hãnh tự cao; Bao giờ Vân cũng tìm tòi học hỏi thêm.

Khí thế tranh đấu năm 1966 sôi sục, dâng cao, các vị Chân tu đã tự thiêu để phản đối. Tại Huế, Ni Cô Thích Nữ Thanh Quang đã tự thiêu tại chùa Diệu Đế. Ngày 12.4 Âm lịch Nguyễn Thị Vân đã noi gương Ni cô Thanh Quang tự thiêu để phản đối những áp bức, những bạo tàn, những đàn áp...vào lúc 3 giờ sáng, để lại cha già với đàn em còn thơ dại. Vân ra đi đang giữa lúc tuổi đời đang còn nhiều mơ mộng, tương lai tươi sáng đang chờ đón Vân. Một mình thâm lặng điềm tọa trước hiên Chùa Khuôn Giáo Hội Thành Nội, tự tay châm lửa thiêu thân, khiến nhục thể Vân không tiêu tan trọn vẹn ... lửa đã tắt Vân chưa tắt thở, với thân xác rơm rớm máu, miệng vẫn thăm niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”.

Can đảm hơn nữa, kiên hùng hơn nữa, khi Vân biết mình còn sống, vì thiếu xăng, nên môi Vân mấp máy qua hơi thở đứt đoạn “xin ...quý ...ngài ...cho ...con ...thêm xăng ...để ...thiêu ...thân ...cho tròn ý nguyện...”.

Lúc này mọi người đã đổ xô đến bạn bè, thân thuộc, Quý Thượng Tọa, ký giả báo chí đều có mặt, nhưng không một ai đủ nghị lực để thỏa mãn lời yêu cầu của Vân. Thế là Vân được đưa vào bệnh viện Huế và ... ý nguyện Vân đã thành: vào lúc 7 giờ 30 phút ... Vân đã vĩnh viễn ra đi để lại sự tiếc thương cho bao nhiêu người mến Vân, thương Vân, trong niềm xúc cảm chân thành đó, còn có một niềm hãnh diện.

Điều cần nhắc nhở là trước khi tự thiêu, Vân đã để lại chiếc áo lam với đầy đủ huy cấp hiệu kèm theo 3 bức thư:

- 1 gởi thân quyến.
- 1 gởi chính quyền đương thời.
- 1 gởi Tổng Thống Hoa Kỳ.

---o0o---

TIỂU SỬ PHẬT TỬ ĐÀO THỊ TUYẾT⁹

Đào Thị Tuyết 17 tuổi, sinh tại Sài Gòn, con của Ông Đào Đình Diệu và Bà Đỗ thị Vinh.

Tuyết có 5 chị em, 4 gái và 1 trai. Tuyết đứng về thứ ba. Tuyết học đến đệ lục, tánh tình dầm thắm, ăn nói lễ độ, được thầy thương bạn mến.

Tuyết vào Đoàn Thanh niên Thiện Chí, để rèn luyện nếp sống của một Phật tử. Tuyết thường ôm ấp bản nguyện:

“Nên làm một cái gì đó đối với Dân tộc và Đạo pháp”.

Thế rồi vào lúc 21 giờ 30 ngày 17.6.1966, nhằm ngày 30.4. năm Bính Ngọ, Tuyết phát nguyện tự thiêu tại Việt Nam Quốc Tự, để cầu nguyện cho Đạo pháp sớm chấm dứt tai nạn và Dân tộc sớm được Hòa Bình an lạc.

---o0o---

TIỂU SỬ ĐẠO HỮU LÊ VĂN MỸ

Đạo hữu Lê Văn Mỹ 67 tuổi, pháp danh Tâm Mậu tự Chơn Thiện, sanh năm Nhâm Dần (1902), tại thôn Lâm Lang xã Cam Hiếu quận Cam Lộ tỉnh Quảng Trị, trong một gia đình Nông Nghiệp.

Năm 27 tuổi Đạo hữu lập gia đình tại Huế, với một bà thuộc dòng Hoàng tộc, sanh được hai người con trai. Đến năm 37 tuổi, người bạn đời mất đi. Đạo hữu ở vậy nuôi con.

Đến năm 48 tuổi, Đạo hữu quy y với Hòa Thượng Thiên Tôn (Tổ Giác Nhiên), và quyết tâm tu niệm. Mặc dù ở tại gia, nhưng Đạo hữu rất chuyên cần tu về pháp môn tịnh Độ và ăn trường trai suốt 17 năm.

Đến vía Phật A Di Đà, ngày 17.11 năm Kỷ Dậu, (nhằm ngày 25.12.1969) Đạo hữu phát tâm tự thiêu vào lúc 5 giờ sáng, tại tư gia ở Đà Nẵng, để cầu nguyện Hòa Bình cho đất nước và Phật-giáo hết tai nạn.

---o0o---

HẾT

¹. P.C. Nên xem quyển Việt nam Phật giáo sử lược của T.T. Mật Thế và 5 bài Lịch sử Phật giáo trong Phật Học Phổ Thông khóa 5.

². Cụ Nguyễn Đăng Thục có soạn nhiều bộ sách Phật rất quý.

³. Cụ Vũ Hoàng Chương, tác giả tập thơ Bút Nở Hoa Đàm, Lửa từ Bi và bài Nguyên cầu, ...

⁴. Võ Đình Cương, nhà văn, tác giả quyển Ánh Đạo Vàng, Thử Hòa Diệu Sống, Cặp Kính màu, ... và làm chủ bút báo Giác Ngộ, Giải Thoát năm 1945.

⁵. Lê Cao Phan, nhạc sĩ, tác giả bài nhạc “Phật giáo V.N. Thống nhất” năm 1951, ...

⁶. Nhạc sĩ Lê Cao Phan sáng tác năm 1951.

⁷. Xem hình ảnh tự thiêu của Chư Thánh Tử Đạo ở sau (Thiêu đòi Hòa Bình Việt Nam, thiêu để bảo vệ Đạo Pháp).

⁸. Giáo sư Morrison.

⁹. Bổ túc trang 164

Bổ túc trang 175